

PHỔ THÔNG

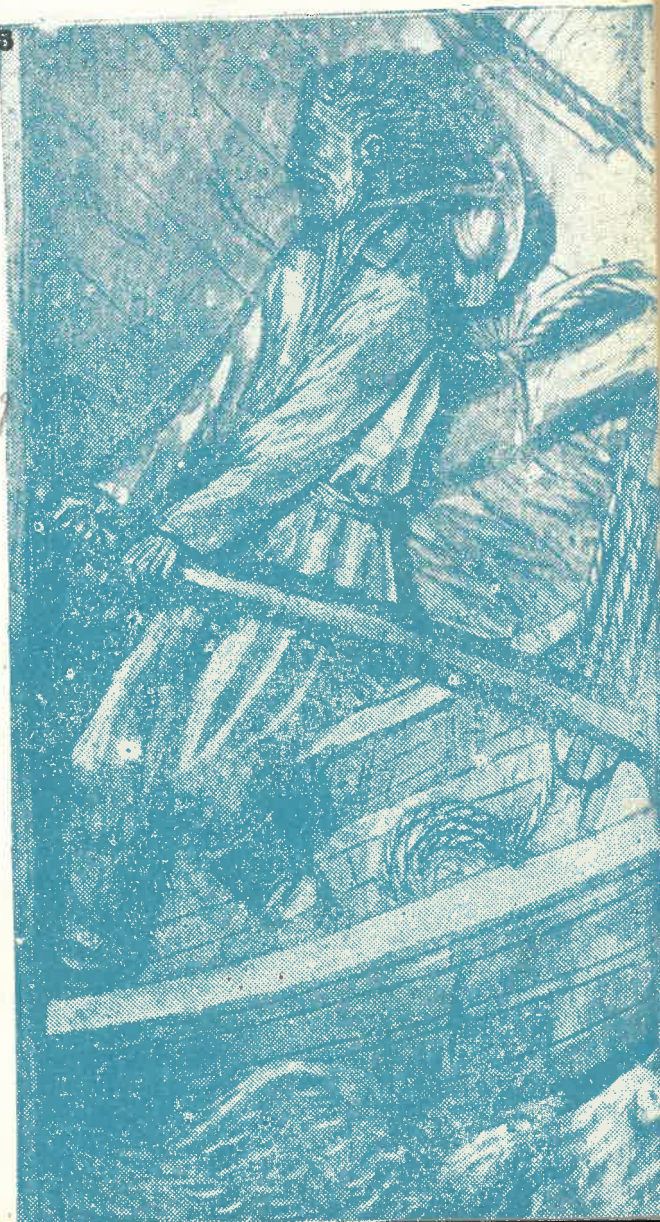
chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đọc: NGUYỄN - VỸ



20-1-1969

Handwritten notes: 216, 20-1-1969, 216, 20-1-1969

CHÈO CHỔNG



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CÔ

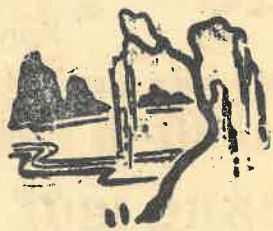
Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon Đ.T. 25861

NĂM THỨ XI ★ SỐ 216 ★ 20-1-1968

1) Hòa đàm	Nguyễn Vũ	6—10
2) Lời giới thiệu kịch phẩm Lincoln. Hoàng Hồng		11—18
3) Loài chim	Tín Khanh	19—23
4) Phú Quốc	Anh Tuấn	24—29
5) Nỗi buồn thơ mới Trần Lưu Nguyên Khanh		30—33
6) Phan bội Châu	Huỳnh hữu Hiến	34—51
7) Kẽ với không gian (thơ) Nhật huyền Thanh		52—54

8) Như chiếc lá	Thu Mai	55—60
9) Chiến sĩ và chiến tranh ,	Nguyễn đôn Mân	61—66
10) Âm hưởng (thơ)	Thu Phong	67
11) Từ Le Zen	Thái khắc Lê	68—75
12) Tiếng nói thể hệ	Lam Tuyền	76—81
13) Quảng Ngãi (thơ) ,	Lê ngọc Khôi	82
14) Văn học Quốc tế , , . . .	Thanh việt Thanh	83—90
15) Tân nhạc đông phương ,	Tôn thất Tiết	91—96
16) Cổ ca Việt Nam, ,	Phạm trung Côn	97—103
17) Không lực Hoa kỳ ,	Nguyễn quang Hiền	104—114
18) Hồ xuân Hương	Nguyễn Vỹ	115—120
19) Đêm giáng sinh (thơ). . . .	Võ trọng Cơ	121 — 123
20) Minh ơi	Diệu Huyền	124 128



W 263487
101

MS

PHỒ-THÔNG

XUÂN KỶ - DẬU

với một sắc thái mới lạ,

Sẽ phát hành vào ngày

20 tháng Chạp ta

Bạn đọc thân mến có thể gửi bài

Xuân về Tòa soạn từ bây giờ.

PHỒ - THÔNG

XUÂN KỶ-DẬU

trong nắng mới

VÙNG LÊN...

THÁP EIFFEL

Sẽ đẻ ra một
con chuột chết

Hay là :

HÒA ĐÀM»

PARIS

Sẽ đi đến

KẾT QUẢ:

ZÉRO

Nguyễn Vỹ

•1 Johnson đã tìm cách thương thuyết với Hà Nội và không ngớt kêu gọi «Hòa bình danh dự». Danh dự cho ai ? Cho Johnson ? Cho Mỹ ? Nhưng chắc chắn không phải cho nhân dân Miền Nam Việt Nam. 17 triệu nhân dân miền Nam rất mong muốn Hòa bình, nhưng Hòa bình chiến thắng Hòa bình Tự do, Hòa bình Hùng-cường, Hòa-bình An-ninh, Hạnh phúc.

«Hòa-bình danh-dự» của Johnson là hàm ý nghĩa Hòa-bình nhượng bộ, hòa-bình hèn nhát, nhục-nhã, hòa bình van xin.

«Hòa bình danh-dự» của Johnson là hòa-bình vô-danh dự.

Nếu miền Nam Việt-Nam cứ người đi Paris đề tỏ thiện chí «Hòa bình» nhất định không phải đề chấp nhận «hòa-bình danh-dự» ngớ ngẩn, vớ vẩn, của Johnson-Harriman, hòa bình vô danh dự, của chính quyền Dân chủ Mỹ sắp sụp đổ 25 ngày sau lễ Christmas.

Hòa bình chiến thắng, hòa bình về vang, an lạc, chắc chắn sẽ đến với 17 triệu nhân dân miền Nam Tự do, miền Nam tự chủ tự cường. Nhưng Hòa bình kiểu hãnh đó sẽ đến trên chiến trường Việt Nam chứ không phải trên sân khấu Paris.

• 2 Chúng ta đã thắng. Chúng ta đang thắng. Chúng ta sẽ thắng. Cộng sản sẽ thua. Độc tài, xâm lăng, khủng bố sẽ nhất định thua Tự do, công lý, nhân đạo.

Quân đội nhân dân của miền Nam cương quyết bảo vệ tiền đồn Tự do, đã hy sinh bao nhiêu xương máu, với các bạn đồng minh, đã chiến thắng oanh liệt, đã chiến thắng không ngừng, đã chiến thắng khắp nơi.

Cộng sản đã thất bại nặng nề trong tham vọng xâm lăng trong âm mưu thôn tính nhân dân miền Nam, trong dã tâm tiêu diệt Tự do và xiển xích nô lệ nhân dân miền Nam. Nhưng Cộng sản đang reo mừng khai thác những ngày cùng lụn bại

của Chính quyền dân chủ Mỹ. Cộng sản đang gài bốn năm cái bẫy ở thủ đô Pháp để gạt Mỹ vô tròng, để giết miền Nam Tự do.

Nếu miền Nam cho người đi Paris để tỏ thiện chí hòa bình, nhất định không phải đề chấp nhận thứ hòa bình cạm bẫy, hòa bình giả dối thâm độc của Cộng sản, hòa bình «danh dự» nhục nhã và hèn nhát của Harriman-Johnson, hòa bình nô lệ của bọn chủ bại, của bọn tội tở tay sai Cộng sản.

• 3 Cộng sản, thâm độc và ngoan cố, đòi hỏi tại bàn hội nghị những điều kiện xảo quyệt, phi lý, mà chúng sẽ tận dụng tất cả những thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc, mánh lới áp lực trong ngoài, để thực hiện, để hò reo thắng lợi.

Harriman-Johnson có thể mắc mưu, như đã mắc mưu 1 cách hết sức ngô nghê — nhưng nhân dân miền Nam Việt Nam không thể mắc mưu Cộng sản.

Bọn tội tở của Cộng sản, tay sai của Cộng sản; bọn phản động, phản Tổ quốc, phản nhân dân, phản Tôn giáo, phản tư tưởng tự do cá nhân của chúng, phản cả quyền sống thiêng

liêng của chúng, có lẽ mong cho Cộng sản thắng lợi, mong cho Cộng sản xâm chiếm miền Nam, để chúng bán linh hồn, cầu xin một chút sống nô lệ.

☉ Quảng đại nhân dân miền Nam không chấp nhận tư tưởng bại vong đó.

Đi Paris để tham gia «Hòa đàm», một nhóm người nắm quyền đại diện cho 17 triệu nhân dân miền Nam nhất định không thể chấp nhận dù là nguyên tắc của tư tưởng bại vong đó, bất cứ dưới hình thức giả tạo nào.

Vì thế những người sáng suốt ở Việt Nam và trên thế giới, đều biết trước rằng cái gọi là «Hòa đàm Paris» sẽ đi đến kết quả : ZÊ-RÔ.

Con chuột nhắt tí hon từ bụng Tháp Eiffel chui ra sẽ chết chìm trên sông Seine.

Nước sông Bến Hải cứ chảy dọc theo vĩ tuyến 17, trở nên bệnh những xác chết Việt Nam.

Hòa bình sẽ đến. Hòa bình chân chính sẽ đem lại trong sạch trên giòng sông lịch sử; khi nào miền Nam Tự do sẽ chiến thắng cuối cùng, và Cộng sản không còn xâm lăng nữa.



Lời giới thiệu kịch phẩm « LINCOLN »

của a bác sĩ Hồ-Thích

Lược thuật tiểu sử Hồ-Thích

▼ HOÀNG HỒNG

Hồ Thích tự Thích Chi, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1891, hưởng thọ 71 tuổi. Người gốc Tích Khê, tỉnh An Huy, tự nhỏ đã thông minh hơn người, lúc 8 tuổi đã tự học. Quang Tự năm thứ 30, ông đến Thượng Hải học trường Mai Khê, rồi đến Trung Trung, mỗi lần thi đều chiếm được ưu hạng. Tuyên Thống năm thứ 3, đậu Quan Phố du học Mỹ Quốc, đầu tiên vào ban Nông Khoa Đại Học Đường Cornell, không bao lâu lại trở qua Văn Khoa, ở đây với môn Luận văn ông được trường học kim Kha sinh. Sau đó ông vào Đại Học Đường Columbia, theo học triết học gia danh tiếng là bác sĩ John Dewey. Sáng tác «Tiên Tần Danh Học Sử», ông được học vị Bác

sĩ Triết Học, tài khí tung hoành, tưng tâm lũng lẫy khắp thế giới.

Năm 1917 về nước, ông đảm nhiệm giảng sư Văn Khoa Đại Học Bắc Kinh, liền nỗ lực trong phong trào Tân văn hóa và cho ấn hành «Trung Quốc Triết Học Sử Đại Cương» quyển I. Những sáng tác văn học cách mạng và thơ bạch thoại được toàn quốc chú ý, vả lại chủ trương của ông được phát huy rộng lớn trong nước. Sau đó ông chu du các nước Âu-Mỹ; đến năm 1928 về nước ông đảm trách Hiệu Trưởng Công Học Trung Quốc, năm 1929 được cử làm ủy viên «Hội Tài Chánh Giáo Dục Văn Hóa Trung Hoa», Năm 1931 lại trở về chức giảng sư Đại Học Bắc Kinh

kiêm Viện Trưởng Viện Văn Học ; đến phong trào kháng chiến «thất thất» bạo phát, ông rời Bắc kinh sang các nước Âu Mỹ.

Năm 1938 làm đại sứ Trung Quốc ở Mỹ, vì địa vị trong giới học thuật cao siêu, ông được các nhà tài măt Mỹ quốc kính trọng ; trong thời kháng chiến ông cống hiến nhiều tâm lực. Sau thắng lợi, ông được ủy nhiệm làm Viện Trưởng Viện Đại Học Bắc Kinh ; Quốc Dân Đại Hội hai khóa 1946 — 48 ông đều được cử làm Chủ tịch Đại Hội.

Cuối năm 1948, thời cuộc ở đại lục biến chuyển, ông lấy 4 chữ «Khô Chướng Đãi Biển» đề khích lệ quốc dân Hoa Bắc. Sau đó ông đi du thuyết ở Mỹ Quốc. Tháng 2 năm 1957 phải bị mổ vì lở bao tử ; tháng 4 năm 1958 về nước nhậm chức Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Trung ương.

Những ngày trước khi ông thở hơi cuối cùng là những ngày đầy hoạt động của ông. Ông tham gia Hội nghị Giáo Dục

Toàn quốc và ngã quỵ tại Hội Trường trong khi chủ tọa Hội nghị Viện Sĩ lần thứ 5 của Viện Nghiên Cứu Trung Ương lúc 19 giờ ngày 24 tháng 2 năm 1962.

Lời giới thiệu kịch phẩm

LINCOLN

của Bác sĩ Hồ Thích

LINCOLN là kịch phẩm do nhà văn hiện tại của Anh quốc Johh Drinkwater soạn vào năm 1918, đầu tiên được trình diễn ở kịch đoàn Bir-Ming-Ham đã làm chấn động một thời, sau nhà đại văn hào Arnold Bennett thành lập một hí viện mới ở Hammersmith gần Luân Đôn và mời kịch đoàn Bir-Ming-Ham tái diễn vở này, cũng được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt, HammerSmith dù thuộc vùng thôn quê, nhưng nữ sĩ quý tộc ở Luân đôn cũng chen nhau đến xem, có ngày, một vị đại thần Tư Pháp từ Luân Đôn đến dự khán, không

mua được vé chỉ có nước mắt hừng rôi trở về ! Kịch bản này tiếp tục trình diễn ở Anh Mỹ, đều được hoan nghinh.

Kịch bản này có thể gọi là một thành công lớn. Vì sao ? Thứ nhất là kịch lịch sử chính trị, thứ hai là nội dung không chứa đựng ái tình giữa nam nữ. Làm cách cục triệu khán giả hai nước Anh Mỹ cảm động phải rơi không biết bao nhiêu nước mắt. Thật là thành công không tiền vậy.

Tác giả John Drinkwater là một thi nhân hiện tại. Thi tập của ông được xuất bản gồm có :

— Poems 1908—1914

— Pawns : Three Poetic Plays

— Olton Pools

— Swords and Ploughshares.

Ông lại là người biết nghệ thuật thứ bảy — Bộ sách thứ hai kê trên là ba thứ kịch thơ của ông. Ông lại phụ trách phần nghệ thuật cho hí viện Bis-Ming-Ham, nên nắm vững được bản lãnh của nghề, mở con đường mới với sáng tác kịch

bản lịch sử chính trị cận đại trên.

Kịch gồm 6 màn, đại lược như sau :

Màn I (1860) ! Đại hội đảng Cộng Hòa đề cử ông Lincoln ra tranh cử Tổng Thống cho Đảng mình, phái 4 đại diện đến nhà Lincoln, xin ông tiếp nhận sự đề cử trên, Lincoln đồng ý ra tranh cử. (Năm ấy kết quả cuộc tranh cử, Lincoln đắc cử Tổng Thống với số phiếu hơn địch thủ của mình đến 1.860.000. Trong khi chưa nhận chức thì Tiểu bang Souty Carelina tuyên bố thoát ly chính phủ Liên bang, đến Lincoln tựu chức tháng 3 năm 1861 đã có 7 Tiểu bang tuyên bố độc lập như vậy.)

Màn II (Năm sau) : Chiến tranh Nam Bắc hầu kè, Nam quân tấn công pháo đài Sanmut yêu cầu Tổng Thống Lincoln triệu hồi quân sĩ ở pháo đài này nên phái hai đại diện đến gặp Quốc vụ khanh, nhờ ông này can thiệp để Tổng Thống nhượng bộ, Quốc vụ khanh là

nhân vật danh tiếng của đảng Cộng Hòa, ngày thường ít được đem tên Lincoln vào mắt, mình nên chịu lời với đại diện miền Nam. May là Tổng Thống Lincoln gặp các ông này và phúc đáp thẳng tới họ là ông muốn duy trì tình trạng thống nhất lãnh thổ, không nhận cho các tiểu bang miền Nam tách rời. Thế rồi Nam quân thực sự tấn công Samut, Bắc quân sức mòn lương hết, mới đầu hàng. Đó là Trận đánh thứ nhất.

Màn III. (sau 2 năm) Chiến tranh Nam Bắc đã hai năm. Màn này mượn lời đối thoại giữa 2 người đàn bà để tả 2 tâm lý khác nhau: một bà là Blow, đại biểu cho Tâm lý quân phiệt háo chiến; một bà là Otherly, đại biểu cho tâm lý hòa bình chống chiến tranh. Thái độ và ngôn ngữ của Lincoln đối với 2 bà là ông tuyên chiến trong điều kiện bất đắc dĩ.

Màn IV (cũng sau 2 năm) Bắc quân thấy thắng lợi trước mắt, Lincoln mở hội nghị nội các, thảo luận vấn đề giải phóng nô lệ da đen. Các Tiểu bang Miền

Nam trước sau đều không nhìn nhận chính phủ Liên Bang can thiệp đến quyền lợi nuôi nô lệ da đen của họ, nên vấn đề trở thành quyền hạn giữa chính phủ Trung ương cùng chính phủ Tiểu bang. Vấn đề này tranh chấp đến mấy chục năm, cũng không giải quyết nổi; sau các Tiểu bang Miền Nam lại càng lộng hành: chủ trương Miền Nam tách rời, tự thành lập cái gọi là «Bang Liên» (Confederacy). Thế là vấn đề trở thành Thống nhất và Tách rời. Lincoln là nhà chính trị lỗi lạc, ông biết vấn đề hắc nô nhẹ nhiều hơn vấn đề thống nhất, nên ông nhận định «Duy trì Thống nhất» là mục đích chánh của chiến tranh. Nên ông nói:

— Nếu không giải phóng nô lệ có thể duy trì thống nhất, tôi sẽ thi hành; nếu giải phóng nó lệ hết mà có thể duy trì thống nhất; tôi cần phải thi hành; nếu giải phóng một phần, giữ một phần, mà có thể duy trì thống nhất tôi cũng có thể thi hành. Mục đích chủ chiến của

tôi là phải duy trì thống nhất.

Nhưng Lincoln trước sau vẫn không quên vấn đề nô lệ da đen, nên sau những chiến trận thắng lớn của quân chính Trung ương, Lincoln thấu rõ sự thất bại hiển nhiên của Nam quân, ông không nghĩ đến nội các phản đối, đương nhiên ra tuyên ngô giải phóng hắc nô. Đó là sự khác biệt giữa Lincoln và Wilson. Wilson đợi đến chiến sự kết liễu mới nói đến điều kiện thiện cảm, nên hoàn toàn thất bại. Lincoln thi hành lý tưởng của ông trước kết liễu chiến tranh, nên được thắng lợi.

— Màn V (tháng 4 năm 1965). Tả Lincoln lúc đến hành dinh của Tướng Grant và Grant thâu nhận sự hàng phục của Tướng họ Lý. Khi Tướng họ Lý đầu hàng thì các nước độc lập ở Miền Nam đã hết.

— Màn VI. (cùng tháng) Tả cái chết của Lincoln. Tướng họ Lý đầu hàng vào ngày 9 tháng 4, Lincoln bị cầm vào đêm 14 tháng 4.

Lincoln chết 45 ngày (29-5) thì có đại xá, chiến tranh Nam — Bắc được chính thức kết thúc.

Lincoln là một đại nhân vật của lịch sử cận đại, niên đại quá gần, sự việc xảy ra lại quá phức tạp, nên rất khó làm tài liệu kịch bản. J. Drinkwater tự cho rằng có thể lực với Huân tước Lord Charnwood, ông dùng thủ đoạn của tài liệu lịch sử, rất là đáng phục. Trong đề tựa ông đã viết:

Thứ nhất: Mục đích của tôi không phải làm lịch sử mà là soạn kịch, nhà viết sử đã có rất nhiều truyện ký về Lincoln rất xác thực. Dù tôi không làm đảo lộn lịch sử, nhưng tôi không thể không rút ngắn lịch sử có thực, thêm vào đó một ít ý vị của kịch bản, để phát huy triệt để về môn phái này.

Thứ hai: Tôi là nhà soạn kịch, chẳng phải nhà triết học chính trị. Các Tiểu bang của Liên bang có quyền lợi trong việc tách rời hay không, vấn đề này người ta có thể hiểu ý kiến khác nhau, nhưng tôi tán thành.

hay phản đối chính sách của Lincoln, tuyệt nhiên không liên quan gì. Tôi chỉ nghĩ đến nhân cách của ông trong ý vị của kịch bản, tôi chỉ hiểu rằng người dùng cái tính thần cao thượng và lý tưởng của mình để chủ trì chiến tranh là một gương mẫu đáng được kính mến.

Trong thành tích của Lincoln ông chỉ khêu ra 5 năm, 5 năm đó, ông chỉ khêu ra mấy sự kiện. Nhưng trong mấy sự kiện này đã cho chúng ta thấy rõ nhân cách của Lincoln và Chiến tranh Nam Bắc ở Mỹ. Như màn I tả cái nón của ông, lúc ông đang xem địa đồ và lúc ông quỳ van váy. Màn II tả lúc Lincoln thuyết phục hoàn toàn Quốc vụ khanh, màn III tả đưa tờ gái và người da đen đến gặp ông, màn IV tả lại Lincoln đọc đáp từ trước khi thảo luận quốc sự, đại sự xong rồi, ông đọc tiếp một đoạn kịch mới của Shakespeare, màn V tả Lincoln đặc xá cho một thiếu niên đáng tội bắn, tả tướng Grant sùng bái

Lincoln thế nào, những chuyện ấy đều nhỏ nhặt nhưng ở hàm cũng là những tiểu tiết sống của đời Lincoln. Hay nhất là vụ thuyết phục Quốc vụ khanh ở II. Sau khi Lincoln gặp đại diện miền Nam trong phòng việc của Quốc vụ khanh, mọi người đều ra ngoài, chỉ còn Lincoln và Quốc vụ khanh, Lincoln bật thình một lúc, nói:

= Chuyện đó không thể được
QVK: — Ông hoài nghi tôi.

L: — Không, nhưng chúng ta nói chuyện ngay thẳng hơn. Khi tổ chức nội các, người thứ nhất tôi chọn sẽ là anh, tôi không ăn năn đâu và không bao giờ tôi ăn năn, nhưng anh nên nhớ rằng: lòng trung tín luôn luôn phải là lòng trung tín, anh có quyền nghĩ về tôi là người quá đơn giản, song tôi thấu rất rõ tư tưởng của anh, như anh xem mây móc của đồng hồ vậy. Cái nhiệt tâm của anh, anh có kinh nghiệm trong địa hạt hành chánh trái tim của người yêu anh, rất có thể cống hiến cho

xử ở. Đừng bao giờ nghĩ đầu óc tôi không sáng suốt mà hủy hoại cả đời anh.

QVK: — (Chầm chậm) Phải rồi, tôi biết. Tôi chưa đem vấn đề toàn diện nghiên cứu một cách triệt để.

L: — (Từ trong túi rút ra một tấm giấy) Đây là thơ của anh viết cho tôi «mấy ý kiến đề Tổng Thống nghĩ lại. Chánh sách đối với Anh quốc... Chánh sách đối với Nga la tu... Chánh sách đối với Mexico. Tổng Thống nên chính mình mình giữ hay giao cho một vị trong nội các chuyên giữ. Đó không phải trách nhiệm riêng tôi, nhưng tôi không thối thoát trách nhiệm cũng không bao hàm trách nhiệm.»

Hồi lâu, hai người chỉ nhìn nhau, không nói câu nào, Lincoln đưa thơ cho Quốc vụ Khanh, ông này nắm trong tay giấy lát, xé ra và quăng vào sọt rác.

QVK: — Xin ông thứ lỗi cho.

L: — (Xiết chặt tay QVK) Đó là lòng gan dạ của anh.

Về sau, Quốc vụ khanh tôn trọng và quyết lòng làm trợ tá cho Lincoln. Phương pháp miêu tả này, sánh với lúc Chư Các Lượng tam khi Chu Du, Chu Du cần mòng gà, thoa hai tay muốn nuốt sống Chu Các Lượng, hay hơn biết mấy.

Lại như màn V tả lại hai anh hùng trong chiến tranh Nam Bắc — Tướng Grant của Bắc quân và tướng họ Lý của Nam quân — khi gặp nhau, cũng làm mọi người phải cảm động. Hai tướng lãnh đối diện nhau, tướng Grant đưa tay lên chào, tướng họ Lý đáp lễ,

G: — Ông Lý, Ông làm địch của tôi là một điều mà tôi rất vinh hạnh.

L: — Tôi không bao giờ có một lần không tận lực. Tôi nhìn nhận tôi thất bại.

G: — Hôm nay ông trở về?..

L: — ... Trở về hỏi ông điều kiện gì đầu hàng. Phải không?

G: — (Lấy giấy trên bàn giao cho Lý) Rất đơn giản. Tôi nghĩ

rằng anh không đến đòi cho rằng tôi hẹp lượng.

G : — (Đọc qua điều kiện) Ông thật đại lượng. Ông có thể cho tôi xin một điều chăng?

G : — Nếu tôi có thể thương lượng thì thật may mắn.

L : — Ông hứa cho quan quân chúng tôi giữ số ngựa cũ, đó đại ân của ông ban cho chúng tôi. Số ngựa mà kỵ binh chúng tôi dùng cũng chính là của họ đó.

G : — Tôi hiểu rồi, nông trường các anh ấy cần đến thì tôi cho phép họ giữ lấy.

L : — Đa tạ ông. Đó có thể an ủi được họ. Tôi nhìn nhận điều kiện của ông. Tương họ Lý rút hoa nha giao cho Grant.

G : — Không không. hoa nha này chỉ có chỗ thích hợp: ông giữ lấy.

Lý đề hoa như vào; hai người chào từ giả,

Phương pháp miêu tả này, đã không phản bội sự thật của lịch sử lại có thể trong một đoạn đối đáp ngắn làm thái độ thần tình của hai vị anh hùng nổi bật trên sân khấu. Chúng ta không thể không nghiên cứu đến cách miêu tả trên.

LOÀI CHIM VÀ

nghệ thuật khiêu vũ

□ TÍN-KHANH

Ta thường thấy trong tranh Tàu bốn chữ viết theo lối tượng hình « Long phi phụng vũ » (Rồng bay phụng múa). Ta cũng từng biết đến điệu « Hạc vũ » và thỉnh thoảng Đài truyền hình còn hâm đi hâm lại cuốn phim Hạc vũ thực hiện tại cố đô Huế mà những người đã từng ở Huế thời trước đây cho là Vụng về, lố bịch. Điều Hạc vũ này bắt chước theo Trung quốc xưa. Chính người Trung- quốc từ ngàn xưa đã biết thưởng thức những điệu khiêu vũ của loài chim dễ rồi sáng tác những lối vũ lưu lại đến ngày nay. Về phương diện này, Tây

phương đã nhượng bộ hẳn Trung quốc, vì hàng ngàn năm sau họ mới bắt đầu biết được loài chim biết khiêu vũ và phong cho chim « Thủy tổ của nghệ thuật khiêu vũ.

HẠC VŨ.-

Xem Hạc vũ, không đâu dễ thấy và rõ ràng hơn là ở đảo Aléoutiennes (Tây-bắc Bắc Mỹ), là nơi giang Sơn của nhà Hạc của toàn thế Châu Mỹ.

Vào mùa giao duyên, chúng tập hợp từng đôi, anh nào có chị này nhưng chưa hẳn duyên nhau. Anh trống bắt đầu làm trò chính-phục,



Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

1360/897/800C CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

LOÀI CHIM

Trước hết, nó xây lưng vào nòng rồi cúi đầu, đến nỗi mỏ cắm xuống đất. Lăn sau đó nó nhảy lồm lồm lên, quay đầu lại phía người đẹp và lặn nữa, cuối đầu chào nòng như trước. Cô á xem bộ xiêu lòng, e lệ cúi đầu đáp lễ và cả hai cùng nhảy một nhịp như hai bước một rất đều đặn để mở đầu cho cuộc tình duyên mới.

Dân da đỏ địa phương có một trò chơi rất lý thú tại vùng đảo này. Họ chèo thuyền dọc chỗ hạc tập trung và nổi trống lên. Hạc nghe tiếng trống liền cùng nhau khiêu vũ, lanh chậm tùy theo nhịp trống. Có điều đặc biệt mà các nhà điều- học chưa tìm hiểu thấu, là trước khi vũ, đôi hạc phải tắm lông bằng bùn, cũng như một loại kết mỡ lớn, trước khi vũ cũng thấm vào lông một thứ nhựa dẻo như keo do một hạch từ miệng chúng tiết ra,

Khảo cứu vấn đề này, nhiều nhà động-vật học cho rằng tại nhiều bộ lạc man rợ, lúc khiêu vũ về mình rải ri đủ màu sắc và t t vào người nhiều thứ bột- hay bùn cũng thế- có lẽ đã bắt chước loài hạc chăng?

Từ điệu tấu chú gà rừng đến đôi tấu bọn điếu-hầu.-

Nói chung, chim chóc rất t tích vũ nhưng lại cố ý tránh con mắt dòm ngó của kẻ khác. Cái khó của nhà khảo cứu là tìm gặp chúng,

Nếu đi lạc vào rừng sâu, các bạn sẽ có dịp gặp những chú gà rừng nhịp chân càn cạy. Chúng nhịp để làm gì chưa ai biết được, chỉ biết chúng chỉ môn lên trời, mắt nhắm lại, tai không nghe say mê cho đến khi mệt lử.

Con điếu hầu lại lạ hơn nữa, nhất là khi nó gọi tình với bạn lòng. Con trống bay cao bỗng lên

LOÀI CHIM

trời thỉnh thoảng bỏ xuống, bay nghiêng, quẹo bên phải bên trái đoạn bỏ xuống lạch như chớp, biểu diễn trong mấy phút bao nhiêu tài nghệ đặc biệt của mình. Con mái nhìn theo thăm phục và cất cánh bay theo. Hai cô cậu cùng bay liệng bên nhau giữa không trung rồi lại sát nhau lần, mặt đối mặt, bay song song, hai mỏ ngậm nhau trong một «chiếc hôn» nồng ấm lâu dài, bốn chân bám vào nhau và hạ lặn xuống đất. Cuộc truy hoan bắt đầu từ đây sau cuộc thử thách thử hùng ngoạn mục này.

Những khiêu vũ trường kỳ lạ.-

Những cuộc khiêu vũ thường thấy nhất là của gia đình họ gà trống tây. Chúng đã chọn sẵn một khiêu vũ trường quen thuộc. Bọn trống đứng thành vòng tròn, mòng tách đồ liết vì kích thích, đầu mặt vào nhau. Cùng một nhịp,

chúng bước tới ba bước, «túc túc» mấy tiếng, ghép thành một vòng tròn rất đều đặn, thoắt lại trở lại vị trí cũ, rồi bước tới như trước, làm đi làm lại với một điệu nhịp nhàng. Trong lúc đó, các con mái bận ăn nhìn các đấng lang quân một cách lạch lạch. Không khác các cô thôn nữ e lệ rụt rè trước chàng thanh niên đến cầu hôn mình. Bên ngoài thì lạch lạch, rụt rè e lệ thật đấy, nhưng bên trong, chim cũng như người, lòng đã bắt đầu tung cánh!

Tại dãy núi Caucase, có điệu khiêu vũ «Legzinkha», dân địa phương đã nhảy y như điệu vũ của gà trống tây, chỉ khác một chút là cô thanh nữ lạch lạch rụt rè kia lại đứng ở giữa.

Con mõ nhác lớn Hòa-Lan lại có những khiêu vũ trường cổ định, thường thường ở trên một gò đất hẹp đất mòn lạch, cỏ rêu chết tiệt. Cứ mỗi năm Vào ngày mùa

ái ân, chúng từ các nơi tập trung về, tổ chức khiêu vũ «công cộng» theo ba điệu khác nhau.

Trước hết, những con đực đưa mỡ dục ra phía trước lông cổ xôm lên như gà chọi lúc giao tranh và đi ngòng ngèo theo lối chữ chi. Liên sau đó, mỗi con cầm mỡ xuống đất rồi ngồi xuống. Qua một lúc nó đứng dậy và đi lại như trước. Trong lúc chúng biểu diễn lối vũ kỳ quái ấy các con mái đi đi lại lại hoặc ngồi xuống trên cỏ. Một con bỗng bước vào «sàn nhảy» và tự nhiên không hiểu tại sao đàn mỡ nhấc rống im phăng phắc ra tưởng sợ sệt lắm. Con mái đến gần này rồi gần khác tự do chọn lựa rồi đứng sát bên mình anh chàng có duyên được đôi mắt xanh hạ cổ, lấy mỡ xĩa lông cho chàng đoạn bay vụt lên cây. Chàng đực bay tiếp theo... Cuộn tình duyên bắt đầu xây dựng. Những con còn lại nhàn

theo thềm thường rồi cuộc vũ lại tiếp nối cho đến khi một cô à khác đến «giáo cầu».

Tiêu chuẩn chọn vị hôn phu của các cô à đều nặng về sắc hơn về tài. Anh chàng nào lông lóng lánh đẹp, lông cổ mượt rượt đều được chọn. Lại còn trường hợp khác lạ nữa: Có nhiều con mái đã cầm ngay một con đực đang vũ trong hàng ngũ. Nó đến ngồi gần bên chàng ta đợi lúc điệu vũ kết thúc, rú chàng bay đi xây tổ ấm khởi cầu «thủ tục rướm rà» như lúc này.

Những điệu vũ khác. —

Không biết bao nhiêu điệu vũ khác nhau trong các loại chim. Như một loại Hải âu miền Bắc cực, trước khi «động phòng hoa chúc» đã nhảy trước người yêu y như lối tập dượt giáo của lính thời xưa. Con «manakin» lông nửa đỏ nửa xanh vừa hót vừa nhảy trên cành, trong lúc những

con khác đồng bọn gõ nhịp bằng đập cánh và dậm chân.

Con vịt nước có lối thủy vũ rất ngoạn mục: Chúng chia thành hai hàng đối diện nhau, rồi vươn mình thẳng lên trên mặt nước, cái đầu quay như chong chóng. Vịt trời lại sống riêng rẽ hơn. Chúng nhảy riêng từng đôi, mỗi con ngậm một đầu lá rong do con trống lặn dưới nước đem lên.

Người và vật cũng khiêu vũ vì tình. —

Tại sao chim thích khiêu vũ? Lý do trước tiên, vũ là một trong những «lệ» trước giờ «hợp cần» đồng thời giúp cho đôi chim tưởng mái đủ điều kiện thi hành «giây phút thần tiên». Nếu buổi long trọng này vì một lý do nào ngoài ý muốn mà phải bỏ dở, chúng lại tiếp tục như cũ vì cuộc khiêu vũ công cộng hay từng đôi này đối với chúng là cần thiết và là một phần trong bản năng sinh sản của chúng.

Người Ấn Độ đã dựa vào điệu đặt thành tục lệ. Trước giờ động phòng, đôi tân hôn phải khiêu vũ theo điệu vũ của gà rừng. Bên kia trời Tây, dân Đức, dưới chân dãy núi Alpes cũng nhảy theo điệu Schuhplattler, giống như lối vũ của gà lôi.

Tuy nhiên chim vũ còn có một mục đích khác nữa. Với người, khiêu vũ là một phương pháp giải độc (auto-intoxication) rất hiệu nghiệm; tiếng trống, các điệu rockn roll v.v. từ thế kỷ này qua thế kỷ khác đã có tác dụng đặc biệt để giải tỏa mọi phiền muộn bức bối trong lòng, đem đến một tinh thần thoải mái, cởi mở mới.

Với loài chim cũng tương tự như vậy, khiêu vũ tạo ra một sự hòa hợp tâm lý và sinh lý.

Vậy con người đã bắt chước chim chăng? Hay vì nhu cầu tâm lý thể chất và sinh lý, người và chim đã gặp nhau ở điểm này?

TÍN-KHANH.

PHÚ QUỐC

ANH TUẤN

(Tê bình Phương)

PHÚ- QUỐC, một danh-từ không mấy xa lạ với người Việt chúng ta, vì trên bản đồ nó cũng có một vị-tri địa dư và cũng là một mảnh đất thân yêu của giang sơn gấm vóc. Nhưng mỗi khi nghe đến đảo Phú-Quốc mọi người ai cũng lắc đầu, rung mình, ngao ngán. cho rằng đó là một nơi hẻo lánh xa-xôi, khí hậu có gáy, chó ăn đá, gà ăn muối; nghèo nàn độc hiểm.

Để đánh tan những ý nghĩ đó và để biết rõ Phú-Quốc là thế nào, hôm nay tôi giới thiệu nó với rất nhiều ngạc nhiên mà chúng ta sẽ thấy.

VỊ TRÍ ĐỊA DƯ.- Phú-Quốc là một hòn đảo nằm trong eo Vịnh xiêm la. Bắc hướng về Cambodge

Nam nhìn ra biển Nam-Hải, đông trực chỉ Hà-Tiên- Rạch-Giá. Tây vọng về vịnh Xiêm-La, xa cách đất liền trên 100km. Muốn đến Phú Quốc, đường giao thông chỉ có hai ngã: một bằng đường thủy và một bằng «AIR VIET NAM».

Đáp phi cơ từ Sài-gon ra đến Phú-Quốc chỉ mất 1 giờ 30; Sau 20 phút lơ-lửng giữa không trung, phong cảnh đầu tiên sẽ đập vào mắt du-khách là cảnh trùng dương dậy sóng xanh biếc, dăm ba chiếc thuyền buồm trắng nhỏ bé nhấp nhô giữa biển sẽ làm cho du khách thoải mái và có nhiều cảm nghĩ về cuộc đời. Rồi phi-cơ lượn quanh Hải đảo, du khách sẽ chắc l. ời

trầm trở vì một rừng dương xang vút thẳng tắp lướt mãi dưới lòng phi cơ từ bờ đảo, tiếp theo là một rừng dừa xanh ngắt chạy mãi gần đến tận phi trường. Phi-cơ nghiêng mình để tìm vị trí hạ cánh, qua khung cửa kính du khách sẽ thấy những xóm nhà san-sát bên nhau, nhà tranh cạnh nhà ngói, nhà gạch sát nhà tôn chi chít, Đó là Quận Dương Đông.

PHONG-CẢNH.- Phú Quốc có một bãi tắm dài 20 cây số chạy từ bãi Cửa-Cạn đến mũi Cái-lấp. Một bãi tắm nên thơ và hoàn-toàn không nguy hiểm Ai đã đi nghỉ mát ở bãi bể Cap St. jacque, hoặc đã xuôi miền Trung ngang qua Nha-Trang. Đại-Lãnh, ra mãi miền Đà Nẵng, Huế Đô, đã thấy những bờ biển đẹp xinh thì bãi bể Phú-Quốc không kém gì những nơi đó.

Không khí Phú-Quốc hiền hòa, gió Phú-Quốc mát dịu, hình như trời để dành cho những người cần lao của trùng dương biển-cả sau một ngày gian lao và nguy hiểm, tìm lại

được một sức khoẻ dồi dào;

Phú Quốc có quận Dương Đông, một nơi dân cư đông-dúc và trù phú với những nhà thùng (vựa nước mắm) to-tát. Nơi có mức sản xuất nhưt nhi trong toàn cõi Việt-Nam. Đến đây muốn biết mùi vị của nước mắm Phú-Quốc cứ ghé lại những nhà thùng trong quận, họ sẽ sẵn lòng vui biểu để thoả lòng du-khách.

Dương-Đông có phi trường nằm ngay bên chân núi với ngôi dơi khách nên thơ. Đây là niềm an ủi cho những người công chức xa cách quê hương, mỗi tuần hai buổi ra đón nhận tin tức của gia-đình, và để tìm lại một ít dư-hương của Sài-thành hoa-lệ.

Dương Đông có dinh Cậu (1) nằm nên thơ bên cửa biển hướng mắt nhìn ra biển khơi với những lăng đá thiên nhiên chồng chất lên nhau, cheo leo nhưng không bao giờ đổ vỡ. Đây là nơi dành cho nam thanh, nữ tú của miền hải đảo những chiều thông thả ra ngồi nhìn

trời xanh mây biếc. Trên đây có ngon hải đăng; đêm đêm lóe sáng như mắt người mẹ hiền mong đợi những người con của biển cả và để đưa đường dẫn lối cho họ tìm được hướng đi trở về bên bến cát. Bên cạnh hải đăng là một cây đa rợp bóng nghiêng mình trên một ngôi miếu nhỏ mà người địa phương dùng để thờ Cậu. (?)

Bãi biển đẹp nhất của Phú Quốc là phần nằm trên eo biển của Dương Đông chạy dài ba cây số. Bãi cát lại, nông, sóng không dồn dập uy hùng mà chỉ lảo xào nho nhỏ, thật là một bãi tắm lý tưởng cho nền du lịch quốc gia. Ở đây mỗi khi chiều lên nhìn ra biển khơi sẽ thấy hàng trăm chiếc thuyền buồm nhỏ nhỏ vượt sóng nhấp nhô trở về bến cũ; thật là đẹp.

Dương Đông cũng có nhà thờ, cũng có Chùa Phật, nhưng đẹp và thanh lịch hơn hết là Thánh Thất Cao Đài nằm uy nghiêm và trang trọng trên một đỉnh đồi

cao chót vót. Đứng ở đây có thể nhìn bao quát thị trấn Dương Đông.

Dương Đông có giếng Tiên nằm bên cạnh con sông các Quận lý 2 cây số. Trên miệng giếng có một tảng đá to hằn lên một vết chân người to lớn mà theo tương truyền là vết chân ấy của một nàng tiên (?) xuống tắm để lại; ngày nay vết chân ấy đã bị lu mờ một phần nhưng có một đặc điểm là nước luôn luôn trong và ngọt dù cho nước mặn có tràn vào.

Phú Quốc có Bắc đảo và Nam đảo với nhiều phong cảnh thiên nhiên. Bây giờ chúng ta xuôi về Nam đảo

Nam đảo có Chùa Sư Muôn nằm về phía tay phải của Huyện lộ, cách quận lý 6 cây số. Chùa xây ở giữa lưng đồi phủ đầy cây rậm nên đứng xa nhìn vào chỉ thấy được hai nóc màu đỏ sạm nổi bật lên giữa cánh đồi xanh. Muốn lên chùa phải qua một con đường ngoằn ngoèo nhưng dễ đi, lượng theo chân đồi. Hai bên là rừng sim với những cánh hoa màu tím gợi

cho lòng người những luyến tiếc nhớ nhung. Cách chùa hai trăm thước là một vườn tiêu nặng hạt, và tiếp theo là một ànnon xà lách tốt, ngon không kém gì ở chốn «Đà-Lạt Légume». Chùa là những ngôi nhà kiên cố kiến trúc theo lối xưa bên cạnh con đường Huyện lộ thẳng tắp đưa đến những chân đồi xa tít... Chung quanh là cảnh vật nên thơ mờ huyền xa với vợi... lên đây du khách sẽ thấy lòng thoát tục và hướng về uy nghiêm chốn Phật Đái. Không khí nơi đây mát tươi như bầu trời Đà Lạt.

Cách chùa một trăm thước là Âm ông Tám. Nơi đây chỉ có một sự vụ trụ tri ngày qua ngày, tịnh tâm cầu nguyện bên cạnh một lũy khí rừng ngoan ngoãn vàng lợt mỗi khi sự vụ cần gọi đến.

Nam đảo có Hàm Ninh, cách quận lý mười bốn cây số, với bãi cát lại rất cạn. Thức ăn thì có nhẹ có sò.

Hàm Ninh có bãi vòng, một bãi tắm thiên nhiên nằm giữa hai khu núi. Dọc theo bờ là

những hàng dương rủ bóng không kém gì ở bể Thuận An. Ở đây không sợ đói vì muốn no chỉ luồn tay xuống cát là có sắn nghêu sò to bở.

Hàm Ninh còn có Hải Bồn với những hàng dừa thẳng tắp xanh rì nằm mờ màng bên bể cả trùng dương. Dừa nơi đây không thua gì dừa Qui Nhơn; Bình Định, và nhiều không kém gì ở tỉnh lỵ Trú Giang. Đây cũng có sò nghêu ốc hến nhưng đặc biệt là có điệp: một loại sò mà bên trong có ngọc.

Nam đảo còn có cây dừa xa Dương Đông 29 cây số — Nơi định cư cho những người dân chuộng tự do muốn tránh chế độ áp bức của lũ độc tài cộng sản, với một phong cảnh nên thơ mà qua phim «ĐỪA CON CỦA BIỂN CẢ» chúng ta đã trông thấy.

Nơi đây có núi Ông Đội, với giống Ngự nhiệm màu. di-tích lịch sử một thời đại lưu vong của Gia Long Hoàng đế. Giếng này nằm trên một tảng đá không rộng và cũng không sâu lắm (rộng 4 tấc và sâu 2 tấc) nhưng

không bao giờ cạn nước và luôn luôn ngọt dù sóng lớn có đưa nước biển gào.

Nam đảo còn có hòn Thơm nơi sản-xuất dầu dừa cho Hải đảo và làm vi cá để bán cho những tiệm cao lầu ở miền chợ lớn. Trên đây có miếu cá Voi với một chiếc xương sườn dựng cao 3 thước.

Nam đảo có mã Hoàng-Tử(?) cách Quận-ly 23 cây số nằm bên trái của Huyện-lộ. Bên cạnh mã có một cây đa cổ-thụ rườm rà chồm ra bên ngôi mã như để trần nắng che mưa. Lạ nhất là có một chòm rễ thông xuống trên ngôi mã mỗi ngày theo chiều gió quét sạch lá cây và vun cát lên bồi đắp cho ngôi mã, cho nên dù đã trải qua bao tháng năm ngôi mã vẫn tồn tại và bao giờ cũng sạch sẽ. Tương truyền rằng ngôi mã ấy là con của vua Gia Long chết ở đây, và cốt đã được dời về Huế.

Bắc-Đảo có bãi Cửa-Cạn sầm uất và đông-dúc; ở đây sản-xuất tiêu nhiều như trên Hải-Đảo. Nơi đây có (Trụ) của bà Kim.

Gác (3) một cây cột bằng gỗ tra: trồng ngay giữa một cánh đồng rộng. Theo lời các bộ lão kể lại thì đó là một trong bốn cái trụ chuồng trâu của bà. Hiện giờ thỉnh thoảng hãy còn trâu của Bà xuất hiện.

Bắc Đảo có mũi Gành-Dầu, một nơi phong cảnh hữu-tình, non xanh nước biếc. Bên dưới là bể sâu, sát bên là núi thẳm. Đứng nơi đây nhìn qua hòn Phú-dự sẽ thấy cửa của trạm gác biên giới Cao-Mên.

Trên cùng Bắc đảo là vịnh Cồn-Dương với hai con rạch thơ mộng là rạch Tràm và rạch Vem (vem ở đây không phải Việt Minh) chạy ngoằn-ngoèo song song sát bờ biển, Nước mát quanh năm và trong suốt đáy. Nơi đây có (cối biên mai) (4) ăn ngon và bổ,

Từ cồn Dương đi sâu vào trong của Bắc đảo 12 cây số sẽ thấy một miệng giếng rộng 80 thước sâu 120 thước; đó là mỏ huyền mà người xưa đã khai thác nhưng nay chỉ còn lại một hầm mỏ hoang-phế.

Phú Quốc là tất cả những cảnh đẹp nói trên và còn rất nhiều nữa mà với ngòi bút thô sơ tôi không thể nào tả hết được. Phải đến tận nơi để xem tận mắt mới thấy vẻ đẹp phong phú của miền Hải Đảo. Phú Quốc là một nơi có thể làm địa điểm du lịch tuyệt vời không thua gì những hòn đảo bên kia trời Âu nếu biết khai thác và phát triển.

Hỡi các bạn đang say sưa với mộng giang hồ, đang mơ đến

những phong cảnh xa lạ của các miền non nước Tây Âu, muốn cỡi gió tung mây đi tìm một đảo Corse, một Côte d'Azur, hay một Côte d'Ivoire, các bạn hãy ngừng lại những ước mơ khó thành tựu đó đi, để đến nơi đây, mảnh đất thân yêu của non sông nước Việt, các bạn sẽ được thỏa mãn mộng hải hồ. Tôi dám chắc khi đã mục kích được phong cảnh nơi đây, các bạn sẽ không bao giờ quên được hòn đảo xa xôi đầy cảnh đẹp này: Phú Quốc.





midol

1360/BVT/000C

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tiếng nói của thế - hệ :

CẢM NGHĨ VỀ Nỗi buồn thơ mới của TYTA TRẦN VIỆT THÀNH

▼ Trần Lư Nguyên Khanh

Đọc Jacques Prévert người ta nghĩ đến những ba động trong khuynh hướng thi ca và trường phái siêu thực Pháp. Đọc «Nỗi Buồn Thơ Mới» của Tyta Trần Việt Thành, tôi nhớ lại lời thi sĩ Trần Dạ Từ :

«Những ngó ngán này đầy rẫy trong tâm hồn ta».

(Dạ khúc mười)

Mạn phép cùng thi sĩ, tôi xin thêm vào lời trên danh từ «Ty» cho hợp với cảm nghĩ người viết bài này :

«Những ngó ngán này đầy rẫy trong tâm hồn Tyta».

Thật vậy, tôi không dám thăm định và bàn thảo hiện tượng thơ

mới hay con đường văn nghệ hôm nay, vấn đề đó xin nhường lại những bậc đàn anh, những nhà văn nghệ sĩ. Những trường phái sáng tạo hôm nay, những ý kiến về thơ đã bàn bạc trên khắp các Tạp chí Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thế Kỷ 20, Phổ Thông, với Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai trung Tĩnh, Nguyên Sa, Cung trầm Tường, Thế Phong, Doãn quốc Sỹ v.v.. Gần đây nhà xuất bản Sáng Tạo đã phát hành tập Thảo Luận giữa 9 nhà văn nghệ sĩ đã bàn cãi sâu rộng về thi ca tiền chiến và bây giờ.

Viết bài này tôi chỉ nói lên những cảm nghĩ và vài nhận xét

NỖI BUỒN

thô thiển của người bạn phương xa, với Tyta Trần Việt Thành đề «Tiếng nói của thế hệ» được nói rộng trong phạm vi văn nghệ.

Thành thật mà nói, đọc «Nỗi Buồn Thơ Mới» tôi chẳng thấy một dáng dấp nào đề gợi được nỗi buồn, có chăng là buồn cho tác giả bài đó chẳng nói lên được cái gì xác đáng cả. Đi sâu vào bài của Tyta tôi đã bắt gặp trong lời nhận định của Quốc Chính : «Trước hết chúng ta thấy hiện nay có một quan niệm sai lầm cho rằng làm thơ rất dễ, dễ tới mức ai muốn làm là làm được. Quan niệm đó, ác hại thay lại phát sinh từ những người chuyên nghề cầm bút. Nó khuyến khích những người chưa viết rành chính tả làm thơ, Thơ có niêm có luật mà không làm được thì quay sang thơ tự do. Ý thơ không có thì vay mượn chấp vá, túng quá thì quay vào bí hiểm siêu hình » (1). Chỉ có ngần ấy mà Tyta Trần Việt Thành lại «điển tả» dài dòng nhưng thiếu hụt người đọc không hiểu Tyta nêu

lên những thực trạng, những tai hại gì trong thi ca như những lời của Quốc Chính. Hình như Tyta không chịu khó một chút viết thư về người phụ trách — Xin một ít tài liệu đề bài nhẹ «chủ quan bằng bột».

Khi nhân xét những người làm thơ mới hôm nay. Tyta đã nêu lên những bài thơ những tác giả chẳng thấy «bóng dâu tằm cá» đề rồi nói lên nỗi buồn, thật là nông nổi, ngây ngô !

Viết thư Tyta Trần Việt Thành thật dễ dàng, nếu ai biết đọc, biết viết dù chưa sạch chính tả, biết nhận xét về «Nỗi Buồn Thơ Mới», rồi tự tay sáng tác những bài thơ lục bát, đường luật, tìm những lời lẽ lâu năm và tự gán cho nó những tác giả, đề rồi nói lên trên trang báo mặc kệ thiếu trước hụt sau, mặc kệ bằng bột ngó ngán.

Triều Sơn trong «Con Đường Văn Nghệ Mới» đã nhận định : «Luật thích hợp với thơ bây giờ

(1) *Nguỵết San Tin Nách Số 9 tháng 3-63*

là luật lệ của tâm hồn thi nhân mới», vì theo Triều Sơn «ta phải cởi mở những ràng buộc cho thơ mới để thơ có điều kiện tiếp tục cuộc sống mới».

Tyta Trần Việt Thành đã viết: «Tôi trông chờ những người viết trẻ tuổi hôm nay, trông chờ những đóng góp mai sau và những khám phá thích thú hơn». Thoạt nghe như một nhà văn đã hoa râm gợi lời khuyên cho thanh niên hôm nay trước ngày lìa đất xa trời. Không hiểu người hoa râm nặng thi ca này có phân biệt những khuynh hướng mới về biểu tượng, lập thể, vị lai với trừu tượng, siêu thực, ấn tượng không? Vì một vài cảm nghĩ nên tôi không muốn vạch lá tìm sâu để nói «những cọng rác trong thơ Tyta Trần Việt Thành» và Tyta cũng chưa trước bạ làng văn để mà nói:

Mặc dù nhận thấy những người trẻ hôm nay thích làm thơ mới vì tránh khỏi sự gò bó trong niêm luật, thể thơ. Nhưng «mỗi người, mỗi thời đại cố gắng để thực hiện ý thức trường cửu theo một

phương thức riêng biệt của mình (2) nên đó cũng là cơ hội dẫn dắt cho họ tiến tới khi nhìn vào những bậc đàn anh. Nói ra là thơ Văn tất nhiên mang nhiều hình ảnh, nó ăn sâu vào tiềm thức và dần dần sáng tác cho quen. Có đôi lúc bắt gặp chưa hẳn là học đòi. Mỗi linh hồn mang một trời thơ, ta không vịn vào một người trẻ hôm nay: «lối học đòi», «nuốn làm người lớn». Tôi cũng xin nhắc lại lời Tô Thùy Yên trong quan niệm này: «Thơ bây giờ là một trạng thái đã có đề rồi trở thành một trạng thái phải tiến tới vì «tiến tới» cũng thoát thai từ «đã có» (3). Tyta Trần Việt Thành viết một bài phê bình bạn trẻ... với những thiếu sót, vụng về đề chê cả lớp thanh niên làm thơ mới bây giờ. Sự bắt gặp trong tâm hồn giữa những người thơ văn thường xảy ra — Thơ là ngôn từ qua thời gian suy

(2) Huyền Phụng — Hiện Đại

số 8-1960

(3) Thảo Luận... trang 128,

tư mà tâm hồn con người bắt gặp và suy diễn theo chiều hướng sáng tạo vì vậy làm thơ không thể câu nệ như Tyta Trần Việt Thành được. Chúng ta cần những người tiên phong để noi theo, nhờ những tay kiện tướng sáng tạo thơ mới hôm nay làm đích mà tiến tới. Để trả lời phần kết của Tyta Trần Việt Thành «chỉ cần loại bỏ những danh từ đao to búa lớn ra khỏi tâm hồn những người trẻ tuổi..» Tôi mong Tyta Trần Việt Thành moi kiến thức đọc bài Page d'écriture của Jacques Prévert, Tyta sẽ thấy những danh từ ấy nằm đảo lộn toàn bài. Bằng những cảm nghĩ về tác giả «Nỗi Buồn Thơ Mới» mong Tyta Trần Việt Thành

hiều rõ hơn. Tôi cũng không đã kích gì Tyta vì Tyta đã mạnh mẽ lối thơ mới, một mai kia thành nhà thơ Tyta Trần Việt Thành sẽ nhận thấy: «Chính những người không phải là thi nhân đã muốn giết dần mòn thi ca bởi vì bất lực trong địa hạt hoạt động của họ» (4) Bằng những dòng viết vào đây tôi mang theo cảm nghĩ chân thành luyến tiếc: Bài này viết quá chậm nếu Tyta Trần Việt Thành viết trước đây năm bốn mươi năm (45) thì tuyệt... quá.

TRẦN LƯU NGUYỄN KHANH

Hội An

(4) Thanh Tâm Tuyền —
Thảo luận 154



Đời phiêu-lưu Cách-Mạng của cụ Phan-bội-Châu

Tiếp theo P.T. số 215



PHAN BỘI CHÂU

Nhân đó mà cụ được quen biết hầu hết tất cả lưu học sinh và Nam ở Nhật bản.

Vừa gặp lúc Tôn dật Tiên ở Mỹ về Hoàn tân tổ chức «Trung quốc đồng minh». Được Khuyển dưỡng nghị giới thiệu cụ với Tôn tiên sanh tại Trí hoà Đường; hai nhà lãnh tụ của hai nước Hoa Việt gặp nhau đàm đạo tương đắc, thành bạn đồng tâm ý Hiệp. Nhưng Tôn đọc quyển «Việt nam vong quốc sử» có phê bình cụ: «còn nặng óc quân chủ». (Ngày Tôn Dật Tiên chết cụ có câu đối diếu: «Đạo tại tam dân, chí tại tam dân, ức Hoàn tân, Trí Hòa đường lưỡng độ át đàm, trác hữu tinh thần di hậu thế.»)

Ưu dĩ thiên hạ, lạc dĩ thiên hạ, bị đế quốc chủ ghĩa giả sở niên áp bức thông phần dư lệ khắp tiên sanh.

Cụ dịch: Chí tam dân- đạo tam dân, Hoàn tân Trí hòa tăng phen gặp gỡ, tinh thần còn mãi với đời sau.

Lo thiên hạ, vui thiên hạ, đế quốc chủ nghĩa bao năm áp bức, tâm sự đau thương ai chết trước? Trung tuần tháng giêng năm Bình ngô. được tin cụ Tăng bạt Hồ ở trong nước gởi qua Nhật, báo cho biết: cụ Ngự Hải đã đưa Kỳ ngoại Hầu Cường Để Xuất dương vào ngày nguyên đán, chừng cuối tháng sẽ tới Hương cảng!

Cụ liền trở về Hương cảng đón Hầu, đợi vài ngày thì Hầu đến với cụ Đặng Tử Kính, còn cụ Ngự Hải chỉ hộ tống xuống tàu Hải Phòng vừa trở lui.

Các cụ ở Hương cảng vài hôm du ngoạn và nhờ một đồng chí người Quảng đông đem giới thiệu với lãnh sự Đức ở Hương cảng. Nhon duyên giữa người Đức và hai cụ khởi điểm từ đó. Thượng tuần tháng hai cụ đưa Kỳ ngoại Hầu đi Quảng đông thăm Lưu Vĩnh Phúc và cụ Tân Nguyễn thiện Thuật ở Sa diện. «Duy tân hội» từ ngày thành

lập bí mật tại nhà cụ Tiêu La đến nay chỉ miệng truyền lòng ghi, tuyệt nhiên không bút tích. Nay cụ và Kỳ ngoại Hầu xuất dương mời in chương trình thành bản phái người mang về nước.

Chương trình đại cương: Đánh đổ chánh phủ Pháp, khôi phục Việt nam với chế độ «Quân chủ lập hiến».

Tiếp đến hạ tuần tháng ấy, cụ Tây hồ cũng xuất dương, do cụ Lý Tuệ dẫn đạo đến Quảng đông, tìm thăm Lưu Vĩnh Phúc và cụ Tân Nguyễn, không hẹn mà gặp cụ và Hầu tại nhà ông Lưu.

Các cụ ở lại Quảng đông hơn 10 ngày, cùng nhau thảo luận chánh trị. Cụ Tây Hồ chỉ tán thành bài «Khuyến quốc dân du học» còn nói chủ nghĩa «tôn quân» thì cho đó là «dân tộc độc phu» luôn luôn bài bác.

Khi đó Kỳ ngoại Hầu viết ngay bức thư cảnh cáo dưới ký tên «dân tộc hậu Cường đề, với mục

đích cổ động du học sanh ! một tập học phí. Ủy thác hai cụ Đặng tử Kinh và Lý Tuệ đem về nước hộp cùng cụ Tăng bát Hồ phân phối cổ động.

Trung tuần tháng ba cụ Tây Hồ và Kỳ ngoại Hầu qua Nhật Bản. Đến Hoành tân thuê một phố lâu đặt tên là «Binh ngo hiên» làm cơ quan cách mạng của Việt Nam, cũng như cơ sở cho học sanh du học. Chữ «Binh Ngo» có nghĩa là phương nam và cũng là năm Binh Ngo.

Sắp đặt xong liền bàn với Khuyển dưỡng Nghị vấn đề học sanh nhập học. Khuyển Dưỡng Nghị ủy các đồng đảng của ông là: Tế xuyên Hầu tước viên trưởng Đông Á đồng văn thư viện, Phúc đảo yên chinh, Lục quân đại tướng sung tham mưu bộ Tổng trưởng, kiêm Chấn võ học hiệu trưởng Căn Tân nhất, Lục quân Thiệu tá Tổng cán sự Đông Á đồng văn hội, và Bá Nguyễn văn Thái Lang là người giúp Khuyển

Dưỡng Nghị đặc lực, chiếu liệu,

Cách tuần sau được nhập học trường Chấn võ : Trần bửu Công tức là Nguyễn thức Canh, Lương lập Nham và Nguyễn Diên (Dần sau về xuất thú) Vào Đồng văn thư viện : Lương nghị Khanh (em Lương tập Nham) Còn 6 người khác chưa đủ tư cách nên phải học ngoài. Theo lời bàn của Đại tướng Phúc Đảo, Kỳ ngoại Hầu cũng vào học Chấn võ học hiệu nhưng phải trả tiền học phí.

Cụ Tây Hồ quan sát dân trí Nhật Bản gần một tháng, đem chánh kiến trao đổi với cụ Sào Nam thì hai nhà đại cách mạng lại mâu thuẫn nhau nghĩa là một đảng cố đánh lấy lại độc lập trước chế độ sẽ định sau. Một đảng cần khai hóa đảng trị giáo dục dân quyền trước rồi đánh lấy độc lập sau. Mặc dầu chánh kiến bất đồng mà ý kiến vẫn tương đắc, cũng cùng chung một mục đích nhưng chỉ khác nhau thủ đoạn mà thôi.

Ngày cụ Tây Hồ bắt tay cụ Sào Nam từ giả về nước, nhắc lại câu : ông phải hết sức thận trọng, hiện nay quốc dân chỉ đặt hết hy vọng vào ông, còn việc Kỳ ngoại Hầu thì không quan hệ lắm. Cụ Sào Nam cũng gởi lời khuyên các cụ : Huỳnh thức Kháng, Trần quý Cáp, Ngô đức Kế hết sức chăm lo việc khai hóa dân trí và kết tập đoàn thể làm hậu thuẫn

Cụ làm ra bản «Hải ngoại huyết lệ thư» và bản «Kính cáo toàn quốc phu phụ lão vãn» gởi cho cụ Lý Tuệ đem về nước giao các cụ ; Tăng bát Hồ, Đặng tử Kinh và Nguyễn hải Thần phân nhau mật truyền Trung, Nam, Bắc kỳ.

Lúc bấy giờ sĩ dân trong nước tiếp được văn thư này hưởng ứng rất hiệu quả. Trong thời gian ba năm đó các chí sĩ theo chân nổi gót xuất dương không phải là ít cũng như tại chánh phủ qua giúp đảng ở Binh ngo hiên mặt dầu không được đặt chớ cũng không hề thiếu hụt,

Đồng thời cụ cũng lập được một cơ quan thân hữu người Việt tại Hương cảng. Mục đích đoàn kết và tương trợ.

Thời gian ấy cụ đi đi lại lại ở Hoàn Tân và Hương cảng như đi chợ: Hoàn Tân là chỗ người xuất dương. Hương cảng là chỗ giao tiếp cả trong và ngoài.

Thượng tuần tháng 12 năm ấy cụ từ giả Hầu và anh em học sanh ở Đông Kinh đi Quảng đông và định về nước triệu họp các đồng chí ở trong.

Đến Quảng Đông hội ý với cụ Nguyễn thiện Thuật tại nhà Lưu Vĩnh Phúc. Cụ Nguyễn tán thành chuyện về nước; Cụ cũng ủy thác cho Tiền Đức là đồ đệ của cụ dẫn đạo từ Quảng Đông hơn tháng trời chen rừng lủ bụi giải nằng dầm sương đến ải Nam Quan vào đồn binh trình diện giấy tờ và nhận đạn. được bọn Pháp ở đây công nhận cụ là khách buôn. Bởi nhờ giấy thông

lãnh tỉnh Quảng Tây là Trần thơ Hoa, bạn thân của cụ đã cấp cho trong lúc ghé thăm và tỏ ý về nước gặp cụ Đề Thám.

Qua khỏi ải Nam quan cụ mạo hiểm băng -chừng đến Phồn xương yết kiến cụ Đề Hoàng. Được cụ Đề Hoàng ưu đãi và ký kết mật ước như sau:

1 — Cụ Đề Hoàng chịu gia nhập hội Duy Tân, và công Kỳ ngoại Hầu làm Hội Trưởng.

2 — Những nghĩa sĩ Trung kỳ thất cuộc cụ đều dung nạp.

3 — Khi nào Trung kỳ xướng nghĩa, cụ lo ủng viện. Trái lại cụ Sào Nam ký kết:

1 — Đồn Phồn xương có việc đánh thì Trung kỳ phải viện trợ

2 — Khi nào có việc đánh thì Duy Tân hội phải lo gánh vác việc ngoại giao.

3 — Đồn Phồn xương nếu quân du khuyết pháp thì người trong đảng hết sức quyền trợ.

Giao kết với cụ Đề Thám

xong trở về Bắc Ninh mở cuộc đại hội tại nhà cụ Cử nội Duệ gồm có các đại biểu Trung Bắc như các cụ: Ngự hải, Dật trúc Âm Sáu Quảng Nam. Bấy Quang Hà nội v.v Trù kế hoạch phương châm tiến hành và phân công:

I — Phái hóa binh chuyên trách việc mở mang học đường, diễn thuyết tuyên truyền chiêu tập đồng chí và phí khoản.

2 — Phái bạo động chuyên trách vận động quân đội, trừ bị vũ trang, thực hiện các cuộc lưu huyết.

Đến như công việc hôn tẩu trong nước thì chia làm hai ban Bắc kỳ ủy cụ Võ hải Chu, Trung kỳ ủy cụ Đặng tử Kinh, Cụ Ngự Hải một vai đương gánh nặng cả hai đầu, nghĩa là: trung gian điều hòa cả hai phái. Trong khoảng vài ba năm Vĩ, Thân, Dậu (1907—1909) tình hình cách mạng tiến triển vô cùng tốt đẹp Đông kinh nghĩa thực phát khởi giữa Hanoi, các học hội buôn ở

Nam Nghĩa, Nghệ Tĩnh đều nổi lên một rập. Về bạo động thì có cuộc đầu học ở Hanoi do lính tập chủ động, Nghệ An, Hà thịnh thì Quân Quyên, Đội Truyền âm mưu khởi nghĩa.

Thượng tuần tháng giêng năm đinh mùi (1907) cụ xuống Hanoi gặp cụ Ngô đức Kế giải quyết vấn đề chánh trị, vì các đồng chí trong hội buồn ham bàn cách mạng sợ hồng việc.

Trung tuần tháng ấy trở lên Bắc ninh đi Lạng Sơn, cải trang người tàu đi buôn, trà trộn vào chợ Văn uyên trong giây phút đã lọt ra ngoài ải Nam quan, đi với cụ có hai ông Lưu ẩm Sanh người Thừa Thiên, và Lý văn Sơn người Bắc ninh. Được các bạn quen biết ở Trung hoa đặc biệt giúp đỡ đưa đến Nam ninh đi Ngô Châu, xuống tàu buôn Anh đi Hương Cảng. Đến Cảng. Lưu Ẩm Sanh vì mang sứ mạng của hai cụ Tiểu la và Ô Gia ủy đem văn thư

trình cáo Kỳ ngoại Hầu gấp về tỉnh trong nước giữa hai phái «Dân chủ và Tôn quân» có mầm đảng tranh. Nên đi Đông kinh ngay, tới «Bình ngô hiền» (lúc này Bình Ngô hiền giới lên Đông kinh) mở cuộc họp.

Cụ viết thư về cầu cứu với cụ Tây hồ; trong thư có câu: «dân chi bất tồn, chủ ư hà hữ» nghĩa là nếu dân không còn thì chủ có ở đâu? và viết ngay bản «ai cáo Nam kỳ phụ lão», in xong cụ trao cho Lưu Ấm Sanh mang về nước. Mặt khác cụ lo mở đường liên lạc Hương cảng với Sài Gòn tiếp nhận tin tức và tiền bạc ở trong ra.

Thượng tuần tháng tư cụ tiễn Lưu Ấm Sanh về nước, đến Hương Cảng và gặp 7 thanh thiếu niên trong nước ra. trong đó có Nguyễn thái Bạt là người hăng hái nhiệt thành nhất. Không ngờ ngày sau lại xuất thú đổi tên Nguyễn phong Duy thi Tiến sĩ đồ Bình Nguyên.

Bài «Ai cáo Nam kỳ phụ lão» về đến nước cách vài tháng sau anh em Nam kỳ cũng như Bắc-Trung lần lượt ra ngoài du học ngày thêm đông.

Cụ trở qua Nhật bản độ vài tuần hốt nhiên được tin cụ Tăng bạt Hồ tạ thế tại nhà cụ Võ Bá Hạp ở An Hòa (Huế). Cụ vô cùng cảm kích / cụ Tăng là người tiên phong cách mạng cả trong lẫn ngoài nước, trước kia là một kiện tướng Cần vương thất bại, ẩn dật nay đây mai đó, đến ngày cụ Tiêu la giới thiệu giúp cụ Sào nam đông độ rất đặc lực. từ lữ hành lữ phí, học phí cho đến khoản chi phí trong hai năm Ngô. vị (1906-07) thấy thấy đều một tay cụ trù biện. Cụ mất, cụ Sào nam đành chịu mất hết một cánh tay mặt rất đau đớn! có soạn ra sách «Viết nam Nghĩa liệt sử» và tập «Kỷ niệm lục» trong đó kể chuyện cụ Tăng đầu hết.

Tháng bảy năm ấy cụ muốn gây cảm tình với hội Trung quốc đồng minh của đảng Trung hoa cách mạng ở Đông

kinh, cơ quan và báo chí xuất bản tại Đông kinh, nhất là nhóm Văn nam gần biên giới nước ta, mong sau này nổi giậy kiên lạc viện trợ dễ dàng: Cụ trực tiếp với Triệu trực Trai Chủ nhiệm Văn nam tạp chí xã, lãnh phần biên tập viên. Trong tạp chí ấy cụ có viết những bài «Ai viết điều văn, Việt vong thảm trạng» v.v. Mục đích gây dư luận trước quốc tế; cũng như gọi mỗi đồng tâm giữa đảng cách mạng Trung hoa và Việt nam.

Lúc đó tư tưởng dân chủ của cách mạng Trung hoa cụ đã ý thức qua câu phê bình của Tôn Văn, đọc Việt nam vong quốc sử, nên định xoay chiều. Nhưng vì trước kia dùng lá bài Kỳ ngoại Hầu mà kêu gọi dân Nam kỳ, bởi người Nam đương nặng óc luyện chúa, chưa giám đường đột đổi thay cơ hồ sợ thất sách. Cụ chỉ làm ra một pho sách «Hoàng phan Thái» kể tội ác vua Tự Đức và thất bại của Hoàng đại Hưu tiên sanh gọi về nước, mục đích tìm hiểu khuynh hướng của lòng dân,

tùy phương châm cải hoán tư tưởng.

Sách in xong vừa được tin Hương Cảng cho biết có phụ lão Nam kỳ bí mật xuất cảnh Thượng tuần tháng tám cụ xuống Hoàn tân đi Hương cảng mang theo sách đã phát hành còn lại; «Tân viết nam toàn biên, Kỷ niệm lục, Sùng bái nhai nhâu, Hoàng phan Thái, Ai cáo Nam kỳ phụ lão văn».

Đến Hương cảng cụ gặp các phụ lão trong nước ra: Hội đồng Mỹ tho, Chánh tổng Cần thơ, Hương chức Long hồ chuyện trò tâm huyết, cụ trao tất cả sách mang theo cho các ông xem, và đem về nước, ân cần phó thác hai việc:

- 1) Vận động du học sanh.
- 2) Quyền trợ tài chánh.

Các phụ lão nói trên nhận lời trở về nước ngay, Cách vài tuần sau một nhóm thanh niên Nam kỳ vài mươi người bước đến Hương cảng do ông Trần, văn Định Vĩnh long dẫn đạo trong đó có ba em còn bé trên dưới 10 tuổi: Trần văn An, Trần văn Thư và Hoàng vị Hùng.

Hạ tuần tháng tám cụ đem các thanh niên trên qua Nhật Bản, lúc đó Bình ngô hiền đã lên đến 200 du học sinh. Cụ đến gặp Khuyển đường Nghị, bàn với Đại tướng Phúc Đảo về sự nhập học của thanh niên VN.

Trường công Nhật Bản có phần khó khăn, bởi luật ngoại giao quốc tế, sợ Pháp phản kháng và làm trở ngại cho cách mạng Việt Nam Đại tướng Phúc Đảo bàn : «đưa tất cả vào «Đông Á đồng văn hội», Phúc Đảo cũng không quên nhắc cụ rằng Việt Nam muốn khôi phục thì thế nào cũng thắng Pháp, về thiên thời, về địa lợi, duy về nhân hòa chưa biết có nhân nài lao khổ như Nhật đánh Nga được không.

Ký thác học sinh vào Đông Á đồng văn hội là do Khuyển đường Nghị và Đại tướng Phúc Đảo giới thiệu với Oa Đảo Hầu tước Hội trưởng Đông Á đồng văn. Tế Xuyên Hầu tước Viện

trưởng Đông Á đồng văn ; hai ông này trọng yếu trong Nguyên lão Nghị viện. và hai người nữa là : Căn tấn Nhất Cán sự trưởng, Hằng ốc Thịnh phục Tổng thư ký.

Sắp đặt thanh niên vào trường xong, trung tuần tháng năm năm Đinh Mùi (1907) cụ tổ chức hội đặc biệt gọi là «Việt Nam Công hiến hội, riêng cho du học sinh VN ở Nhật Bản. Mục đích : đoàn kết, trau dồi đức tánh, nâng cao trí thức học vấn, và tương thân tương ái. Vì cụ nhận thấy học sinh ba kỳ có ba tánh chất khác nhau không được thống nhất ý chí.

Hội gồm có bốn đại bộ :

- 1 — Kinh tế bộ
- 2 — Kỹ luật bộ
- 3 — Giao tế bộ
- 4 — Văn thơ bộ

Ban chấp hành : Hội trưởng Kỳ ngoại Hầu Cường Để.
Tổng lý kiêm Giám đốc Phan Bội Châu.

Ủy viên Kinh tế : Đặng tử Kinh, Đặng Bình Thành, Phạm Chấn Yêm.

Ủy viên Kỹ luật : Đàm kỳ Sanh, Phan Bá Ngọc, Hoàng quang Thành.

Ủy viên Giao tế : Phan thế Mỹ, Nguyễn Thái Bạt, Lâm quang Trung.

Ủy viên Văn thư : Hoàn trọng Mậu, Đặng ngô Lân, Hoàng Hưng.

Ngoài bốn bộ thêm một Kê tra cục gồm các ông : Lương Lập Nham, Nguyễn Diên, Trần Hữu Công.

Công quỹ hội Nam, Trung, Bắc kỳ gởi qua được 12.000đ00.

Hội thành lập xong, vừa cụ Nguyễn Thượng Hiền ở trong nước qua, tiếp đến năm Mậu thân (1908) cụ Mai Lão Bạng đương ở giòng tu của Thiên chúa giáo, Đại diện Công giáo bằng miền qua Đông kinh, gặp cụ tại Hương Cảng, cụ liền đánh điện cho Hội tổ chức đón tiếp, nhiệt liệt hoan hô vì đại diện Công giáo nước nhà tham gia cách mạng ở hải ngoại Cụ làm quyền sách «Lão Bạng

Phổ khuyển thư». Từ đó về sau thanh niên công giáo tiếp gót xuất dương phổng hơn vài mươi người, trong số đó có các thầy dòng.

Cụ Nguyễn thượng Hiền đến Nhật vừa đúng lúc Đông Á Đồng văn hội làm học viện cho học sinh ta mượn trú, cụ đứng khai hội, diễn thuyết, và làm bài ca quốc văn khuyến học sinh độ vài ngàn chữ trong có câu : «cơm xào thịt giặc mới ngon, bát canh chan giọt máu thù mới cam », cụ cũng có làm hai quyền sách : «Viễn hải qui hồng, và Tang hải lệ dầm».

Không ngờ hạt giống cách mạng đang gieo ruộng công hiến chưa kịp cây, hốt nhiên trở thành hoa qui một chốc, có lệnh chánh phủ Nhật bản trực xuất cụ và Kỳ ngoại Hầu ra ngoại cảnh, học sinh thời giải tán. Bởi sự bất cần của phụ huynh Nam kỳ trong lúc đóng góp tiền bạc gởi ra ngoài tiết lộ bí mật bị bắt bớ, cầm giam, tra tấn. đánh khai hết sự thật.

Chánh phủ Pháp yêu cầu chánh phủ Nhật thi hành đúng ngoại giao. Khuyến Dường Nghị và Phúc Đảo vô phương cứu vãn.

Thất bại vô cùng đau đớn cụ khóc dờ mà cười eũng dờ.

Học sanh bị giải tán, tiếp được thơ nhà gởi kêu gọi về nước kể tình trạng đau khổ của cha anh bị cực hình tù tội. Động mỗi thương tâm học sanh Nam kỳ phần đông đòi về, có cậu than khóc dào dề,

Cảnh tượng nguy khốn diễn ra trước mắt cụ; 1— cho học sanh về sợ thành biến động chẳng 2— cấp hành phí thì hết ngân quỹ, vì gần mấy tháng trong nước không gởi ra, Cụ đành dà chạy quanh tìm kế, kêu cứu với Đông Á Đồng văn hội thuộc nhóm Quảng tây, Vân nam cùng Khuyến Dường Nghị, kết quả «Nhật bản Bưu thuyền hội xã» giúp cho 100 vé tàu đáng giá 2000.đ 00,

Có số tiền rồi cụ triệu tập du học sanh hội ý kiến. ai về ? ai

ở ? để cấp hành phí. Những người Trung và Bắc đều không chịu về, Nam-kỳ chỉ lặn lại 5 người: Hoàng-Hưng, Nguyễn Xương-Chi và ba em bé. Các đồng chí ở lại người đi xin ăn mà học, kẻ làm lao công kiếm tiền nuôi nhau, về Tàu, về Xiêm sau này được nhiều người hoạt động quang phục cả trong lẫn ngoài rất ảnh hưởng như các cụ: Lương lập Nham khi nghỉ về sau đều do tạo nhân «Duy tân hội» mà ra cả,

Lúc cùng khốn ở Nhật-bản, cụ được một ân nhân Nhật Thiệu Vũ văn lang là người đã nuôi Nguyễn Thái-Bạt ăn học trong đi xin giữa đường; liền viết thơ kể rõ sự tình với người nghĩa hiệp kia tức là Thiệu Vũ. Chiều ngày ấy nhận được ngay bưu phiếu của Thiệu Vũ gởi đến với số bạc 1.700đ00 và một phong thơ vắn tắt: «hiện nay vợ vét trong nhà chỉ sản có bấy nhiêu. sau tôi có kiếm được số bạc, nếu các ngài cần dùng thì đánh giấy lại mau».

Cụ nhận được bạc, chia làm ba khoản chi phí:

1 — Phí ngoại giao nhiều hơn.

2 — Phí in sách.

3 — Lũ phí.

Nhằm mục đích ấy, cụ bôn tẩu khắp nơi tìm giao thiệp với các danh nhân cách mạng Tàu, Triều Tiên, Phi luật Tân, và đảng Xã hội Bình dân Nhật.

Tháng 10 năm Mậu thân (1908) cùng nhau tổ chức «Đông Á Đồng minh hội», cụ lấy tên Phan thị Hán, và các cụ Đặng tử Mẫn, Nguyễn Quỳnh Lâm với một vài người nữa vào hội viên. Hội thành lập bắt đầu liên lạc Đông Á; cụ mang một hy vọng to tát, cụ cũng không quên Việt Nam với Trung Hoa như rằng với mũi, nhất là hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam. Cụ bàn với lưu học sanh ba tỉnh ấy lập ra một hội nữa là: «Điền Quế Việt liên minh»; được Vân Nam học sanh Hội trưởng Triệu Thân, và Lưỡng Quảng học sanh Hội trưởng Lãng Ngạn tán thành.

Điền Quế Việt liên minh hội thành lập, theo chương trình

ba bộ phận phải đóng góp công quỹ. Cụ trích ra số bạc 250đ00 trong số bạc 1700đ00 vừa xin được đóng vào Điền Quế Việt liên minh.

Tiếp theo cụ tái bản 3000 quyển «Hải ngoại huyết lệ thư» trước kia mời in bằng thạch ấn) ba thứ chữ: Hán, Nôm, Quốc ngữ và in luôn 1000 bản «Việt Nam quốc sử khảo», truyện Trần đông Phong, tốn phí tất cả 700đ00. (Trần đông phong người Nghệ An, con nhà giàu có du học Nhật Bản là người có khí khái nhất trong Bính Ngọ hiên, từ vẫn vì ở nhà không gởi tiền qua giúp đảng, trong lúc đó các anh em khác đều được nhận của nhà gởi qua, nên không chịu nhục. Lễ tổng tán được Đông Á đồng văn và các yếu nhân Nhật Bản tham gia chiêu liệu vô cùng trọng thể, dựng bia đề: «Việt Nam chí sĩ Trần Đông Phong chi mộ»).

Hội Đông Á Đồng minh thành lập được ba tháng thì bị chết yểu bởi hội này là toàn người

cách mạng chống Anh, Pháp thêm vào có phái tả của Nhật nâng đỡ Triều Tiên, nên bị Anh, Pháp chột với chính phủ Nhật bản, họp chết ngay. Đồng thời hội Quế Điền Việt cũng bị giải tán vì sự ngoại giao giữa tay ba Nhật, Mãn thanh, Pháp.

Hội giải tán; tất cả giấy tờ cũng như 3000 quyền Việt nam vong quốc sử của cụ mới in xong đều bị thủ tiêu trước tòa Đại-Sứ Pháp ở Đông kinh. May còn lại 150 quyền là nhờ có Bá nguyên tiên sanh người Nhật báo cho biết trước 10 phút.

Hai hội ấy giải tán, tháng hai năm kỷ dậu (1909) chánh phủ Nhật ra lệnh trục xuất cụ và kỳ ngoại Hầu ra khỏi quốc cảnh Nhật bản : Kỳ ngoại Hầu không quá 24 tiếng đồng hồ, cụ không quá một tuần lễ.

Hai ngài cuống gỏi cặp nhau trở về Hương cảng. Đến ảng Hầu gởi thơ về Nam Kỳ, nhờ người tâm phúc quyền trợ cho có số tiền để đi Âu châu Cụ thuê một gian nhà nhỏ ở với các cụ: Mai Lão-Bang, Lương

Lập Nham; cụ gởi mật thơ về cụ Ngự-Hải báo quyền tiền gởi qua đem du học sanh bị giải tán ở Nhật sang Xiêm cây ruộng đời thời cơ.

Sở dĩ cụ định qua Xiêm là trong những ngày trước ở Nhật thành lập hội Công Hiến cụ được Đại-ô Bá-tước nhờ Luật khoa Tiến-sĩ Tả-dăng Hạ các hiện Pháp luật cổ vấn đại thần cho chánh phủ Xiêm, giới thiệu với

Xiêm-Hoàng trong lúc cụ qua quan sát Ban cóc. Được Xiêm-Hoàng tiếp đãi nồng hậu và tỏ ý Xiêm-Việt là một địa thể quan trọng trên quốc tế, nên mỗi tình bang giao hai bên cần thắc chặt. Do đó mà cụ cũng được giao tiếp với Hoàng-thúc Thân vương, xin đất cây ruộng. Được Thân vương nhận lời.

Năm sau các cụ; Đặng tử-Kinh, Đặng ngọc Sanh. Hồ Vĩnh-Long và một số đồng chí đều lục tục qua Xiêm khẩn hoang cây ruộng.

Đương dự định việc qua Xiêm, bỗng được tin trong nước gởi ra báo cho biết: Cụ Đề-Thâm

đã khởi chiến với Pháp kịch liệt, thắng được nhiều trận. Tùng nham tiên Sanh (tức là Tú-Ngôn người Hà-tĩnh có dựng đồn trong khu vực Yên-Thế gọi là đồn Tú Nghệ) cũng đã trở về Nghệ Tĩnh mưu dân đảng hưởng ứng. Lòng cụ được kích thích nên định bỏ việc đi Xiêm, ở lại Hương Cảng mưu trừ âm viện cho cụ Đề Hoàng.

Cuối tháng ba năm ấy. Cụ Ngự Hải ủy ông Ngọ Sanh đem qua 2500đ. và một phong thơ kể rõ tình hình : phải võ trang trong nước hiện giờ đương bằng bột hăng hái, nếu có được một số quân khí mà cung cấp thì việc bạo động mới dễ trừ tính.

Cụ mừng quá, liền phái hai ông : Đặng ngọc Sanh, Đặng Tử Mãn qua Nhật vào Sơn khẩu Thương điểm là nhà buôn súng quen biết với cụ từ trước, hỏi mua súng. Mua được 500 khẩu, nhưng trả tiền mới được 100 khẩu với số bạc 2000đ00, còn 400 khẩu mua chịu. Mua xong nhờ Lý Vị Kỳ người cách mạng Trung hoa chở về Hương Cảng.

thuê một căn nhà nhỏ hẹp chứa súng và tìm cách đưa về nước.

Hạ tuần tháng 5 năm Kỷ dậu, cụ chạy qua Tân gia, ba tìm Trần Sở Nam Ủy viên cách mạng Tàu, nhờ thuê tàu buồm Trung Hoa chở về nước. Chẳng hay bọn tàu buồm tính giá quá cao, cứ mỗi cây súng phải trả 100đ00. Thượng tuần tháng sáu cụ chạy sang Xiêm cầu Thân - vương nhờ Thân-wương mật giao với Ngoại-giao bộ Đại thần ủng hộ. Ngoại bộ phản đối, vì trái đường lối ngoại giao giữa Xiêm Pháp.

Cụ thất vọng chạy về Hương cảng yên trí định kiếm tiền sẽ thuê tàu buồm chở. Vừa Đàm kỳ Thụy tiên sanh ở trong nước ra tin cho biết : Cụ Tùng nham đã bị bắt, Mạnh Thận tiên sanh tử trận- cụ Đề Hoàng thể cô sức mệt, hiện đương nóng lòng ngoại viện. Cụ Ngự Hải một mình đương chèo chống chưa có gì vững chắc. Duy chỉ có hy vọng vào hai cô lính tập ở Nghệ An và Hà Tĩnh là dưới quyền điều khiển của Đội Phán

Quản Truyền mà ông Đàm đã mật ước trước ngày ra đi. Nếu nay mai chiếm được thành Hà Tĩnh thì đại cuộc có thể chèo kéo được.

Cụ cử ông Đàm về nước gấp đốc suất gởi tiền ra thuê chỗ súng về. Ông Đàm vâng lệnh về cụ ngày đêm trông đợi âm tin; đầu tuần tháng hai năm canh tuất (1910) được thư ông Phan mai Lâm gởi báo: ngày mồng một tháng hai này quân Pháp vây nhà cụ Ngự Hải; cụ đã đốt hết văn kiện bí mật, và súng bắn chết vài tên lính Pháp cụ cũng định sát luôn người lính tập, nhưng chỉ nói vì đồng chủng không nỡ hại mầy, cụ trở lại dùng súng của cụ cầm tuấn nghĩa.

Ôi! ... Trời chẳng chịu người vận nước còn nguy. Trong khoảng ba năm mậu thân đến canh tuất luôn luôn tiếp hung tin ở nước nhà đưa đến cho cụ chức chứa nhiều bi kịch từ nghĩa dân Trung kỳ kháng thuế đến Bắc kỳ đầu độc hy sanh biết bao liệt sĩ; Đông kinh nghĩa thực,

thương hội, học hội lần lượt dày xéo dưới gót giày sắt của cường quyền người chết kể đầy Côn lôn; Lao bảo: số tù cụ Ngô đức Kế, được ghi đầu tiên, đập nhân đến đất Côn lôn là cụ Tây hồ tiếp đoạn đầu đài là cụ Trần quý Cáp họa kiếp của làng Khoa giáp chen nhau vào ngục thất từ thượng cổ đến đây không lúc nào bằng lúc này, tất cả các cụ

Ô Gia. Tiều La, Minh Viên đều chung số phận, duy còn cụ Ngự Hải chủ tri, mỗi hy vọng còn mong mỗi có ngày quang phục. Bây giờ đây cụ Ngự Hải lâm chung thì đại cuộc ở trong nước lấy ai làm then chốt? Lúc đó vừa gặp dịp cách mạng Trung hoa đánh Quảng đông đương cần súng đạn. Cụ họp đồng chí ở hải ngoại hồi ý kiến vừa đem tặng món quân khí chứa Hương cảng ni lâu đem về nước cho đảng Cách mạng

Trung hoa cốt yếu đánh vàn cờ sau. Chỉ dành lại hai mươi khẩu súng và đạn, lười lè giao cụ Quỳnh Lâm đem về Ban cóc

dự trữ, Khi đến Ban Cóc bị thuế quan tịch thu và tổng giam ông Quỳnh Lâm hết mấy tháng.

Thất bại cụ nằm nép ở Quảng Đông trọ nhà bà Chu Sư Thái, mang những sách cũ đã phát hành còn lại đi bán sanh nhai. Hằng ngày xuống bến tàu chạy Hương Cảng, Áo Môn bán được số tiền đủ các đồng các chi nhật dụng, rượu chè say sưa.

Cuối mùa thu năm Canh tuất (1910) việc đáng mừng không ngờ đưa đến cho cụ là ở trong nước hai cụ: Lương ngọc Cang và Nam Xương Thái Phiên gởi ra 500đ với hai thanh niên do Lý Tuệ đem đi tên là Dư Tất Đạt, sau đổi lại Trương quốc Uy và Lâm Đức Mậu.

Cụ ủy tri Trương quốc Uy vào học Bắc Kinh sĩ quan học hiệu (ông này sau làm quan binh ở Tàu không về nước). Lâm Đức Mậu vào học trường Trung Đức trung học hiệu của người Đức lập ở Quảng đông, mới ba tháng đầu đã nổi tiếng ưu hạn được miễn tất cả học phí, thực tập phí. Đó là cụ cố ý

xoay chiều ngoại giao với Đức nên gởi ông này vào học trường Đức, cố học thực giỏi gây cảm tình tương lai.

Cụ quyết định qua Xiêm làm Ngũ Tử-Tư cày ruộng đất bỉ, giao cho hai ông Đặng Tử Mân và Lê Cầu-Tĩnh số bạc 200đ 00 qua trước sắm sửa nông khí, cụ sẽ qua sau.

Cuối tháng chín cụ từ biệt Quảng đông đi Xiêm, có cặp theo bốn, năm người lao động.

Đến ban Cóc yết kiến Thân Vương là người đã tâm giao năm trước, trình bày những sự thất bại của đảng liên tiếp mấy năm qua. bây giờ cùng đồ đến nhờ Thân-Vương ủng hộ việc canh tác, để nuôi sống đảng qua ngày tìm cơ hội phục hưng.

Được Thân-Vương triệt đề ủng hộ, giao cho Hoàng-Đệ Lục-quân thiếu tướng trừ biện các khoản chi phí, địa điểm khai thác. Hoàng-Đệ Thiếu tướng vâng lời, đưa cụ đến khằng tại Bàn-thầm, đất đai phì nhiêu gần bên bờ sông cái, cách kinh thành Xiêm độ bốn ngày đường, thăm u tịch mịch trình thăm Pháp khó nổi

đỏ xét. Thiếu tương trợ cấp luôn ngưi canh điền khí, tiền bạc tiêu dùng lúc chưa có hoa lợi. Những học sanh du học Nhật giải tán cũng như các nhà cách mạng xuất dương một phần lớn qui tụ về đó cùng nhau cây cấy vui tươi. Lúc đó cụ có đặt ra mấy bài hát «Ái-quốc», «Ái chủng» mỗi khi cây bừa đều hát rập ràng hào hứng. Năm Tân-hợi đảng cách mạng Tàu đánh đổ Mãn-thanh, lập dân quốc ở Nam-kinh. Cụ được tin giòng máu nóng lại quật khởi, nghĩ rằng: dân khí Trung - hoa rằng cũng như Nhật-bản; đề chống lại sự xâm chiếm của Âu-châu thì nên chủ trương «Liên Á-sô-ugôn» đưa cho các yếu nhân Trung; Nhật cũng như các cơ quan nhật cũng như các cơ quan nhật báo Tàu trú ngụ tại Xiêm đều hoan nghinh ý kiến ấy. Nhờ ông Tiêu Phật. Thành Chủ nhiệm Hoa Xiêm nhật báo in báo in hộ cho 1000 quyền không lấy tiền, được người Nhật ở Xiêm thích lắm mua 300 quyền; còn 700 quyền

tặng cho các chánh khách và mang về Tàu.

Đồng đi với cụ có hai ông Đặng hồng Phấn, Nguyễn quỳnh Lâm đến Quảng-Đông vào ngày tháng 12 năm tân hợi, vừa gặp cụ Nguyễn hải Thần ở trong nước ra đồng với các cụ: Hoàng trọng Mậu, Lâm quảng Trung, Đặng xuân Hồng Trần hữu Lực và các đảng nhân khác bấy lâu phân tán, lần lượt họp mặt nhau tại Quảng-đông, Nam kỳ: Nguyễn Thần-Hiến, Hoàng Hưng, và Đặng Bích Thành ở trong nước mới ra từ xiêm qua.

Tháng giêng năm nhâm tý (1912) Tôn Trung-Sơn tiên sanh cử đại Tổng thống lâm thời Trung-hoa, Quảng-đông Đô-đốc Hồ Hán-Dân, và Thượng hải Đô đốc Trần-kỳ-Mỹ đều là bạn quen thân của cụ, cũng như tương đắc với đảng của ta.

Các đảng nhân ở mọi nơi đều lần lượt chạy về Quảng-đông phỏng chừng 100 người. Mở cuộc họp cơ kỷ ngoại Hầu ở Hương cảng xuống, cụ Mai Lão-Bạng ở xiêm, đương thảo luận nhiều

vấn đề bổng có cụ Nguyễn trọng Thường từ Hà-nội ra báo cáo tình hình quốc nội: Phong trào Trung-hoa cách mạng thành công ảnh hưởng đến nước ta rất nhiều, nhiệt độ của dân sôi nổi bội phần trước kia. Nếu ở ngoài có cái gì tiến hành thì ở trong hưởng ứng tức khắc phong trào được sống lại. Toàn thể buổi họp nghe nói đều kích thích trong tâm não.

Cụ vạch một chương trình gồm có ba điều đưa ra trình bày hội nghị:

1— Chủ nghĩa, nay đã được đúng lúc cần phải đổi lại «dân chủ»; chương trình hội Duy-tân coi như không hợp thời nữa, bởi lúc bây giờ vạch ra là cản cứ trình độ nhân dân phần đông còn nặng óc luyện chúa nhất là Nam-kỳ, đề đề dàng hoạt động

và kêu gọi sự đóng góp tài chánh
2— Chọn lựa người cử Ủy viên phái về nước vận động khắp ba kỳ.

3— Liên lạc với đảng cách mạng Trung-hoa đặt cơ quan và mời người Trung-hoa đủ thế lực viện trợ về thương giới làm kinh tài.

Thượng tuần tháng hai cụ mượn nhà thờ của họ Lưu (Lưu vĩnh Phúc) ở Sa hà làm nơi đại hội. Triệu tập toàn thể đảng viên ba kỳ mở hội nghị; cụ trình bày điều thứ nhất trong chương trình. Được hội nghị đồng ý, duy chỉ có một vài người Nam kỳ cũng như cụ Đặng hải Thần chưa được hài lòng. Biểu quyết: đại đa số khuyh hướng dân chủ. Điều hai và điều ba được thông qua



Kẻ với không gian

Cưỡi trên sóng quay cuồng trong biển gió
Hồn cao bay lơ lửng chốn xa khơi,
Tay chơi với chong hai mắt mà ngỡ
Cả vùng trời thu hẹp giữa đôi người...

Thế là hết một cuộc đời tăm tối
Thôi gieo mình trong tiếc nuối vu vơ.
Nhắm mắt lại buông xuôi trăm ngàn mối
Theo sóng tràn tan những nỗi âu lo.

Khi thân xác rũ mòn trong biển cát;
Khi sóng ngàn đùa với đá cheo leo;
Mang thân thể đập vào cho tan nát
Là khi hồn trên nớ vỗ tay reo.

Hồn đứng đó trong không gian bát ngát,
Dưới từng trời trên biển nước bao la
Cười man dại khi biết mình vừa thoát
Kiếp con người chỉ biết mộng cao xa.

«Trong cuộc đua bay đi tìm ảo ảnh
Ta biết gì, người cũng cuốn ta theo,

Phải lóng lốc với hình hài không cánh,
Chuồn nảo nề người cũng bắt ta đeo,

Đã sung sướng còn mong chi thêm nữa
Đề rồi buồn; hạnh phúc chẳng bao nhiêu!
Ta phải đứng phải ngồi bên song cửa
Theo ý người mà ngấm nỗi hoang liêu.

Ảo ảnh đó không nhiều trong cuộc sống
Càng đi tìm càng phí mất công lao
Trong giấc ngủ người bắt ta tìm mộng
Và mang về hết nỗi giấc chiêm bao

Rồi ngụp lặn trong vùng mơ huyền ảo,
Hồn phiêu lưu trong êm ái giang hà
Đề ng ời mĩa nụ cười quên ảo nảo,
Tỉnh giấc rồi, ôi mộng đã bay xa!

Chứ, thôi hết một chuỗi ngày u tối
Thôi đắm mình mơ ước với viễn vông.
Nhắm mắt lại là quên đời muôn lối
Hết đi tìm mà lạc lối gai chông.



Chú là đồ vật vờ trên biển sóng
Nhấp nhô buồn chìm nổi giữa phong ba
Thân thề đó sẽ rã mòn tan nát,
Hoà theo dòng vào bát ngát bao la



Biển đưa người rời xa vùng ảo mộng
Qnên muôn đời những ước vọng nguy nga.
Thối giã biệt để ta về cao rộng
Hồn tung mình theo gió cuốn bay xa



Hồn bỏ đi trên biển tràn nghiêng ngả
Chợt thấy buồn cho nửa kiếp long đong,
Quay trở lại để nhìn thêm lần nữa
Giã biệt người vừa lảng giữa rêu rong.



NHẬT HUYỀN THANH

NHƯ CHIẾC LÁ

□ THU MAI

Chiều thứ bảy nên mới 3 giờ mà chỉ còn lưa thưa mấy chiếc xe đồ. Khoảng đất dành riêng cho xe lô trống trơn. Một nhóm nhỏ hành khách đang dõi mắt nhìn về hướng cầu Bà Hên, có lẽ chờ xe lô. Đối với thị dân của thị trấn này, đi xe lô về Sài Gòn là một việc làm đáng để chứng tỏ sự sang trọng của mình.

— Saigon, saigon cô bác ơi !

Anh lơ xe đứng trước đầu xe la vang óc luôn mồm :

— Sài Gòn hả thầy ?

Gã đàn ông được hỏi đáp cộc lốc :

— Đi xe lô !

Anh lơ xe cười hề hề, nhe hai hàm răng đóng bợn vàng khè ;

— Bữa nay chủ nhật, xe lô dù hết rồi không về bến đâu. Đi xe đồ đi.

Gã làm thinh đi thẳng lại nơi dành riêng cho xe lô đậu, nhấp bộn với đám hành khách. Nhiều ánh mắt đang nhìn tới xoi mói trong đó có đôi mắt cú vọ của gã đàn ông vừa mới đến. Gương mặt gã nung nút những thít đôi mắt gian manh quỷ quyết cố làm ra vẻ nghiêm trang đạo mạo mang kính trắng gọng vàng, tay sách cặp táp đầy ắp sách vở.

Tôi đã nhận ra gã là ai rồi : Giáo sư triết của tôi ba năm về trước, khi tôi còn học đệ nhị tư thực ở cái thị trấn này. Đối với bạn tôi hồi ấy, gã là một nhà mô phạm khả kính bất cứ lúc nào cũng giảng đạo đức với học trò. Và cũng vì cái bộ vỏ đạo đức đó của gã mà con bạn thân nhất hiền lành dễ thương của tôi phải mang thai với gã. Khi Hạnh đem điều ấy nói với

gã. Gã dụ dỗ nó đem xuống Sài gòn để phá thai. Kết quả Hạnh đã chết vì băng huyết.

Cha mẹ Hạnh đem chuyện này ra tòa, nhưng gã chẳng bị một án tích gì, ngược lại, cha Hạnh bị 3 tháng tù về tội mạ lỵ vu khống. Ba năm qua mồ Hạnh đã bao lần cỏ xanh cỏ úa — nhưng tôi vẫn chưa và sẽ không bao giờ quên được gương mặt tái xanh, nghẹn uất hờn của Hạnh trước khi lìa trần và đôi mắt gần như đứng tròng của cha Hạnh lúc nghe tòa tuyên án.

Tôi nhìn gã, gã không nhận ra tôi là học trò cũ của gã. Càng hay!

Hạnh ơi; tao sẽ làm một cái gì để mày vui lòng, dù là bé nhỏ. Mày đừng nghĩ rằng bạn bè đã đứng đứng trước nỗi đau thương tủi hận của mày Hạnh nhé. Bọn tao vẫn nhớ và nhớ với lòng thù hận!

— Nem lá thiêu không có?

— Bao nhiêu một chục hả?

— Trăm rưỡi cô.

Tôi cúi thấp người xuống để

lựa nem. Bà hàng nem ngồi bám sát bên chân gã đàn ông Tôi càng cúi thấp, gã càng nhìn tôi không chớp mắt. Hôm nay tôi mặc chiếc robe hơi ngắn, và không hiểu tại sao tôi lại để ngực trần. Có lẽ vải quá dày. Dĩ nhiên khi tôi cúi gập đầu gã sẽ thấy cái gì gã muốn thấy. Tôi cố ý làm điều đó nhưng bằng một cử chỉ vô tình!

Tôi chợt ngừng lên thật nhanh để kịp bắt gặp ánh mắt gian manh của gã; dù gã quay mặt đi mau, nhưng tôi lại mau hơn:

— Ô, thầy Minh. Thầy đi đâu đây?

Gã lúng túng:

— Tôi... đi dạy... Tôi nhớ mang máng cô là...?

— Hạnh đây mà. Thầy quên rồi sao? Lâu quá không gặp thầy. Nay thấy thầy lạ ghê.

Mặt gã ngờ ngác trông đến buồn cười;

— À... Đạo này Hạnh đẹp quá.

Tôi vội không nghe:

— Thầy chờ xe lô phải không.

Đi xe lô vậy thầy chờ xe lô lâu lắm, Sốt ruột.

Gã riu riu the o tôi.

Mặt thộn ra như tên máng lạc kinh đô.

Xe chạy được một khoảng dài thì gã bắt đầu giở triết học đạo đức của gã ra tán tôi. Chắc tại sao ta không lợi dụng dịp may hiếm có này? Tôi đọc được trong đôi mắt gã câu đó!

Mặc gã tán hươu tán vượn tôi chỉ cười cười im lặng. Một lúc lâu, thấy tôi không nói gì, chắc gã nghĩ là tôi đã «mết» gã rồi.

Bàn tay của gã nhẹ nhàng trên đùi tôi và nhìn tôi cười lẳng lơ.

Bốp! Một cái tát tay như trời giáng in trên mặt gã.

— Khôn nạn! Mất dạy!

Gã cúi gầm mặt xuống sàn xe da tái mét.

Hành khách trong xe đều nhìn gã với những tia nhìn khinh bỉ. Nhiều người biết gã nói với nhau nhỏ nhỏ!

— «Giáo sư triết trường M.T. đấy».

Một người khách ở băng trước xuống. Tôi bỏ lên đấy ngồi, nhiều người nhìn tôi mỉm cười.

Hình như không có ai hiểu rằng tôi chưa hề nói với gã một câu nào. Họ nghĩ rằng tôi và gã là hai người hoàn toàn xa lạ.

Xe đang chạy trên khoảng đường đồng chó ngáp. Gió đồng nội thổi lồng lộng. Tôi ngả người ra thành ghế, lơ đãng nhìn mấy anh lính Mỹ xây công sự chiến đấu. Gió mát làm tôi dễ chịu. Tôi nhắm mắt mơ màng nghĩ đến Hạnh. Trong giấc ngủ chập chờn, tôi thấy Hạnh đang nhìn tôi mỉm cười.

oOo

«Diễm con. Ba không ngờ con lại cứng đầu với ba mà như vậy. Một lần chút. Ba cho con hai điều kiện để chọn lựa: Một — bằng lòng làm vợ giáo sư Minh. Hai — Con sẽ không còn là con của ba nữa. Con hãy sống cho con. Và con đừng bao đặt bước trở lại căn nhà mà con đã sống gần hai mươi năm qua.

*Con suy nghĩ và chọn một.
Ba chờ con. Cha của con.*

Tôi thừa biết gã muốn cưới tôi để làm gì rồi ; trả thù cái việc tôi đã làm nhục gã. Để hoàn thành mục đích, gã đã bỏ tiền nhờ người đồng sở với ba tôi gài bẫy để ba tôi mắc vào tội hối lộ, tham nhũng. Tôi không ngạc nhiên khi biết điều đó. Gã vẫn luôn luôn là một tên thâm độc, quỷ quyệt. Nhưng tôi sẽ không bao giờ chịu thua gã !

Kính ba.

*Con chọn điều kiện như
nứt. Nhưng ba cho con
được ở lại Saigon đến lúc
hôn lễ sắp cử hành con sẽ
về !*

*Con ba
Diễm.*



Tôi rúc đầu vào nách Nguyễn, hơi ấm của chàng làm tôi dễ chịu. Nguyễn vuốt nhẹ

trên má tôi :

— Em anh ngoan như một con mèo con.

— Em ao ước suốt đời được rúc nách anh ngủ.

Nguyễn cười :

— Đồng ý. Anh chấp nhận ước muốn đó của em. Nhưng bây giờ anh xin em một điều. Cho anh đây để anh viết nốt đoạn kết của cuốn truyện.

Tôi kéo Nguyễn nằm xuống :

— Nhưng anh quên rằng em cũng là đoạn cuối chuyện của

húng mình sao ?

— Anh không hiểu.

Tôi nói tự nhiên :

— Đêm nay em là của anh tất cả. Ngày mai em sẽ lấy chồng.

Đôi mắt Nguyễn sáng sủa :

— Em đừng đùa dai Diễm ạ.

Tôi vút lá thư của ba tôi cho Nguyễn, đọc xong anh nhìn tôi trân trối :

— Và Diễm đã... ?

— Em đã bằng lòng. Gã đàn ông sắp làm chồng em là gã đã

giết chết Hạnh, đã bị em tát tay đạo nọ mùa anh cười em hy làm chuyện con nít. Là giáo sư triết của em, là người em thù ghét và khinh bỉ muôn đời.

— Nhưng tại sao em lại phải đi lấy hắn làm chồng ?

— Anh đừng hỏi em tại sao. Em không hiểu là tại sao nhưng có khi nào em tưởng đến cái chuyện có ngày em sẽ là vợ của gã đâu. Nhưng bây giờ thì nó đã xảy ra.

Giọng Nguyễn cương quyết :

— Anh nhất định không để mất em.

Tôi cười :

— Vô ích. Anh nhớ rằng em không có ý định làm vợ anh.

— Em điên rồi Diễm ạ.

Giọng tôi rắn :

— Em không muốn nói chuyện đó nữa. Em muốn anh tất cả.

— Em đừng nghĩ quẩn nữa Diễm. Nếu em nhất định lấy Minh, anh để tự em quyết định. Nhưng em đừng bắt anh phải

làm một việc mà anh không thể chịu em được, Anh không muốn phá vỡ hạnh phúc của em sau này.

— Tại sao ?

— Chồng em sẽ hành động ra sao nếu hắn biết rằng em không còn trinh trắng,

— Ra sao. Ra sao thì ra ; em không thêm nghĩ đến. Ngày mai với em chỉ là một khu rừng có nhiều cây, mà em không có ý định sẽ làm gì. Xẻ gỗ cất nhà, đóng ghế, đốt than. Tất cả mọi dự định em đã vứt bỏ hết rồi. Hiện tại, em là một cánh hồng, muốn được cắm vào chiếc bình sành, dù là một phút, hơn là được cắm trong chiếc bình sành suốt kiếp.

Nguyễn lắc đầu khổ sở :

— Dù em nói gì, anh vẫn không thể nào làm thỏa mãn lời yêu cầu của em. Vì anh yêu em !

Tôi thần nhiên :

— Sẽ có một người đàn ông khác làm việc đó thay anh. Nếu anh từ chối.

CHIẾC LÁ

Nguyễn ôm đầu tôi :

— Anh muốn nghe em hát.

— «... Et je m'en vais

Au vent mau vais

Qui m'em porte

Deçi, delà,

Pareil à la

Feuille morte.»

«... Và tôi đi lang thang

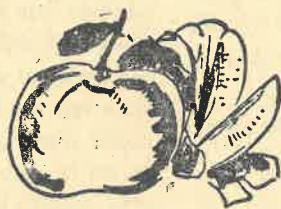
Cuốn theo chiều gió

Nơi đây, nơi đó,

Như chiếc lá

Vàng rơi.»

Ngoài vườn gió đang reo xào
xạt.





trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/ĐDĐC

CHIẾN SĨ VÀ chiến tranh

— Nguyễn.Đôn.Mân



Thành phần xã hội cũ của Việt Nam, ta chỉ gồm có : sĩ, nông, công, thương mà thôi. Tuy người lính đóng một vai trò rất quan trọng trong các ngành hoạt động của Quốc gia nhưng người xưa vẫn vô tình quên hẳn họ. Đây là một khuyết điểm vô ý thức đáng tiếc, cho nên ngày nay người ta đã kịp thời bổ khuyết và danh từ «tứ dân» đã thay cho danh từ «ngũ dân» gồm: sĩ, nông, công, thương, binh.

Vai trò của người lính rất quan trọng. nhất là trong thời nhiều nham hiểm ly loạn, thời giặc giã như ở nước ta ngày nay. Vì lẽ đó cho nên Mã-Viện, một danh

tướng Trung hoa, đã thích lấy da ngựa bọc thây, nghĩa là thích chết ngoài sa trường hơn là chết trong xó bếp. Người Việt mình cũng đề cao vai trò người lính:

*Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tỉnh lên
đoài đoài tan.*

(ca dao)

hoặc:

*Trai khôn tìm vợ chợ đông,
Gái khôn tìm chồng giữa
chốn ba quân.*

(ca dao)

hoặc:

*Tên cô cung dẫu là chi trẻ
Danh mà chi đó lợi mà chi,*

(PHAN VĂN TRỊ)

và qua văn chương ngoại quốc, ta thấy nhà văn hào pháp Victor Hugo cũng đề cao vai trò người

binh sĩ trong hai câu thơ của mình, tạm dịch nôm sau đây:

*Ai mà vì nước hi sinh,
Đều được dân chúng tụng
kinh nguyện cầu.*

*Rũ về lũ lượt từ đâu,
Quì trước linh cửu âu sầu
khóc thương,*

Nhưng khi đã là người lính chiến, người chiến sĩ, thì ta phải làm gì để khỏi phụ lòng, tin cậy của quốc dân đồng bào và đề xứng đáng với cái sứ mạng, cái thiên chức làm lính của ta. Trong lúc quốc gia lâm nguy, chúng ta có bốn phận giết giặc cứu nước, đánh đông dẹp tây để mang lại hòa bình cho xứ sở, để quốc thái dân an, để mọi người được an cư lạc nghiệp. để cảnh tượng nhục vũ huyết phi, xương tan thịt nát sẽ không còn ngày diễn ra trước mắt ta nữa. Giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh và quốc gia hưng vong thất phu hữu trách, huống chi chúng ta đường đường là

những đấng nam nhi, những thanh niên rường cột của nước nhà.

Đó chỉ là nghĩa vụ của người lính đối với Quốc gia Dân tộc. Nhưng ngoài nghĩa vụ ấy, người lính còn phải biết tuân kỷ luật ở ngoài mặt trận nữa. Tất cả cái tinh thần phục tùng kỷ luật ấy đều gói ghém trong câu nói bất hủ này của một nhà danh tướng Pháp, ông Roche — Jacqueslein : « Nếu ta tiến, hãy tiến theo ta ; nếu ta lùi, hãy giết ta đi, và nếu ta có rũi tử trận, hãy trả thù cho ta ». Nếu người chiến sĩ ý thức được những lời chỉ huy đó thì địch quân sẽ khiếp đảm và phần thắng cuối cùng sẽ về ta.

oOo

Trong hiện tình của đất nước ta ngày nay, chúng ta phải chiến đấu, không phải để chống ngoại như dưới các triều vua Lý, Trần,

Lê, không phải để giành độc lập cho dân tộc như trước đây ta phải kháng chiến, anh dũng, trường kỳ và gian khổ chống thực dân Pháp. Ngày nay chúng ta phải chiến đấu để tạo lấy Tự do, vì Tự do rất cần thiết cho đời sống con người, cũng như cơm để ăn hay khí trời để thở vậy. Nhà văn hào Voltaire đã nói : « Tại sao tự do rất hiếm? Bởi vì nó là của quý nhất trên đời ». Nhà văn Lacordaire cũng nói : « Có tự do tức là mình làm chủ được mình ». Nhưng Tự do không phải đi xin xỏ người ta mà phải tự mình chiến đấu để cướp lấy nó, để bảo vệ nó, như trong cuộc chiến đấu của chúng ta bây giờ. Cũng vì quá khao khát Tự do mà con người có thể

phạm tội, kẻ cả tội giết người. Bà Roland, khi bước lên đoạn đầu đài đã buột miệng thốt ra một câu nói bất hủ : « Tự do ơi ! vì mi mà người ta đã phạm biết

bao nhiêu tội ác !» Trước kia ta chiến đấu để giành từng tấc đất độc lập thì ngày nay ta chiến đấu để bảo vệ cho Tự do.

Đành rằng ai cũng cho chiến tranh là một tai họa và đều lên án chiến tranh một cách gay gắt. Vua Quang Trung thường nói : «Binh đao là việc bất đắc dĩ của Thánh nhân». Thi sĩ Văn Thiên Trường than vãn :

*Chiến trường tự cổ đã ai oán,
Nhất tướng công thành vạn cốt khô.*

Tạm dịch :
*Từ xưa giặc già bao ai oán,
Một tướng thành công, vạn đồng xương*

*Nhà thơ Vương Hàn cũng rên rĩ :
Túy ngoại sa trường quân mạc tiểu.
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Tạm dịch :

*Say nằm bãi cát chớ cười,
Xưa nay chinh chiến mấy ai đã về.*

Qua ca dao ta cũng nghe người chinh phụ oán trách, nguyên rủa chiến tranh :
*Trời sanh ra giặc làm chi
Cho chồng tôi phải ra đi
chiến trường.*

hoặc :

*Anh đi đánh giặc miền Tây,
Đề em ái ngại hết ngày lại đêm.*

Trong chinh phụ ngâm, ta nghe nữ sĩ Đoàn thị Điểm than thở :
*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chiến.
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây họa cho nên nỗi này*
Trong truyện Kiều, ta cũng

nghe thi sĩ Nguyễn Du lên án
*Gẫm từ đây việc binh đao,
Đồng xương vô định đã cao
bằng đầu
Làm chi để tiếng về sau
Ngàn năm ai có khen đầu
Hoàng sào*

Nhưng ngược lại, nếu là chiến tranh chính nghĩa thì ai cũng cõ vó, cũng khích lệ cũng nhào ra chết. Một nhà văn ngoại quốc há đã không nói : Chiến tranh là một tai họa nhưng là một tai họa cần thiết». Một nhà văn khác cũng nói : Đầu ta dùng để tư tưởng nhưng nó cũng phải sẵn sàng để đội mũ sắt nếu nó muốn được tư tưởng một cách Tự do. Nhà dũng tướng Đặng Dung đời hậu Trần trong cuộc xâm lược của quân Nguyên cũng đã hạ bút viết vào thơ đề thờ lộ ý chí sắt đá của mình :

*Quốc thù vị báo đầu tiên
bạch*

*Kỷ độ long tuyền đới nguyệt
ma*

Tạm dịch

*Thù nước chưa đền đầu đã
bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết
bao rày*

Thậm chí những người vợ cũng thành khẩn khuyến khích chồng mình nên tòng chinh giết giặc lập công. Ta hãy nghe họ vô vô, an ủi «động viên» chồng :
*Anh ơi ! phải lĩnh thì đi,
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em*

hoặc

*Phải chi em vác nổi súng
đồng
Ra đi lĩnh thế cho chồng
đôi phen.*

Cái tâm lý của con người là tham sinh úy tử, tham sống sợ

chết, nhưng gặp phải trường hợp đáng hy sinh, đáng chết thì ta nên coi cái chết nhẹ như sợi lông



hồng. Chẳng hạn như chết để giành độc lập, để chống áp bức, để bảo tồn đạo lý, để tạo Tự do

cho con người. Cũng vì lẽ ấy mà xưa kia tướng Trần-bình-Trọng đã xỉ vào mặt Thoát-Hoan và khẳng khái quát lên rằng: «Thà làm quỷ nước nam, không thềm làm vương đất Bắc».

Bao giờ, biết đến bao giờ, cái mới được thực hiện cảnh thanh bình để cho những cuộc chém giết nhau giữa người và người sẽ không còn xảy ra nữa trên trái đất này. Chúng ta e người yêu Tự do, hãy đứng lên bảo vệ lấy nó.



Dương midol

1360/BX.T/990C

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ÂM HƯỞNG

(từ ru một cung đàn)

Về đây thòp ngọc bên lầu
Nghe đau thương vọng tiếng sầu bay ngang
Nghìn thu buốt lạnh cung đàn
Vẳng đưa nhịp bước muôn-màng chiều lên
Niu hồn mây nhớ tuổi.tên
Hỏi con chim lạ đừng quên khung trời
Đường về dĩ-vãng xa xôi
Hồn xưa mấy nẻo luân hồi nao-nao
Thuyền ơi! thuyền ở phương nào
Bến xưa còn đợi thuyền sao chưa về
Ngân-giang kiều vọng nguyệt hề
Ngàn năm âm hưởng buồn tẻ tái lòng
Lá vàng gọi gió bên song
Khối sương thu dựng phiên bông tiếng thơ

THU PHONG

xứ cổ vàng

Từ « Le zen » của Oshawa đến zen và dưỡng sinh

của THÁI KHẮC LÊ

★ Nguyễn khoa Huân

Từ mấy năm nay một phong trào dưỡng sinh, ăn uống theo phương pháp của Oshawa (tức Georges Oshawa hay Nyoiti Sakurazawa) được truyền bá ở Huế và nhiều nơi trong nước, căn cứ vào các cuốn « Ăn cơm gạo lức » hay « Tân dưỡng sinh » do Ngô thành Nhân dịch hoặc biên soạn; Về thực hành có thể nói ta đã có sách để theo song về lý thuyết phân định âm dương trong các món ăn và triết lý âm dương trong vấn đề dưỡng sinh thì ta chưa có.

Như Oshawa tiên sinh đã nói : « Lý thuyết không có thực hành thì vô bổ. Thực hành mà không

có lý thuyết thì hiểm nguy. » Thật vậy, ăn uống theo phương pháp âm dương nhưng không hiểu âm dương là gì ? vì sao món ăn này âm, món kia dương, thì làm sao thầy thuốc cho mình như lời Oshawa tiên sinh đã nói ? Hơn nữa khiến cho những kẻ công kích cho rằng ăn uống như thế cũng như dùng thuốc ngoại khoa hay gia truyền để chữa bệnh mà không hiểu vì duyên cớ nào, có phần xác đáng. Vả lại khi ăn uống như thế con bệnh không tin tưởng lắm chỉ làm đề cầu may sau khi thuốc men đông tây đã thử qua rồi mà không kiến

LE ZEN

hiệu, Ngoài ra còn bị thân nhân bạn bè gièm pha công kích làm những kẻ không có chí phải nản lòng. Vì vậy, nếu không đặt vấn đề chứng minh giá trị lý thuyết âm dương về các phương diện và cho, phương pháp dinh dưỡng này một địa vị độc đáo của nó để phá các luận điệu xuyên tạc của những kẻ không hiểu biết một tí gì về Đông Y hay Tây Y mà cho rằng phương pháp của tiên sinh hoàn toàn trái với y học đông phương và tây phương thì thật là một sự ngộ nhận vô cùng tai hại. Với lối chữa Vương Đạo thuyết Oshawa là mẹ đẻ ra nền tảng Đông Y. Nó là nguồn gốc chính mà ngày nay đã thật chân truyền chứ không phải là trái với Đông Y như nhiều người lầm tưởng... Về Tây Y tuy thuyết Oshawa không đồng ý về nhiều điểm liên quan đến vấn đề sinh tố (nhiệt lượng) calôrie, muối, đường, nước v.v. thuyết tiên sinh không trái ngược với Tây y theo nguyên tắc « phòng bệnh hơn chữa bệnh » « vì trùng không đáng sợ song

chính cơ thể của ta là nguyên nhân cho tất cả » v.v.

Rất may công việc ấy đã có Thái khắc Lê làm với cuốn sách « Zen và Dưỡng sinh » do ông biên soạn. Nếu ở trang đầu tác giả đã đề tặng ông Lê văn Mừng là người đầu tiên đã thực hành phương pháp Oshawa thì ta cũng có thể nói rằng người đầu tiên thọ lãnh lý thuyết của tiên sinh chính lại là ông Thái khắc Lê. Thật thế, nếu ông Lê trong lúc làm việc ở thư viện Đại Học Huế không có may mắn đọc sách của Oshawa, vào hội

Oshawa, thì ngày nay chưa chắc ở Việt Nam đã có ai biết đến thuyết Oshawa. Vậy phần lý thuyết do ông viết chắc hẳn bảo đảm phần sở học của ông.

Sách mang nhan đề : « Zen và dưỡng sinh » cũng là ngụ ý phỏng theo cuốn « Le zen et la macrobiotique » của Georges Oshawa zen đặt nguyên danh từ không dịch làm ta nhớ đến bộ « Triết học zen » của Thiên Ân Đoàn văn An mà tác giả cũng muốn đề danh zen thay vì chữ « thuyên » của Việt Nam một môn

phái phật giáo rất thịnh hành tại Nhật Bản. Rất tiếc rằng Đại Đức Thiên Ân trong thời gian ở Nhật không biết giáo sư Oshawa để tìm hiểu phương pháp dưỡng sinh của ông mà ngày nay đa số có thể nói là hầu hết các nhà truyền tôn ở Nhật đều áp dụng «câu nói này của Sakurazawa tiên sinh đã nói với chúng tôi trong dịp ông đến Huế khi chúng tôi hỏi về hiện nay của Thiên Tôn ở Nhật tiên sinh còn cho biết: áp dụng triệt để phương pháp này người học đạo vẫn đạt đạo và giác ngộ không cần một hình thức nào về Thuyền thì phải chăng đây cũng là một phương pháp về thuyền mới, theo ngụ ý của chúng tôi? điều này không buộc mọi người phải tin theo)

«Zen và dưỡng sinh» gồm có hai mươi chương hay đoạn, một bản mục lục các sách tham khảo và một phụ lục dày 250 trang trình bày ngoài bìa hoa Sakura là loại hoa anh đào ở Nhật để ghi nhớ thuyết dưỡng sinh này do Sakurazawa phát minh gồm

Sakura và Zawa chép lại. Ảnh hoa anh đào làm ta nhớ đến vị thánh y của thuyết này là một người Nhật và còn biểu hiệu tánh cách trường xuân của hoa chỉ nở vào độ xuân đến cũng như nếu ta áp dụng theo phương pháp này ta sẽ lâu già và vô bệnh. Tiếc rằng về phương diện ấn loát kỹ thuật kém nên lá hoa cũng dương hóa và đổ như hoa.

Nội dung sách là những đoạn bình giải mỗi vấn đề riêng biệt trong lý thuyết âm dương và khoa dưỡng sinh, rớt rạc với tuq không có tính cách liên tục của đề tài song có ưu điểm đỡ tàm cho người đọc mệt nhọc. Phải đọc một thiên khảo luận phê khan trường thiên đại hải vì tác giả đã thay đổi cách trình bày rất nhiều một chương khảo cứu bên cạnh một câu chuyện. Bởi vậy mỗi chương hay đoạn ta có thể đọc riêng để chiêm nghiệm và mỗi đoạn này đều có thể là những đề tài cần thảo luận. Ngoài ra tác giả còn đề

công phu nêu lên những thắc mắc của những người ăn uống theo phương pháp âm dương mà có lẽ cũng chính là thắc mắc của tác giả (như phần đông trong chúng ta) để biện luận và giải quyết. Những lập luận của tác giả có giá trị hay không ta có quyền nghi ngờ hay phủ nhận (nếu thế ta cần biện minh cho tập luận chống đối lại các luận cứ của tác giả đã đưa ra. Đây là điều mong mỏi của chúng tôi trong khi viết bài này vì có thể vấn đề mới được sáng tỏ và chúng tôi mong rằng các bậc học giả cao minh chống lại lý thuyết này sẽ có dịp cho chúng ta biết quan điểm của họ).

Nhưng khách quan mà nhận định, ta thấy tác giả đã dùng ngay các công thức hóa học để chứng minh trong chương «thắc mắc» của những người ăn uống theo phương pháp «Oshawa» kèm theo bản phân chất các thức ăn theo tài liệu liên hiệp quốc và để biện hộ cho lập trường của ông có cả một chương nhan đề: «phương pháp ăn uống theo

giáo sư Oshawa dưới mắt của một bác sĩ Tây phương. Đó là bản dịch bài của Bác sĩ Pierre Parodi đăng trong Joie de Vivre số 22 tháng 12 năm 1960. Xin trích một đoạn ngắn như sau (trang 16): «Chính nhờ giáo sư Oshawa nên tôi nắm được những cương yếu mà tôi tin rằng xác thật nhất về bệnh tật, sức khỏe, dinh dưỡng và tôi mãi mãi nhớ ơn ông về những buổi nói chuyện của ông mà không rút ra được vài nguyên tắc hoặc giáo lý đối với tôi có vẻ đặc sắc.

Những chiêm nghiệm trên bản thân và nơi các người bệnh đã thuyết phục tôi về sự lợi rất lớn lao của phép tiết thực trường sinh và những nguyên lý xây đắp nền tảng cho phép tiết thực trường sinh ấy». Ông cũng còn dùng các luận cứ của Tây y trong chương «Giải thích theo khoa học sự khắc và hợp các thức ăn để áp dụng linh động phương pháp Oshawa» và đoạn ông đã kích quan niệm thuyết sinh tố lỗi thời và thái

quả trong chương «Bệnh kinh niên và sự suy nhược của nôi giống» ta cũng thấy ông đã dùng những lý lẽ của y học tây phương để áp dụng phương pháp: «lấy gây ông đập lại lưng ông» vậy.

Và khi ông biện luận theo khía cạnh Á đông ta không khỏi ngạc nhiên thấy ông đã nói giọng của một vị đông y sĩ trong các bài: «Thắc mắc của người ăn uống theo thuyết Oshawa» hay «Âm dương trong cơ thể con người biểu thị dưới sự hoạt động của thần kinh dinh dưỡng» kèm theo các bài có tính cách hoàn toàn Việt nam như chương 7: «Âm dương trong đời sống dân tộc Á đông»; có tính cách vừa triết lý vừa lịch sự, hay bài phương pháp Oshawa với dụng cụ và sản phụ Việt nam» như năm lửa, xông thoa nghệ, uống nước tiểu có hợp lý không và có phân lại thuyết âm dương không, một bài có tính cách phong tục và tập quán.

Tóm lại tác giả đã chú trọng đến khía cạnh của người Việt nam trong lúc biên soạn sách, nên giá trị đặc biệt của tác phẩm là ở đây mà có lẽ ngay chính những sách của thầy ông là Sakurazawa cũng không có. Tại chương III có kèm theo bảng kê một ít thực hàng ngày phân loại theo âm dương mà ông đã cố gắng viết thêm nhiều món ăn Việt mà trong sách của Oshawa không có và đồng thời cũng bổ sung bảng danh sách các thức ăn theo âm dương của cuốn «Tân dưỡng sinh» do Anh Minh Ngô thành Nhân phỏng dịch, sửa chữa một vài sai lầm trong sách này. Trang 164 có đăng một mẫu thực đơn dùng trong một tuần hoàn toàn bằng các món ăn do ông Lê soạn cho người Việt nam chúng ta (Vị tác phẩm đã hoàn thành xong nên giáo sư Oshawa đến Huế ông Lê không kịp bổ khuyết thêm bảng danh sách các món ăn thức uống theo âm dương. Mong rằng trong dịp tái bản lần thứ hai ông sẽ cho thêm. Tuy

nhiên điều ấy không cần thiết lắm vì khi ta đã thấu đáo lý thuyết và cách phân biệt được các món ăn theo âm dương thì vấn đề lập bảng kê không cần thiết nữa và ta có thể phân định được các món ăn uốn một cách dễ dàng dù ta đến một nước nào khác cũng vậy.)

Nếu quả thật dụng ý của tác giả là trình bày khiêm tốn phương pháp ẩm thực theo âm dương một cách đại cương cho đa số hiểu thì ông đã thành công vì chính ông đã không có cao vọng phát huy triết lý siêu việt này, Tuy nhiên chúng tôi còn thấy những nhận định và luận bàn sâu sắc và công phu tham khảo tài liệu khiến cho «Zen và dưỡng sinh» có giá trị khảo cứu hơn là một sách thực dụng và phổ thông. Ước mong rồi đây chúng ta sẽ có dịp đọc nhiều sách khác do ông biên khảo.

Trong lúc chờ đợi bản dịch «La philosophie de la médecine d'Extrême Orient» của Sakurazawa ra đời do Hòa Đồng

dịch và sẽ xuất bản trong một ngày gần đây để góp phần vào tủ sách của các môn đệ hay bạn hữu của Oshawa muốn tìm hiểu phần triết lý của thuyết âm dương, sách của Thái khắc Lệ ra đời rất hữu ích và là một tài liệu cần thiết cho mọi người nào đã đọc «Tân dưỡng sinh» và đã thực hành phương pháp này mà vì lý do này hay lý do khác không hiểu rõ vì sao ta phải ăn uống như thế và có nhiều nghi ngờ thắc mắc thì đó chính là cuốn sách gối đầu giường cho họ để họ càng tin tưởng trong lúc thực hành, một cuốn sách nếu không phải là nói quá đáng thì phải nói là không có không được sau khi bạn đã đọc qua cuốn «Tân dưỡng sinh».

Ngoài công dụng đó ta thấy rằng «Zen và dưỡng sinh» còn bổ xung cho kho tài liệu về dịch học tại nước ta và cả lý thuyết của lão Trang sau khi Nguyễn uy Diễm với cuốn «một nhận xét về kinh dịch» và Bửu Cầm

với cuốn «tìm hiểu kinh dịch tập 1» Nguyễn mạnh Bảo với bộ «Dịch kinh tân khảo», Nguyễn duy Cần với các tác phẩm «Lão trang» thì Zen và Dưỡng sinh của họ Thái đã góp vào khía cạnh nhân sinh quan của Dịch rất nhiều và làm sáng tỏ thuyết âm dương của Lão Tử. sách ông có thể nói là thực tế nhất, liên quan đến đời sống con người nhất không có gì là trừu tượng và đó cũng là giá trị tác phẩm của ông.

Nhân dịp này, lấy tư cách là người học trò Chân lý, chúng tôi xin mạo muội bàn góp với tác giả một vài điểm để bổ túc cho sách này.

Trang 57 ông viết: «Tránh đừng ăn trái cây». Đây chỉ là lúc nào ta áp dụng phương thức số 7 hoàn toàn ngũ cốc khi chữa bệnh còn riêng về thực đơn của chúng ta, Oshawa lúc đến Huế có cho biết thành phần như sau: ngũ cốc : 60%
Rau cỏ : 30 %
Trái cây : 10 %

Trang 96 ông viết: Sáu điều của sức khỏe. Oshawa đã cho lại số điểm trong tạp chí YIN YANG số 44 (10-1963) và đặt ra 7 điều kiện : 1 Không mệt : 5 điểm, 2 Ăn ngon : 5 điểm, 3 Ngủ ngon : 5 điểm, 4 Trí nhớ tốt : 10 điểm, 5 Vui tánh : 10 điểm, 6 Phán đoán và hành động nhanh chóng : 10, 7 Công bằng (còn có nghĩa là không bao giờ nói dối): 55 điểm.

Trang 129 vấn đề tập thể thao. Oshawa là không cần thiết nếu ta là người hoạt động (ví dụ đi bộ, làm việc bằng tay chân) Trong lúc nói chuyện ở Huế, Oshawa cho hay có một người Nhật điều khiển một đài phát thanh Nhật để huấn luyện dân chúng tập thể dục mỗi buổi sáng lại chết yểu vào chẳng từ tuần và ông cho rằng văn minh Tây phương sống trong tiện nghi máy móc quá nên bày trò thể thao thể dục để cho thân thể có dịp cử động vì suốt ngày họ đều dùng máy móc và đối với tiên sinh đó là một thứ xa xỉ phẩm không cần lắm. Riêng

chúng tôi nghĩ về câu chuyện viên huấn luyện viên thể dục người Nhật này chắc ông ta tri hành bất hợp nhất vì ông ta cho là tri di hành nan chẳng nên tuy ông hô hào người khác tập thể dục mà riêng ông thì không ? Điều này làm chúng tôi nhớ đến câu chuyện của một người đau bệnh trĩ đã không quảng trời nắng để đến tận nhà xem ông Lê văn Mừng có dùng cơm gạo lức muối mè hay không hay chỉ nói lý thuyết suông và đến khi đích thật mất thấy tận

nơi ông ta mới về áp dụng và sau đó lành bệnh.

Để kết luận bài này chúng ta mong rằng sau khi biết lý thuyết trong cuốn «Zen và Dưỡng sinh» các bạn đọc giả sẽ áp dụng trong đời sống của chúng ta và ta sẽ tránh gương người huấn luyện viên thể dục nước Nhật để cho «tri hành hợp nhất» và có lẽ đó cũng là lòng mong muốn của Thái knắc Lê khi ông xuất bản tác phẩm này vậy.

NGUYỄN KHOA HUÂN



Dùng midol

1360/6V1/000C

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tiếng nói của thế hệ :

TÂM SỰ CỦA MỘT cô gái bán bar

Mục «tiếng nói của thế hệ»

Mở rộng cho tất cả những cảm nghĩ chân thật của bất cứ thành phần nào trong xã hội hiện đại. Như bạn đọc Phổ Thông đã biết chúng tôi hoàn toàn vô tư, nhận đón khách quan tất cả các trào lưu suy tưởng.

Bạn đọc tự do nhận xét theo quan điểm riêng của mình

P.T.

Chị Diệu Huyền mến! Nhân thường đọc Phổ thông em thấy có mục đề cập đến vấn đề gái «bán bar», bàn luận một cách sôi nổi. Do đó em có ý định viết lá thư này về cho chị, hầu thổ lộ những gì thầm kín của cuộc đời mình; mặc dù em học rất dở. không có đầy đủ những danh từ

hoa mỹ và văn chương bóng bẩy để mà diễn tả cho nó có vẻ hấp dẫn; - nhưng ít ra nó cũng nói lên được những gì là sự thật của cuộc đời, dù đó là cuộc đời của một cô gái «bán bar», hơn là những kẻ chưa biết chút gì về cuộc đời, họ chưa có một số kinh nghiệm khắc dĩ nào, mà chỉ

TÂM SỰ

biết bàn luận phiếm.

Xuyên qua những bài đã đăng trên Phổ thông, em thấy có một vài bài có tinh thần xây dựng đạo đức. Kỳ dư là những bài quá khích, nhằm dă kích gái bán bar. Họ dă kích một phần vì xu hướng, một phần vì dờ chừng tỏ rằng mình là người đứng đắn, -cho nên họ không cần tìm hiểu nguyên nhân và hoàn cảnh.

Họ là những người trưởng giả quen sống trong nhung lụa, là hải, sinh, là sinh viên, họ được các vinh hạnh là cha mẹ giàu có, đầy đủ phương tiện để cho họ được mỗi ngày hai buổi cấp sách đến trường; ngoài ra họ chỉ biết ăn ngủ và đi cưỡi. Họ nhìn đời với cặp mắt màu hồng. Vì họ chưa bao giờ chạm trán với đời, nếu có chẳng đi nữa thì cũng chỉ có trên sách, báo và tiểu thuyết mà thôi. Vì vậy mà họ nhìn đời và phê phán người một cách chủ quan.

Họ không hiểu đời là muôn mặt.

Thưa chị ! Đáng lẽ ra em không viết thư này cho chị, vì có nói ra cũng bằng thừa, người ta chỉ phán xét vấn đề theo một chiều hướng, mà họ có thể thấy và hiểu. Và lại đèn nhà ai sáng. Hoàn cảnh có như thế nào tâm hồn mình có tốt hay xấu, chỉ có mình mới biết mình mà thôi, phân bua cũng chẳng ích gì. Nhưng thưa chị, qua những bài nói về thân phận gái «bán bar». Người ta gán cho nó đủ thứ danh từ xấu xa và hèn hạ. Họ dẫn chứng lịch sử. Họ ca ngợi đạo đức bằng đầu mỗi chót lưỡi. Họ đem bà Trưng bà Triệu ra đề so sánh. Nhưng biết đâu họ không là cái ung cái nhọt của xã hội? Nếu chẳng may gia đình họ bất hạnh? Thử đặt họ vào hoàn cảnh của một người con gái nghèo không sự nghiệp, không bà con. Sống bơ vơ giữa cái đô thành

Saigon đây xa hoa này. Họ có đủ can đảm để mà sống một đời sống âm thầm, làm một «người ở» hay một người «gánh nước mướn» để gửi cái phẩm giá ngàn vàng đầy sự cao thượng và đạo đức của họ hay không? hay họ cũng cố ngồi đầu lên bằng mọi cách, mọi thủ đoạn, chẳng cần nhón nghĩa và dư luận? Đó là không nói đến những hoàn cảnh phũ phàng, những cam bầy của người đời, những cái đạo đức giả của những mục «tú bà». Những anh chàng «trọc phú giả» sẵn có máu «35» luôn luôn sẵn đón ra chiêu đạo đức của một «mạnh thường quân». Nếu mình có đôi chút nhan sắc?

Mà thôi! Em xin lỗi chị nhé! này giờ hơi dài dòng đấy, mà quên hẳn việc trình bày về vấn đề

chính của cuộc đời em cho chị rõ, cứ mãi lý luận đầu đầu, nhờ người ta nói là lý luận của gái bán bar mà không thèm đọc nữa thì chết đấy! Thôi em xin vào đề chị nhé!

Nguyên em là một đứa con gái, bất hạnh, sớm mồ côi cha. Sống với một bà mẹ già và hai em. Năm em lên 17 mẹ em lại mất. Người thân yêu cuối cùng của đời em đã ra đi, để lại cho em một gánh nặng là thay mẹ lo lắng và dạy dỗ hai em. Với số tuổi mười bảy đáng lẽ em phải được yên chíu và vui sống với đời, hay ít nhất cũng được cấp sách đến trường. Nhưng trái lại em sống một đời sống âm thầm đi bán «chè bột khoai» và «gánh nước mướn» để cho hai em được tiếp tục học (hiện hai đứa vẫn còn học

Một đứa đệ nhị và một đứa đệ tam) Em sống vì trách nhiệm, vì tình thương. Đối với em, em xem đời mình như không có. Em hy vọng đời em và hy sinh luôn cả cái lứa tuổi mười bảy đầy mơ mộng và hứa hẹn, để lo lắng phụng sự và dạy dỗ em. Mong chúng sau này sẽ trở thành người hứa ích cho xã hội để khỏi phải chịu khổ đau như em. Ngược lại em được bù đắp những thiệt thòi đó bằng tình thương yêu và quý mến của chúng.

Em rất sung sướng mà an phận sống âm thầm như thế mãi cho đến hai năm sau. Nhưng chẳng may phong ba bão tố đến với em, với cuộc đời của một đứa con gái, sớm gặp nhiều bất hạnh. Nhân lúc bệnh hoạn, gia đình khủng hoảng. Người ta giả nhân, giả nghĩa giúp đỡ em, để sau đó người ta lợi dụng, bắt em phải làm theo ý muốn của họ. Là phải tiếp những

người khách mà họ cho là quan trọng, trong vấn đề làm ăn. Rồi đến cưỡng bức, bắt em phải dấn «trình». Dấn cả cái cuộc đời trinh trắng đáng giá «ngàn vàng» với giá 20.000 đ. Thật là nhục nhã khi biết mình bị cưỡng bức, đời con gái không còn nữa. Đầu óc quay cuồng, em cảm thấy như cả bầu trời đang sụp đổ. Đời em chẳng còn gì, thế là hết. Điện tiết em quăng cả vào mặt chúng, muốn cho chúng những bài học đích đáng, rồi sẽ đem vấn đề đó ra trước công lý.

Nhưng thật là trớ trêu thay nếu công lý có sửa trị họ, thì đời em cũng chẳng còn gì, mà lại còn mang thêm những điều tủi nhục nữa là khác. Vì vậy mà em bỏ qua ý ấy. Âm thầm chịu đựng để mà thấy đời mình cay đắng. Người đời sao lại quá độc ác như vậy! Họ sống trên nhung lụa, họ giàu có, trong cửa dư dã. Họ không



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BNT/ĐPDC

giúp đỡ những kẻ mồ côi, những người nghèo khổ thì thôi. Nào họ lại vung vãi những đồng tiền đó ra để mua lấy những sự thỏa mãn xác thịt dè hèn dầy thú tính. Những đồng tiền của họ vung ra như những nọc độc ghê gớm, có sức tàn phá tuổi trẻ một cách khủng khiếp. Thêm vào đó sự đồng lõa và mưu toan của những mụ «Tú bà» luôn luôn giương những cái bầy dầy gai độc, có bề ngoài thật hấp dẫn. Họ nguy trang đạo đức rất khéo léo để chực sát hại những tuổi trẻ thơ ngây và khờ dại đã vô tình bị sập vào bầy chúng.

Chán nản đến không còn thiết sống nữa, em muốn tự vận. Nhưng hình ảnh của hai đứa em, trách nhiệm làm chị không cho phép em tìm nơi an nghỉ cuối cùng. Em cố gắng sống để làm tròn nhiệm vụ. Thời gian lặng lẽ trôi T đến với em. Đến như

một vị thiên thần, như chiếc phao đến với người sắp chết, đuối như nguồn suối mát giữa sa mạc hoang vu. T là nguồn hy vọng, là lẽ sống cuối cùng của đời em. Mất T là mất tất cả. Nhưng khổ nạn thay, định mệnh quá khắc khe. T ra đi giữa lúc tìm em dường như ri máu, mà nghe lòng mình như tê dại. T cũng làm thương cũng đáng khinh như mọi người khác. Cũng ích kỷ, cũng hẹp hòi, cũng cố chấp. Đánh giá cái trình tiết tâm thường bên ngoài, cũng mù quáng, nông cạn đến không còn thấy những cái đẹp dễ khác ở bên trong. Đó là một tâm hồn trong sạch, chân thành, chỉ biết yêu và trung thành với tình yêu. Chẳng đến mang cho em một niềm tin yêu và sự tin tưởng để mà sống, giờ này chính chàng đã giết mất niềm tin tưởng đó ở lòng em. Như một con thuyền

không định hướng, em sống buông trôi và nay đã trở thành gái «bán bar». Sống bất đắc dĩ, sống không có ngày mai, mà không biết than vãn và tâm sự cùng ai! ai là người hiểu mình?

Nhân Phở Thông có mục bàn về thân phận gái «bán bar». Do đó em mới dám bộc bạch vài điều tâm sự gởi về chị.

Chị Diệu Huyền mến! Có ai là người hiểu mình bằng mình phải không chị? Là người trong cuộc, là nạn nhân của thời đại, em không dám nói rằng em phải. Nhưng chị thử nghĩ xem rằng những cô gái «bán bar» có đáng cho chúng ta khinh ghét chẳng? ngoại trừ những hạng vì tham danh vọng vì thích thỏa mãn xác thịt. Kỳ dư là nạn nhân của thời cuộc, của chiến tranh. Khi mà trên cõi

đời này còn những hạng người dám bỏ ra hàng mấy chục ngàn để mua «trinh», còn những mụ «Tú bà» chuyên sống trên xương máu của những người con gái bất hạnh đã trở thành gái điếm, rút tĩa những kẻ sa cơ. Nếu có tội những hạng người ấy mới có tội và đáng cho chúng ta khinh bỉ. Và nếu có lỗi thì cái lỗi ấy của chiến tranh. Vì chiến tranh đã làm cho bao nhiêu người phải điêu đứng. Đã mang thêm vào đất nước này hàng mấy trăm quân Viễn Chinh của ngoại quốc (xa quê hương, xa vợ con). Nói như thế không có nghĩa là em muốn tự biện hộ hay chạy tội. Vì chính bản thân của em còn gì nữa để mà biện hộ, còn danh dự đâu mà bào chữa. Nhưng em nói như thế cho những hạng người chuyên sống trong nhung lụa, trong may mắn và hạnh phúc rộng đường suy luận.

Thân ái chào chị
Em : Lam Tuyền



Quảng Ngãi

Đây xứ Quảng ngàn năm còn yêu dấu:
Giòng Trà Giang còn soi bóng giai nhân
Ta về đây tâm sạch lớp phong trần
Và lẳng lặng ngắm những nàng thôn nữ,
Đây núi Ấn sông Trà cùng Cồ lữ
Vẫn âm thầm chờ đợi các thi nhân
Hỏi các bạn, về đây cũng cây bút
Vẽ mây chiều trên Thạch Bích tà dương
Gái đất Quảng yêu kiều và diễm lệ.
Tà áo dài trong trắng phát phôi bay
Trại Quảng Ngãi hiên ngang và dũng cảm
Diệt quân thù trong chiến thắng hăng say.
Hỡi các, bạn về đây cùng cất giọng
Khải hoàn ca cùng mây nước Trà Giang.

LÊ NGỌC KHÔI

Văn học Quốc tế

SOMERSET MAUGHAM : CON

ĐƯỜNG

NGUY-HIỂM

(LA PASSE DANGEREUSE)

□ THANH-VIỆT-THANH lược thuật

(Tiếp theo P.T. số 214)

Chuyện xảy ra tại Trung Hoa giữa những người Anh
đang làm việc ở đây

Kitty, một thiếu nữ thuộc đợt sống mới, thích tham gia các cuộc hội họp, ưa đua bơi, nhảy nhót, đánh «gôn» và đủ thứ...

Walter, chồng nàng là một bác sĩ nghiêm nghị yêu nghề đến độ không ngó ngang gì đến vợ.

Chính vì lẽ ấy mà Kitty đâm ra buồn nản nàng không thể nào chịu đựng được sự quạnh hiu, thiếu tình âu yếm của chồng.

Cho nên khi gặp và quen biết được với Tounsand, một gã đàn ông đã 41 tuổi, nhưng dáng dấp còn trẻ trung, lịch thiệp, hào hoa, nàng bỗng đem lòng yêu, yêu đến độ say mê, quên cả bổn phận làm vợ của mình. Nàng cùng Tounsand, khi thì đưa nhau đến gian phòng kín đáo sau một cửa hiệu Tàu quen biết, khi thì hò hẹn ở tiệm hút và đôi khi, ngay cả trong nhà nàng nữa. Cả hai làm tình nhau gần như công khai. Ấy vậy mà Walter, vẫn không hề hay biết mãi mai. Chàng luôn chăm chú

làm việc trong phòng thí nghiệm một cách nhiệt thành và tận tâm.

Một ngày kia, giữa lúc Kitty và Tounsand đang nằm ôm nhau, hôn hít nhau trên giường ngủ của Walter, thì chợt có tiếng động... Nàng hốt hoảng kêu và Tounsand bỗng giật nảy mình, hỏi vội :

— Cái gì thế em ?

Qua bóng tối lơ mờ của gian phòng họ nghe dường như có tiếng chân người đến gần bên cánh cửa... Kitty lắp bắp, giọng nàng run hân :

— Walter !

Và nàng cố gắng đưa tay chỉ vội đôi giày đang nằm im dưới gầm giường cho Tounsand... Chàng sợ hãi, không làm thế nào mang vào được. Chàng loay quay thật lâu đôi giày đã chật lúc đó càng như chật thêm, Nàng thở dài lo lắng và vội nhanh chiếc vót đưa cho chàng. Và khi chàng mang giày xong nàng lại phải khoát thêm lên vai chàng chiếc áo vét tông. Chàng hỏi :

— Làm sao anh ra ?

Nàng bảo :

— Hãy khoan, để xem đã !

Và họ thì thầm, cùng nhìn ra cửa... Lúc đó, quả nắm bằng sứ trắng trên cánh cửa khẽ xoay chậm chậm, lắt cật khua... cả hai cùng chết điếng, đứng trơ ra, mồm há hốc. Gương mặt Kitty và cả Tounsand nữa, trông phờ phạt không còn một giọt máu nào...

May mà kẻ xoay quả nắm bên ngoài cánh cửa chỉ xoay một hai lần rồi bỏ đi, chứ nếu cứ xoay thêm giây lâu nữa, chắc Kitty và Tounsand cùng chết mất, vì quá sợ...

Kẻ xoay quả nắm cửa bên ngoài chính là Walter. Chàng mang về cho vợ một quyển sách, nhưng xoay cửa mãi không thấy vợ ra mở, chàng ngỡ nàng đang ngủ, nên im lặng trở lại phòng thuốc tiếp tục làm việc thêm.

Sau buổi chiều đó, buổi chiều «kinh khủng» đó, Kitty luôn sống trong hồi hộp, lo âu. Thần kinh căng thẳng, nàng cứ băn

khoăn mãi không biết có kẻ xoay quả nắm cửa bên ngoài kia là chồng nàng, Walter không ?

Nhưng rồi dù mặc cảm tội lỗi có đè nặng tâm hồn nàng, nàng vẫn không thể nào quên được hình bóng Tounsand. Nàng cùng Tounsand tiếp tục dần thân vào những cuộc hẹn hò, những buổi tình ái du dương, tha thiết, dẽ mê...

Cho tới một ngày Walter bất chợt rời bỏ phòng thuốc trở về sớm hơn thường lệ để báo tin cho nàng biết là chàng vừa nhận lời tình nguyện đêc công tác ở Mê Tân, một vùng thượng hu rừng núi Trung Hoa nơi đang có bệnh dịch hạch hoành hành, ghê gớm, mỗi ngày có đến hàng mấy chục người chết... Nàng sợ hãi khuyên chàng đừng đi. Nhưng chàng đã nhất quyết và bắt buộc nàng phải cùng theo. Nàng từ chối, cho đó không phải là nơi nên lui tới của đàn bà. Chàng giận dữ đưa ra điều kiện nếu nàng không đi cùng chàng thì chàng sẽ xin ly dị nàng. Chàng nói :

— Em đừng dẫu quanh anh nữa. Những tội tệ của em cùng Townsend, anh đã biết cả từ lâu !.. Anh rất lấy làm xấu hổ với bạn bè, với thiên hạ... Bây giờ không còn cách nào khác hơn là em phải theo anh từ bỏ nơi này hoặc là chúng ta sẽ ly dị nhau.

Kitty ôm mặt khóc rầm rức. Một chút giây vỏ. hồi hận bắt đầu nhen nhúm trong nàng. Nàng phân trần về nỗi cô đơn của mình, về sự hưởng hờ lạnh nhạt của Walter đề rồi can đảm thú nhận tất cả, không giấu giếm điều gì :

— Vâng em đã yêu Townsend với tất cả nhiệt thành của trái tim em từ ngót một năm nay. Và Townsend cũng đã yêu em như vậy. Em hồi hận là trót đã lấy anh, một người chồng không biết yêu thương vợ, không hiểu gì về nỗi cô đơn của người đàn bà... Anh lại chẳng biết gì đến tình yêu nó như thế nào cả. Anh cũng không thể tưởng tượng nổi một diễm nào đề hy

sinh cho nhau trong cuộc tình chúng ta..

Thốt xong, nàng vội vàng bỏ chạy vào ôm mặt khóc. Chàng nhìn theo bóng vợ khẽ im lặng thở dài..

oOo

Ngày hôm sau, Kitty tìm đến tận chỗ làm việc của Townsend đề nói cho Townsend biết rằng Walter muốn ly dị nàng nếu nàng không ưng đến Mê Tân. Trước tin ấy, Townsend chỉ hờ hững bàn góp với nàng những ý kiến không mấy phù hợp với tình thế. Nàng chán nản, mỉm cười chua xót :

— Có phải anh đã bắt đầu thù ghét em ? Nhưng dù thế nào đi nữa thì em vẫn không thể quên anh. Anh đã..

— Đừng nên nói thế, Kitty. Anh vì nhiều việc quá, lo lắng quá nên mới có thái độ lừng khừng ấy với em. Em hãy tha thứ cho anh. Và, bây giờ em định trả lời thế nào với Walter ?

— Em sẽ nói : Em sẽ theo chàng đến Mê Tân !

— Em không sợ ư ?

— Không ! Chính anh đã cho em sự can đảm. Em sẽ sống, sống bằng những giờ đầy hiểm nguy với bệnh dịch... Nếu có chết, thì cũng chỉ chết có một lần, thế thôi !..

Và nàng nhìn chàng, giọng lè rung rung. Tim nàng se thắt. Nàng muốn ngã người vào đôi tay ấm áp của người tình đề cho môi được tìm môi, gọi lại dư hương ngày cũ, êm đềm, nóng bỏng... Nhưng, nàng không thể làm được như ý muốn. Nàng cố gắng thêm, giọng nghẹn ngào :

— Nếu anh muốn biết sự thật thì hãy cố nghe tiếng nói này : Em sẽ đi, mang theo nỗi chết chóc trong lòng mỗi ngày một to lớn thêm. Có lẽ rồi cái chết sẽ giải thoát em chẳng ?..

Xong, Kitty lao đảo bước nhanh ra cửa. Townsend thở

dài nhẹ nhõm và chợt nghe thêm uống một cốc Whisky soda..

oOo

Tại Mê Tân, hàng ngày dù làm gì Kittè cũng vẫn luôn nhớ đến Townsend. Nàng không thể một sớm một chiều mà quên kẻ mình đã từng yêu say đắm. Nàng cố gắng quên nhưng không thể nào quên được. Hình ảnh chàng cứ về qua cận nào nung ngay cả trong những giấc mơ..

Thời gian trôi qua nhờ có Waddington, một người bạn của Walter làm việc ở sở quan thuế. Lui tới an ủi nàng đưa nàng đi dạo khắp cùng làng mạc quanh vùng giới thiệu cho nàng biết qua nếp sống cần cù nhàn nại của người dân quê Trung Hoa, làm nàng dần nguôi ngoai cơn buồn củ. Lại nữa những đứa bé gái mồ côi ngoag ngoãn trong viện cô nhi gần đó, do sơ Saint Fysephe trông nom, cũng đã gây cho nàng một tình thương. Nàng xung phong

vào làm việc nơi đó, giúp Saint Joseph một cách nhiệt thành. Và rồi nàng đã tìm lại được niềm vui bình thân, biết yêu thương chồng và nàng đã thọ thai...

Tuy nhiên hai người vẫn luôn có những cuộc cãi vã nhau vì quan điểm bất đồng... Bệnh dịch càng ngày càng lan rộng, Walter muốn cho nàng về với mẹ nàng ở Anh quốc hoặc về lại Hồng Kông. Nhưng nàng từ chối, cho rằng lũ trẻ mồ côi trong viện cô nhi kia đã trở buộc nàng gây cho nàng niềm phấn khởi ở lại mà không phải sợ sệt gì.

Ít lâu sau vì làm việc quá sức vì tận tâm chữa trị người bệnh không màng tới hiểm nguy Walter bỗng nhiên dịch mà chết đi một cách bất ngờ... Kitty bàng hoàng như người vừa trải qua một cơn ác mộng, trước cái chết đột ngột của chồng. Nàng vô cùng đau khổ khi nghe chàng nói với nàng những lời trấn an đầy thân yêu, triu mến lẫn

hối hận, xót xa... Nàng cảm thấy từ bao lâu nay, mình đã làm khổ chồng, đã gieo cho chồng ấn tượng xấu xa, bị ối khiến chàng mất cả niềm tin và cũng chính nàng là cái nguyên nhân thúc đẩy chàng tình nguyện đến nơi có bệnh dịch này...

Sau khi chôn cất Walter xong, theo lời khuyên của nhiều người, Waddington, Sơ Saint Joseph, nàng thu xếp hành trang trở về Hồng Kông.

Nơi đây, nàng gặp lại vợ chồng Townsend. Riêng Dorothee, vợ Townsend, rất có cảm tình với nàng. Đối với nàng như là một bạn thân. Dorothee luôn săn sóc Kitty, lo cho nàng đủ thứ cần dùng, ngay cả nhà, ăn, phòng ngủ. Nàng lại khéo léo dùng lời êm dịu an ủi Kitty về sự bất hạnh của Walter.

Phần Townsend, gã đàn ông đã một thời làm rung cảm quả tim nàng, lại tìm đến quyến rũ nàng, ve vãn nàng, xui nàng bước thêm vào tội lỗi. Nàng cự tuyệt,

nhưng Townsend cứ theo rù quẩn mãi, dùng đủ mảnh khỏe để cố dụ nàng ngã vào vòng tay mình mới nghe. Và rồi, Kitty chỉ là một người đàn bà non dạ, tuổi xuân còn tràn đầy nhựa sống, tim nàng còn đang khao khát yêu đương, nàng không thể cưỡng được lòng mình. Vòng tay êm ái của Townsend lại ôm trọn thân nàng, mặt nhìn mặt, môi tìm môi...

Nhưng chỉ một lần đó rồi thôi, mãi mãi. Kitty cảm thấy không cần thú vị nữa, không còn đủ can đảm tiếp tục cuộc tình với Townsend giữa khi tội lỗi càng ngày càng ray rứt lương tri nàng. Sự xấu hổ với Dorothee, với linh hồn chồng, làm Kitty cương quyết phải rời ngay Hồng Kông, về lại quê hương.

Trước khi nàng đi, Townsend lại tìm đến hạch hỏi nàng về cái bào thai trong bụng nàng kia có phải là con hấn không? Hấn ao ước nó sẽ là con gái. Kitty chỉ chưa xót mím cười trả lời hấn giấu giếm:

— Không! Nó không phải là con của anh. Nó là con của Walter!

oOo

Trên đường về Anh khi tàu đổ bến Maraeille trên đất Pháp Kitty bỗng nhiên nhận được tin mẹ nàng đau nặng. Cha và em nàng bảo nàng phải về gấp để kịp nhìn mặt mẹ lần cuối, Kitty vô cùng cảm động. Bao nhiêu hình ảnh thân yêu nơi quê nhà bỗng hiện ra chào múa trong đầu óc nàng... Nhưng cơn xúc động còn chưa lắng thì nàng tiếp được thêm một điện tín của cha: «Mẹ con mất sáng nay» Nàng Bàng hoàng sửng sốt và chỉ còn biết khóc thét lên, đau khổ một mình...

Ít ngày sau, nàng về tới quê gặp lại em, gặp lại cha, nỗi mừng vui tủi hổ chen nhau lẫn lộn làm Kitty thấy hối hận thêm. Giọng điệu trầm buồn của người cha già đã 60 tuổi cứ êm đềm rót vào tai nàng những chi tiết về cơn bệnh về cái chết về bao điều mong ước được gặp

mặt con trước khi chết của mẹ như từng mũi kim châm, xoi táung tím nạng.

Thấy cha cừ mẩn mê chiếc ống điếu mãi mà khôn hút, nàng làm lạ hỏi :

— Sao ba không hút ?

Ông nhẹ giọng :

— Từ khi có chiến tranh mẹ con đâm ra không chịu được và ba đã chịu không hút nữa.

Câu trả lời của cha làm Kitty se lòng. Đề khuyên cha nàng nói :

— Con ưa mùi thuốc lá, ba ạ !

Một thoáng vui tươi bỗng nở trên gương mặt người cha già. Ông khẽ lấy ống điếu mới thuốc và đánh diêm châm, rít từng hơi khoan khoái..

Kỷ niệm xưa, hình bóng cũ và cả những tội lỗi nữa, bỗng nhiên theo làn khói thuốc quện về trong trí não Kitty. Nàng thấy lần phải sống bên cha từ giây phút này.

— Ba Ba ơi... con khổ quá... Con đã mang nhiều tội lỗi, con đã chịu nhiều đòn đau... Giờ đây con chỉ còn mình ba trên đời. Hãy cho con sống bên ba, con cần đến ba..

Và nàng nghẹn ngào, ngã gục xuống chân cha.

Ông sẽ ôm chầm lấy con thì thầm :

— Kitty ! Kitty bé bỏng của ba !... Ba sẽ diu dắt con, an ủi con !..

Nàng ngẩng đầu lên nhìn cha, triu mép, mắt lệ đầm đìa..

(BẾN CÁT, dần 10-68)



Tân Nhạc đông phương một bạn trẻ Việt-Nam, sáng tác nhạc Compositeur

nổi danh ở ngoại quốc :

TÔN-THẤT-TIỆT

Sinh năm 1933 tại tỉnh Quảng Nam (Trung Việ), Tôn thất Tiết sang pháp năm 1958. Bắt đầu hòa âm (harmonie) với giáo sư Georges Dandelot tại Ecole Normale de Musique de Paris. Sau khi tốt nghiệp khóa hòa âm (với bằng Licence d'Harmonie) tại trường này vào năm 1960, anh thi vào Âm Nhạc Viện Cao Đẳng Quốc Gia tại Paris theo

lớp hòa âm (bồ túc) lớp Đối âm (Contrepoint) với giáo sư Noel Gallon vào lớp Tàu âm (Fugue) với giáo sư Yvonne Desportes. Hai năm sau anh thi vào lớp sáng tác (Composition) tại Âm Nhạc Viện Cao Đẳng Quốc Gia dưới sự điều khiển của nhạc sư Jean Rivier, tiếp đến nhạc sư André Jolivet. Tốt nghiệp Âm nhạc viện quốc gia năm 1966 với

giải Đối âm (Prix de contrepoint) giải Tàu âm (Prix de fugue) và giải Halphen về khoa sáng tác. Sau 1966 anh được phép theo dõi các lớp tại Âm nhạc viện với tư cách dự thính viên.

Ngoài những văn bằng tại âm nhạc viện quốc gia, anh đã thu được những giải quốc-tế về âm nhạc (khoa sáng tác):

▼ Giải Rolland de Jouvenel 1966 «Musique et Philosophie» (Pháp).

▼ Giải của «Fondation Copley» (Hoa-kỳ).

▼ Giải G.B. Viotti về sáng tác (Ý đại lợi) năm 1967.

oOo

Về nhạc phẩm, anh đã viết nhiều tác phẩm đủ các thể từ đại hòa tấu (2 symphonies, 2 Concerti, 1 drame musical) đến nhạc thính phòng (musique de chambre) (Sonates, trio, quatuors, quintettes v.v.) một số nhạc phẩm của anh đã được các nhà xuất bản tại

Paris ấn hành và đã được trình bày nhiều lần tại Pháp (Paris, ở các tỉnh trên đài vô tuyến truyền thanh Pháp) và các nước như Do Thái (Israel), Đan mạch (Danemark), Ý đại lợi. Hoa-kỳ v.v. Hiện nay anh sắp viết một tác phẩm cho giàn nhạc đại hòa tấu cùng với hợp xướng và đơn ca (Oeuvre pour grand orchestre, chœur et soprano solo) trong khuôn khổ những sáng tác gia (compositeur) được bộ văn hóa Pháp chọn và yêu cầu:

Nội dung và hình thức của nhạc phẩm anh dự trên căn bản triết lý Đông phương, nhất là triết lý Ấn độ. Ngoài những triết gia cổ ra Sri Aurobinbo, triết gia Ấn độ hiện đại, là người đã có nhiều ảnh hưởng nhất trên tư tưởng anh.

Triết lý này vừa là nội dung của số nhạc phẩm của anh. Vừa giúp anh tìm ra lối hành nhạc

(style) và thể nhạc (Forme). Vì lý do ấy anh đã rời những thể nhạc tây phương như sonate, symphonie v.v. để đi đến thể nhạc dựa trên quan niệm vũ trụ và nhân sinh trong triết lý Á đông, nghĩa là thể nhạc bắt đầu bằng đoạn tĩnh tiến dần đến động rồi trở lại tĩnh. «Tĩnh là cái lý nguyên thủy của vũ trụ, từ lý nguyên thủy ấy phát sinh ra lưỡng nghi và nhờ đó mới có vạn vật, tức là trạng thái động (ví dụ tinh cầu, sinh vật v.v.). Vạn vật có sinh và cũng có tử, sau cái tử nó sẽ trở về với hư không, hoặc nhập lại vào Nguyên Lý để rồi phát sinh trở lại, và cứ thế mãi mãi. (Thể nhạc «Tĩnh-Động-Tĩnh» khác với những thể nhạc Tây phương vì những thể nhạc sau thường bắt đầu bằng khúc Allegro (nhANH) tiếp đến Andante (chậm) và kết thúc bằng Rondo (nhANH)».

Anh rất chuộng nhạc cổ truyền của các nước Á đông và Trung

đông, vì theo anh, muốn tìm một lối nhạc mới, trước hết phải thấm nhuần những loại nhạc cổ. «Đây là căn bản để khỏi mất gốc dù tại muốn viết theo những lối nhạc rất mới như nhạc điện tử (musique électronique) chẳng hạn.»

Theo anh thì nhạc không phải chỉ để làm vui tai người nghe mà còn phải nói lên một cái gì. «Sáng tác gia dùng nốt nhạc cũng như nhà văn dùng chữ, những âm nhạc trừu tượng hơn».

Anh ước mong Việt nam sẽ có một nền nhạc mới vững chắc để góp mặt với thế giới, «muốn thế, chúng ta cần phải cố gắng rất nhiều vì hiện nay ngoài nhạc cổ truyền ra, nhạc mới Việt nam (tôi muốn nói về nhạc đại thể) đang còn là hạt cát so với những dãy núi của các nước khác. Nhật bản là một gương cho chúng ta vì ngoài nhạc cổ truyền được khai thác một cách triệt để ra, nhạc

mới của họ cũng đóng một vai trò khá quan trọng trong nền nhạc quốc tế hiện đại.»

Dưới đây, vài lời các báo ngoại quốc nhận xét về biệt tài của Tôn thất Tiết:

▼ Báo L'Information, Paris, 12-3-1966 :

«MUSIQUE A MIEUX CONNAITRE, MUSIQUE A DECOUVRIR»

L'événement marquant de ce 317, concert du Club des Amis des Arts et des Lettres, suivi par un public très nombreux et attentif, fut la présentation d'une série d'œuvres remarquables dues à trois jeunes compositeurs encore élèves au Conservatoire dans la classe de Jean Rivier.

Tout d'abord cinq pièces pour hautbois et piano du Vietnamiens Ton-That-Tiet, d'une grande beauté, elles émurent l'auditoire révélant à coup sur une très attachante personnalité musicale (interprètes à la hauteur des circonstances, Jean-Claude Malgoire et Marielle Renault).

(... Năm bản đề chơi haut bois và piano, của người VN Tôn thất Tiết, tuyệt đẹp, khiến thính giả xúc động, chứng tỏ chắc chắn một biệt tài âm nhạc hấp dẫn độc đáo...)

□ Báo journal musical Français, Paris 22-5-67

Le «Deuxième Quatuor à cordes» de Tôn Thất Tiết fut la présentation la plus attachante — voire la plus attrayante — de ce concert auquel participaient le Quatuor Pro Musica, B. Pierreuse, Louis Thi-

ron, Shizuko Ishii, Izuru Saita et J.C. Pennerier.

(Nhạc phẩm Tôn thất Tiết được trình diễn hấp dẫn nhất.. có thể nói là say mê nhất..)

□ của báo Tel Aviv (Do Thái) 4-1968, (cô Lydia Blicifer) :

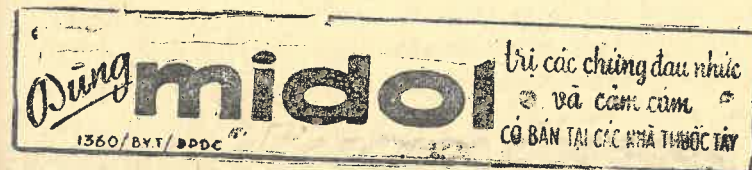
... et Tôn Thất Tiết. Le dernier nom, bien sur, aura surpris. C'est celui d'un tout jeune compositeur vietnamien que Paris commence à connaître. Il utilise dans ses partitions, m'explique Michèle, les quarts de ton auxquels viennent de plus en plus les compositeurs modernes. «Ils apportent à l'instrumentiste des difficultés énormes, compensées par des joies profondes. La douceur,

la fluidité des harmonies obtenues sont extraordinaires. Mais ce que le public considère comme une recherche de la nouveauté est en réalité un retour aux sources. Toute la musique ancienne, surtout orientale et extrême-orientale, était ainsi composée, et c'est la naissance du clavier qui figea la musique»

(.., Tôn thất Tiết, dĩ nhiên, đã làm cho thính giả ngạc nhiên. Anh là người Việt Nam, một sáng tác nhạc rất trẻ tuổi, mà Paris đã bắt đầu khám phục..)

□ của báo Le Dauphin Libéré, 1-8-1968.

Mais c'est surtout avec l'œuvre contemporaine, interprétée pour la première fois en province, du

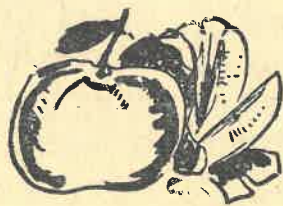


jeune compositeur vietnamien Ton-That-Tiet, que la soirée s'est délibérément hissée au niveau d'un concert de grande classe. L'accueil particulièrement chaleureux de l'interprétation de cette oeuvre originale à la fois personnelle et très riche, le fut plus encore lorsqu'on sut que son auteur était dans le public et qu'il s'était associé aux très vifs applaudissements,

(... Với Nhạc phẩm tân kỳ của Tôn thất Tiết, dạ hội nổi bật lên ngang hàng Với một đại nhạc hội ... Một nhạc phẩm vừa độc đáo, vừa dồi dào vô cùng đã được thính giả hoan hô nhiệt liệt...)

Chúng tôi rất mong sáng tác nhạc Tân thất Tiết có dịp trở về Sài Gòn để cho giới mộ nhạc Việt nam được thưởng thức tài nghệ của anh.

TÂN PHONG



CỔ CA VIỆT-NAM

HÁT TUỒNG hay HÁT BỘ

Trái với lối hát nhà trò, dân ca và chèo cổ thuần túy Việt Nam thì lối hát tuồng hay hát bộ tuy trước đây cũng rất thịnh hành trong kịch trường lại là lối hát đã chịu ảnh hưởng nhiều của tuồng Trung Hoa. Lối hát này xuất xứ từ đời nhà Trần lúc ta chống nhau với quân Mông Cổ (nhà Nguyên bên Tàu) sang xâm chiếm nước ta. Trong dịp chiến thắng lịch sử này, ta đã bắt trọn một ban kép hát tuồng Tàu dưới sự chỉ huy của Lý nguyên Cát. Thấy gánh hát này có một nghệ thuật hoàn mỹ, đầy đủ cả về thi ca, âm nhạc và vũ điệu, vua nhà Trần bèn dùng bọn này truyền hết nghệ thuật tuồng Tàu cho ban hát của ta. Phỏng theo các lối hát của họ, các bậc tước nhỏ khoa bảng của ta về sau này

mới sáng tác ra nhiều những vở tuồng rất có giá trị về văn chương âm nhạc và vũ điệu, còn truyền lại đến bây giờ như các vở *Sơn Hậu*, *Thoại ba công chúa*, *Tiết đình San*, *Phàn lê Huê*, *Lã Bố hỷ Diên Thuyền v.v...* Lúc đầu, hát tuồng là cuộc giải trí của các bậc vua chúa, công khanh, mỗi nhà luyện lấy một ban hát riêng cho mình để thưởng thức lúc trà dư tửu hậu, mãi về sau mới được phổ biến trong nhân gian Suốt cả ba miền Trung Nam Bắc. Các vở tuồng cũng như các vở chèo, đều do các bậc tước nhỏ soạn nên và chọn những tích có đủ trung hiếu tiết nghĩa làm đầu đề, chỉ có khác một điểm là hát chèo thì dùng toàn nôm và tiếng nói của người bình dân, còn hát tuồng thì dùng phần.

nhiều toàn chữ nho, và chịu ảnh hưởng sâu xa các điệu hát của người Tàu, như tấu mã, hạ sơn, nam thương, nam xuân hát khách v.v... cho nên xem hát tuồng muốn thức về câu văn phải là những người có một số chữ Hán khá nhiều mới hiểu nổi mọi nổi tình vi vậy.



Cái đặc sắc của lối hát tuồng là mọi cảnh vật đều được diễn tả theo lối tượng trưng, nghĩa là người xem phải có một học lực khá cao về chữ Hán và phải giàu óc tưởng tượng mới thấy có nhiều thích thú ở trong. Thí dụ lúc diễn tả một người ra trận

cưỡi ngựa- thì người kếp đóng vai chiến sĩ hát điệu tấu mã, cầm cái roi tượng trưng cho con ngựa rồi vừa hát vừa múa dùng bộ điệu làm y như người đang cưỡi ngựa vậy. Hoặc khi trào đèo; vượt núi, qua sông, mọi khung cảnh trình bày trên sân khấu cũng theo lối tưởng tượng mà diễn xuất, một cách vừa đầy đủ, vừa tinh vi, khiến khán giả phải chú ý, luôn luôn theo dõi mọi cảnh vật. mà theo trí tưởng tượng như đứng phò bày ra trước mắt.

Đó là những tình vi đặc sắc chỉ tìm thấy ở lối hát tuồng cổ mà thôi; và lối hát tuồng cổ này; nếu tôi không lầm. có hai tông phái khác nhau: tuồng Huế và tuồng Bình Định; đối với người sành điệu, khi đi xem diễn tuồng không thể nhầm lẫn được, vì giọng hát và bộ điệu của người dân Bình định không (đúng) giống giọng hát và bộ điệu của người dân Huế, mỗi tông phái đều có những đặc điểm riêng biệt.

Tiếc thay, hiện giờ phong trào hát cải lương với điệu vọng cổ đã làm nhiều người ưa thích và bỏ trong lãng quên hai lối hát tuồng cổ và chèo cổ, nó chỉ còn như vang bóng một thời, khi xưa càng oanh liệt bao nhiêu thì nay lại càng như mòn trong xó tối; chỉ còn những người thuộc thế hệ trung niên mới còn nhớ được ít nhiều và biết thương tiếc nhớ nhung một dĩ vãng xa xăm, coi như đã bị lối thời và lạc hậu.

Tuy nhiên, thuộc phạm vi văn hóa và mỹ thuật, tôi thiển nghĩ ta không nên để mai một một cách đáng tiếc cái gì đã được gọi là quốc hồn quốc túy. tượng trưng cho cái «dân tộc tính của người Việt Nam» mà chính người Âu Mỹ rất ưa chuộng văn gia công khảo cứu sưu tầm mà họ vẫn mệnh danh là Folklor của một dân tộc vậy.

HÁT CHÈO

Danh từ «Hát chèo» không rõ xuất xứ từ đâu, có người cho rằng điệu hát này cốt lấy sự trào

phúng để răn đời nên về sau theo thói quen đọc tránh chữ «Trào» ra chữ «Chèo» mà thành tên chằng ! Về điều này xin đề các nhà khảo cổ mới có thể làm sáng tỏ được sự thật mà vì thất truyền vẫn còn bị lu mờ trong bóng tối !

Điệu hát chèo là một lối hát đặc biệt ở ngoài Bắc có nhiều giá trị về luân lý, đạo đức và văn chương rất cao. phát nguồn từ chốn bình dân nơi thôn dã rồi sau mới lan tràn thành thị nên nó càng tiêu biểu cho cái dân tộc tính của người dân Việt Nam nữa.

Lúc đầu cho một bọn người dân quê chất phác chỉ vì tính ưa thích trào phúng và lối hát đóng trò, đem nêu ra những cái xấu, cái dở của cuộc sống chung đụng hằng ngày giữa các giới để răn đời cho có hiệu quả Họ là những người biết nhiều điệu dân ca, cả trai lẫn gái, cùng chung sức dựng nên; có thể nói họ đều là những tài tử, ngày thường làm ruộng hay buôn bán

rồi đồng thanh tương ứng, đồng khi tương cầu, lúc nào rồi tìm thú tiêu khiển lành mạnh đứng ra lập thành một ban lưu động rủ nhau đi ngao du các nơi xa lạ có mở hội hè đình đám khao vọng tìm đến giúp vui cho thêm phần long trọng, mục đích chính không phải để kiếm tiền mà chỉ cốt phô diễn tài nghệ hợp với ý niệm trào phúng vui nhộn thiên tính của mình, còn tiền thưởng thì tùy tâm, miễn sao đủ chi phí cho cuộc du ngoạn của đoàn là được. Rồi hết mùa hội hè đình đám, khao vọng họ lại trở về với đồng ruộng, tận tụy với công việc chính của họ, đợi mùa Xuân sắp tới lại ra đi phiêu lưu một dạo cho phỉ chí bình sinh.

Phường chèo của ta có thể ví với những bọn «Trovers» và «Trobadoours» của Pháp thuộc thời Trung cổ; và cách trình bày các vở hát của hai dân tộc tuy xa cách nhau hàng ngàn dặm cũng đại loại giống nhau, cốt ý đem những cái đờm, những

phong tục cổ hủ, những thói xấu như ích kỷ, biển lận, gian tham, khoe khoang, hóm hĩnh đem diễn thành trò vè, để răn đời, cùng là nêu lên những gương trung, hiếu, tiết



giết nghĩa, chứa đầy những luân lý, đạo đức cổ truyền, làm tăng thêm phẩm giá của con người lương thiện- anh hùng, liệt nữ, nêu gương sáng cho mọi người soi chung. Lối hát chèo và hát tuồng của ta cũng tựa như loại «Comédie» và «Tragédie» của Pháp vậy.

Lúc đầu, hát chèo là cái thú vui của người bình dân chốn thôn quê, về sau thấy hay và có ích cho việc chấn hưng đạo đức, các nhà khoa bảng, văn chương bèn để ý đến, và ra công soạn các vở hát cho thêm ý-nghị, tinh vi, đặt ra luật-lệ qui-tắc, rất có giá trị về văn-chương mỹ-thuật nữa; phải là những tay sành điệu, am hiểu nhân-tình thế thái có nhiều kinh-nghiệm bản thân mới soạn nổi. Hiện nay còn truyền-tụng lại được vài vở chèo rất hay và được nhiều người ưa-thích, như các vở «Lưu Bình Dương-Lễ, Trương-Viên, Nữ Tú Tài, Lục-Vân-Tiên, Nhị Độ-Mai, vân vân, nhưng vì lẽ tam sao thất bản các con hát vì học, và phần nhiều chỉ truyền khẩu cho nhau đã hát sai với nguyên văn, khiến công việc sưu tầm bề tắc rất là khó khăn phức tạp vô cùng.

Cách đây hơn 30 năm, lối hát chèo còn đương thịnh, các nhà văn cận đại, để hưởng ứng và

làm thỏa mãn sở thích của mọi người, đã sáng tác ra nhiều vở mới về lối hát chèo, tạo thành điệu «Hát chèo cải lương» cốt đem dung hòa kim cổ, đem xen các điệu hát mới vào như sa mạc, bông mạc, điệu hát lối mới, ca lý sấm nhà trò, sấm chợ, các điệu hát huê tình v.v... rồi thêm thắt ít nhiều lớp lang cho thêm phần linh động và có vẻ tân tiến, hợp thời hơn, cùng là cho hát nhiều điệu khác nhau trong một cảnh, một vai trò, luôn luôn thay đổi để khán giả có dịp mua vui, đỡ chán, nhưng chung qui «chèo cải lương» cũng như «chèo cổ» đều chọn các tính có đủ trung, hiếu, tiết nghĩa ở trong bố trí thành từng màn, từng lớp, hợp thời khi ra trò, tuy nhiên ta phải công nhận ngay rằng dù «chèo cải lương» có nhiều sáng kiến hay nhưng về giá trị văn chương và cách bố cục vẫn thua «chèo cổ» xa.

Các điệu hát chèo đều phải chọn lọc kỹ càng cho hợp với vai người đóng trò: những điệu hát vui thì hát vào những cảnh

vui nhộn, những điệu than vãn buồn thảm, nỉ non, thánh thót thì phải bắt vào những cảnh chia ly, dang dở, như cảnh mẹ lạc con, vợ xa chồng, còn những điệu hát hùng hồn, có vẻ anh hùng mã thượng thì phải để cho những vai hiếu trung, tiết liệt, hy sinh vì nước, vì nhà hát khi ra đóng trò, có thể nó mới hợp tình hợp cảnh của mỗi vai trên sân khấu. Các điệu hát chèo cổ rất là khéo léo khó hát, phải dư hơi mới hát nổi; lúc bi thảm thì như oán nhu than như phôi gan sắt như bào lòng son, khiến khán giả phải mũi lòng, rơi lệ; lúc anh hùng gấp gáp vận thì chẳng thiếu oai nghiêm, còn lúc bông lơn trào phúng thì người dù quên với tính lạnh nhạt đến đâu cũng bị lây về cảnh vui nhộn trên sân khấu, lăn ra mà cười không sao kìm hãm nổi; lắm khi con hát đóng trò khéo đến nỗi khiến khán giả quên cả hiện tại, tưởng chính mình đang mục kích những truyện xưa xảy ra trước mắt, và con tim luôn luôn hồi hộp hòa nhịp với

những cảnh diễn trên sân khấu lúc thì phần nộ bất bình trước những hành động của những kẻ gian nịnh, tàn ác, tàn tạt lương tâm, lúc thì xót xa thương cảm về những cảnh oan trái, lọc lừa thối thì đủ cả hỷ, nộ, ái, lạc trong lúc diễn trò, khiến người đi xem có dịp được say sưa thưởng thức tài nghệ của diễn viên để tạm quên hiện tại trong chốc lát, đó là những cái thích thú đặc biệt mà ta chỉ có thể tìm thấy trong những buổi diễn chèo cổ vậy.

Các điệu hát chèo cổ rất là phong phú, có đến vài chục điệu khác nhau, đặc biệt nhất là hoàn toàn Việt nam tính, cũng như các điệu hát nhà trò và dân ca không chịu ảnh hưởng nào của các điệu hát ngoại quốc cả; đó mới là những điệu hát thuần túy VN, riêng biệt của người Việt nam, những tinh hoa của đất nước, của văn nghệ Việt nam (Folklor) cần phải được duy trì làm một thứ quốc bảo mới phải. Tiếc thay, hiện giờ, âm nhạc cũng như văn nghệ

Tây phương đã lan tràn và gây ảnh hưởng quá mạnh trên nền văn nghệ nước ta, nhiều người chuộng môi, đã cho các điệu hát thuần túy Việt nam xưa là lỗi thời là lạc hậu không mấy ai chú ý đến nữa, thành thử nó chỉ còn có giá trị ờn cổ mà thôi. Vẫn biết trên bất cứ địa hạt nào, không tiến là lùi, nhưng cái gì có tính chất thuần túy Việt nam, tiêu biểu cho cái dân tộc tinh của mình, cần phải được duy trì, đừng để bị bỏ trong lãng quên mới phải. Những ai đã thuộc về thế hệ 50 năm về trước, đã từng ưa thích chèo cổ, không thể quên được những làn thảm, nói xứ, nời niều, trắn thủ lưu đồn. nhịp đuối, nhịp chờ, nhịp một, sa

lệch, đường trường. tam tưng. hát điệu v.v. mỗi khi nhắc đến. nó chỉ còn gợi trong trí nhớ một dĩ vãng xa xăm, một nguồn nhớ nhung thương tiếc cái gì là thuần túy Việt nam đã bị bỏ trong lãng quên, khó bề cứu vãn. Nó chỉ còn là vang bóng một thời, không hơn không kém! nhất là đối với các người di cư miền Bắc, không còn có dịp nào để làm sống lại được những cái gì là tinh hoa, là dân tộc tinh của người dân Bắc nữa!

PHẠM TRUNG CÔN

Biện lý tòa sơ thẩm Huế



Những ngôi sao trắng viền xanh

KHÔNG LỰC HOA - KỲ

NGÀY NAY

● Nguyễn-quang-Hiền

Không lực Hoa Kỳ góp phần lớn vào lực lượng tấn công chiến lược lực lượng phòng thủ không phận và lực lượng chiến thuật của Hoa Kỳ cũng như thế giới tự do.

Lớn nhất thế giới, hùng mạnh nhất thế giới, lực lượng không quân vô cùng quan trọng này sử dụng những vũ khí tối tân nhất :

Phi đạn liên lạc địa, khu trục cơ siêu thanh, oanh tạc cơ nguyên tử khổng lồ, phi đạn không đối địa.

Mặc dầu là binh chủng trẻ

trung nhất so với Hải quân, và lực lượng, không quân Mỹ có ngân khoản hàng năm cao nhất ; 20 tỷ Mỹ kim : số tiền này dùng để điều hành hơn 14.000 phi cơ chia ra trong 15 không đoàn oanh tạc chiến lược và hơn 220 phi đoàn chiến đấu cùng hỗ trợ. Ngoài ra không lực Hoa Kỳ còn có hàng ngàn phi đạn trong các đơn vị chiến lược, chiến thuật cũng như phòng thủ.

Quân số tổng cộng khoảng 899.000 (1967)

● Tổ chức. —

KHÔNG LỰC

Đặt dưới quyền kiểm soát và điều hành của bộ không quân (Department of the Air Force) trực thuộc bộ quốc phòng do một vị bộ trưởng dân sự cầm đầu, không lực Hoa Kỳ chịu quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ tư lệnh không lực do tham mưu trưởng đứng đầu.

Đề thi hành nhiều sứ mạng khác nhau gồm hai loại : chiến đấu và hỗ trợ.

Trong tình trạng hiện thời. Không lực Hoa Kỳ có bảy bộ tư lệnh chiến đấu (operating Command) và năm hỗ trợ (supporting Commands)

Ngoài lực lượng chính quy, trong trường hợp cần thiết, không lực Hoa Kỳ có thể sử dụng đến lực lượng không quân dự bị (Air Force Reserve) và không lực vệ binh quốc gia tại mỗi tiểu bang.

(Air National Guard)

● Các lực lượng chiến đấu. —

I — Không quân chiến lược (Strategic Air Command) viết tắt S.A.C. Không quân chiến lược

ra đời song song với sự xuất hiện của bom nguyên tử.

Để sử dụng bom này, Hoa Kỳ đã cho thành lập phi đoàn chiến lược 509 lãnh nhiệm vụ thả bom nguyên tử trên Hiroshima và Nagasaki. Đây chính là trung tâm điểm tự đó không quân chiến lược được phát triển. Nhờ sự hăng hái của tướng Curtin Le May; không quân này mới trở nên lực lượng hùng hậu như ngày nay.

Từ 1948, không quân chiến lược S.A.C. bắt đầu nhận được các oanh tạc cơ chiến lược tối tân đầu tiên : Đó là những chiếc Boeing B-50 « Superfortress » và Convair B-36 « Peacemaker » loại lớn nhất lúc bấy giờ với một tầm hoạt động liên lục địa.

Do sự xuất hiện của B-36, các oanh tạc cơ hạng nặng B-29 và B-36 trong thời thế chiến thứ hai bị tụt xuống thành hạng trung,

Chiến tranh lạnh làm gia tăng cuộc thi đua vũ trang và cuộc chạy đua này đã khiến không

quân chiến lược có ngay các phóng pháo cơ phản lực từ 1951.

Những phi cơ này với tên Boeing B-47 stratojet là những kiểu mà khả năng vượt xa các khu trục có đương thời. Hình dạng tổng quát của B-47 đã làm nhiều kỹ thuật gia ngạc nhiên: máy bay này có cánh mũi tên mềm dẻo và 6 động cơ phản lực bay mau 1046 cs/lg, bay cao 12.200m, B-47 chở ba nhân viên và có một sức bay xa: 5150cs: trọng lượng bom tối đa là 9071 ki.

Từ 1955 những pháo đài bay khổng lồ Boeing B-52 Stratofortress với tám động cơ phản lực bắt đầu thay thế cho B-36.

Có thể lấy nhiên liệu giữa đường từ những tiếp liệu cơ.

Boeing KC-135 «Stratotanker» (loại vận tải cơ thương mại Boeing 707 quân sự hóa), B-52 đặt căn cứ tại Hoa Kỳ, Anh quốc,

Thulé vùng Labrador, quần đảo Groenland tại New foundlan, Tây Ban nha và Guam 1 hải bình đương.

Năm 1959 đã là năm có một thay đổi đáng kể cho S.A.C.

Kể từ tháng 9 năm này, đơn vị phi đạn chiến lược liên lục địa SM-65 «Atlas» khởi sự hoạt động tại căn cứ Vandenberg, kỷ nguyên chiến tranh bấm nút bắt đầu.

Atlas được theo gót ba năm sau bởi loại TiTang I và sau đó kiểu khổng lồ LGM-25C «Titan II» cùng LGM-30 «Minuteman» (1963)

Với hai loại sau, Hoa Kỳ đã có một lực lượng trả đũa tức thời có thể phóng lên khi có lệnh sau một thời gian chưa đầy một phút!

Hiện nay Không quân chiến lược Hoa Kỳ có 950 phi đạn «Minuteman» 54 Titan II đặt rải rác trên các căn cứ tại lục địa Mỹ Châu.

126 phi đạn Atlas và 54 Titan I đã bị phế bỏ vì thời gian phản ứng quá chậm chạp lâu tới 15 phút.

Kể về số oanh tạc cơ, S.A.C. chỉ còn giữ lại 600 B-52 80 B-58 tức là tổng cộng 680 chiếc (so với số 2.000 oanh tạc cơ vào 1960

khi chưa có phi đạn). Đa số những máy bay cũ đã được bỏ vào kho dự trữ vì đã lỗi thời nhất là những loại B-47.

Từ khi phi đạn liên lục địa ra đời, người ta tưởng kỷ nguyên oanh tạc cơ có người lái đã chấm dứt nhưng đến nay các chiến lược gia mới nhận thấy phóng pháo cơ do phi công điều khiển có nhiều điểm lợi so với phi đạn tự động: có thể xử dụng nhiều lần chỗ được nhiều vũ khí khác nhau; tiêu diệt được các căn cứ di động bền vững, tấn công loạt thứ nhì, phá hủy các căn cứ chiến lược thù nghịch còn sót lại v.v...

Chính vì vậy mà trong tương lai không quân chiến lược Hoa Kỳ còn có những oanh tạc cơ chiến lược mới như FB-111 và AMSA (do chữ Advanced Manned Strategic Aircrafts: máy bay chiến lược có người lái)

• Oanh tạc chiến lược.

Đây là nhiệm vụ của các phi đạn liên lục địa, oanh tạc cơ

hạng trung cùng các oanh tạc cơ hạng nặng không quân chiến lược Hoa Kỳ.

Có một số vũ khí hạch tâm nguyên tử mà sức mạnh bằng 90 000 phía thế giới tự do. Những lực lượng trên được đặt tại hơn 80 căn cứ vòng quanh thế giới sẵn sàng báo động khi lâm sự.

Oanh tạc cơ là tiếp liệu cơ luôn luôn thực tập hàng ngày. Gần nửa số chiến đấu cơ của không quân chiến lược (tổng cộng đến hơn 1500 phi cơ) luôn luôn sẵn sàng rời khỏi mặt đất 15 phút khi báo động. Ngoài ra 1/8 lực lượng phóng pháo cơ hạng nặng luôn luôn sẵn sàng túc trực trên không theo hình thức báo động trên không (Air borne Alert)

Cả hai phương sách trên đều cốt để cho những vũ khí này khỏi bị phi đạn địch phá hủy trên căn cứ.

Chỉ cần nhận được tin đài ra đa phòng thủ Bắc Mỹ hay các vệ tinh báo hiệu một cuộc tấn công vào lãnh thổ Hoa Kỳ là

lệnh sẽ được truyền đến cho các oanh tạc cơ cất cánh trong khi những phi đoàn sẵn sàng Phóng lên.

Các oanh tạc cơ đều được hướng về những mục tiêu chiến lược định trước. Một khi ở trên không chúng sẽ được bộ tư lệnh chiến lược kiểm soát kỹ càng. Chúng sẽ bay sát tới gần biên giới đối phương và chỉ có quyền vượt qua khi có lệnh tấn công «Go-code» tối mật của tổng thống Hoa Kỳ.

Vì phi đạn không thể được gọi trở về một khi đã phóng đi, có thể các phi đạn chiến lược sẽ phải nhường cho địch tấn công đột đầu rồi mới trả đũa, tránh gây ra đại chiến vì nhầm lẫn.

Trong thời gian phóng pháo cơ lên đường, tổng thống và bộ tham mưu quân sự của ông sẽ xác định xem có phải thực sự Hoa Kỳ bị tấn công và có phải trả đũa hay không.

Nếu lệnh đánh trả được chấp thuận, mặt mã «Go-code» sẽ được gửi tức khắc cho các oanh

tạc cơ đang bay cũng như chuyên viên không phi đạn sẽ lựa trên các mục tiêu để báo cáo thiệt hại bên đối phương và tiêu diệt nốt những căn cứ quân sự thù nghịch còn sót lại

● Sơ lược về các vũ khí không quân chiến lược S.A.C.....

Oanh tạc cơ chính của không quân Hoa Kỳ là pháo đài bay B-52 strato fortress. Có tốc lực 1070 cs-1g và bay cao hơn 15 240m

Nhiều kiểu khác nhau của oanh tạc cơ này có thể bay xa từ 9650 cs, đến 19.300. Nó hoạt động trong 24 không đoàn chiến lược và đặc biệt nhất trong đội tam sư đoàn không quân đóng tại Guam và Utapao Chuyển oanh tạc yểm trợ tại Việt Nam Trong vai trò chiến lược B-52 chở hai trái bom khinh khí mỗi trái mạnh 24 triệu tấn TNT và hai phi đạn không đối địa AGM 28 B «Hound» có đầu nổ mạnh 4 triệu tấn.

«Hound dog» hay chó săn dùng động động cơ phản lực J-52,

bay trung bình 1700 cs-1g (tối đa 3340 cs-g) bắn xa 1126 cs sẽ được sử dụng để tiêu diệt các trung tâm phòng thủ phe địch giữa đường đi tới mục tiêu chính. Rất nhỏ nhẹ, nó chỉ nặng 4350 ký và dài : 12,95m.

Ngoài ra để đánh lạc các cơ cấu phòng không B-52 còn chở nhiều phi đạn phản diện tử ADM-20c quail. Bắn xa 400 cs phi đạn này sẽ làm cho đối phương bối rối vì cho một hình ảnh trên màn ra đa giống hệt B-52.

Riêng tại Việt Nam, các pháo đài bay B-52 đã được sửa đổi để có thể chở thêm 67 tấn bom và cho tới tháng 3-1967 hơn 100 phi xuất đã được thực hiện thả hơn 173.000 tấn bom !

Nhanh nhất trong các phóng pháo cơ chiến lược và loại B-58 «Hustler» Một phi cơ mang cánh

tam giác bay mau hơn 2.220 cs-1g và cao hơn 18.300 th.

Oanh tạc cơ siêu thanh đầu tiên của thế giới tự do bay nhanh hơn hai lần tiếng động B-58 chở bom khinh khí mạnh 10 triệu tấn dưới thân và được sử dụng trong hai phi đoàn chiến lược.

Nhờ tiếp liệu giữa đường trong khi bay các phóng pháo cơ đã có thể thả bom bất cứ nơi nào trên thế giới mà vẫn còn đầy đủ nhiên liệu để trở về căn cứ. Tiếp liệu cơ thông dụng trong không quân chiến lược là loại KC-135 stratotanker bay nhanh 960 cs-1g hoạt động ở các cao độ tương đương oanh tạc cơ.

Lớn nhất trong các phi đạn liên lục địa là loại LGM 25 «Titan II»



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DDC

Có khả năng oanh tạc được mọi địa điểm trên thế giới TiTan II chở một đầu nổ mạnh cỡ 18 triệu tấn dư sức phá tan một thành phố lớn như Nữ Ước hay Mạc Tư Khoa.

Mỗi phi đoàn TiTan II đều có một dàn phóng riêng rẽ và phi đạn được phóng ngay trong một hầm kiên cố bằng bê tông hay thép chịu đựng được sức nổ của một trái bom khinh khí gần đó.

TiTan II có khả năng phóng từng loạt hay từng đợt nhỏ và hiện hoạt động trong 6 phi đoàn (54 phi đạn cả thảy); tốc lực của nó lên tới 25.000 cs/g và tầm bắn xa: 16.000 cs.

Lực lượng phi đạn liên lục địa chính của S.A.C. gồm 950 LGM-30 «Minute.man». Đây là một hỏa tiễn ba tầng giản dị dùng nhiên liệu đặc có thể được phóng lên 32 giây ngay sau khi có lệnh.

«Minuteman» có hai loại chính: LGM-30B cân nặng: 29 tấn rưỡi dài: 17 th. chở một đầu nổ mạnh hơn 1 triệu tấn đi xa

10.000 cs. và LGM-30F (Minuteman II) tối tân hơn dài 18, 20 th cân nặng 31.750 kg bắn xa: 13.000 cs và có đầu nổ khinh khí mạnh hai triệu tấn. Loại cũ hơn LGM-30A với tầm hoạt động 9.600 cs sẽ được thay thế trong một tương lai rất gần đây.

Tương tự như TiTan II, «Minuteman» được chôn sâu trong các hầm bê tông bí mật và phóng luôn từ những hầm này.

Tóm tắt lại, Không quân Chiến Lược S.A.C. là một bộ chỉ huy biệt phái (Specified Command) đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của bộ tham mưu liên quân và Tổng thống Hoa kỳ.

Lực lượng này có một số nhân lực là 265.000 người; 1500 phi cơ và 1004 phi đạn liên lục địa.

● **Bộ Tư lệnh phòng thủ Bắc Mỹ NORAD (North American Air Defense Command) và Không quân phòng thủ ADC (Air Defense Command)**

Phòng thủ không phận Bắc Mỹ Châu là một trách nhiệm được giao phó cho nhiều binh chủng Hoa Kỳ cũng như Gia Nã Đại phối hợp lại thành một bộ tư lệnh liên quân hỗn hợp gọi tắt là NORAD.

Bộ tư lệnh này có hai phần: Không quân phòng thủ Gia Nã Đại và bộ chỉ huy CONAD phòng thủ lục địa Hoa kỳ (Continental Air Defense Command).

NORAD không những là một hệ thống phòng thủ chống oanh tạc cơ mà còn bảo vệ Bắc Mỹ Châu đối lại với các cuộc tấn công bằng phi đạn liên lục địa, bằng phi đạn phóng từ tiềm thủy đình và bằng vũ khí không gian như bom quỹ đạo hay vệ tinh.

Tất cả những máy móc, dụng cụ trang bị và vũ khí của NORAD đều đã được chỉ định để thi hành bốn sứ mạng chính:

Khám phá và báo động; nhận định; ngăn chặn và sau chót tiêu diệt. Khởi đầu dĩ nhiên sự hiện diện của các phi cơ, phi

đạn hay vệ tinh thù nghịch phải được khám phá. Sau đó, mục tiêu sẽ được nhận định lại. Nếu vật lạ được thấy là một máy bay, một hay nhiều khu trục ngầm cần sẽ được gửi tới nhận định (Identification). Trong trường hợp đó là máy bay đối nghịch nó sẽ bị tiêu diệt ngay.

Các hệ thống ra đa và điện tử báo động phi đạn và phi cơ tại Bắc Mỹ.

Để chống với mối đe dọa về một cuộc tấn công bất ngờ của phi đạn cùng vệ tinh vào Bắc Mỹ Châu, NORAD có ba hệ thống.

Hệ thống đầu tiên dùng những vệ tinh SAMOS và MIDAS do thám bằng ra đa và hồng ngoại sẽ báo cho bộ chỉ huy biết trước mọi vụ phóng phi đạn của địch ngay từ lúc chúng mới vừa khai hỏa nghĩa là cho biết trước từ 30 đến 40 phút.

Hệ thống thứ hai là hệ thống ra đa báo động phi đạn liên lục

địa BMEWS (Ballistic Missile Early warning System) gồm nhiều dàn ra đa vòng quanh Bắc Cực qua các căn cứ «Thulé» ở «Groenland», Fylingdales ở Anh và Clear ở Alaska.

Nhờ hệ thống Bmews, mà tầm hoạt động lên tới 5.000 cs; người ta có thể biết trước được mọi cuộc tấn công bằng phi đạn trong vòng 15 phút. Nếu có gì khác thường lực lượng trả đũa chiến lược sẽ được báo động ngay.

Đối lại các vệ tinh, Norad có hệ thống báo động «Spadats» (tên tắt của Space detection and Tracking System) đặt tại trung tâm phối kiểm không gian ghi nhận mọi vệ tinh và phi thuyền không gian của tất cả các quốc gia trên thế giới.

Cả hai hệ thống «Bmews» và «Spadats» đều có những bộ óc điện tử tối tân tính trước được quỹ đạo của phi thuyền và vệ tinh.

Chống với các oanh tạc cơ thù nghịch Norad có nhiều hàng rào ra đa. Từ 1965 hàng rào ra

đa nằm giữa biên giới Hoa kỳ và Gia Nã Đại với 30 đài kiểm soát ra đa đã được thiết lập. Dây ra đa này được gọi là hàng rào ra đa cây Tùng (Pine-Tree Radar Line). Sau đó hai hàng rào ra đa mới: dây giữa Gia Nã Đại (Mid-Canada Line) và sau đó dây «sương sớm» ĐCW (Distant Early Warning Line) được hoàn thành.

DEW: Distant Early Warning; hệ thống báo động viễn tiền gồm nhiều đài ra đa sắt bắc cực kéo dài trên một vòng bán nguyệt cầu dài 4.000 cây số sẽ cho biết những dấu hiệu đầu tiên của một cuộc xâm nhập bằng oanh tạc cơ.

Vòng theo bờ biển Hoa kỳ là những dàn ra đa đặt trên các khu trục hạm báo động (Radar picket ship) các hòn đảo nhân tạo (Texaco Tower); ngoài ra nhiều phi tuần máy bay ra đa EC-121 tăng năng mạng lưới báo động điện tử ra đa tới hàng trăm cây số. Mới đây nhiều hệ thống ra đa còn được đặt tại miền nam Hoa kỳ để phòng những

cuộc tấn công bằng phi cơ từ hướng đó.

NHẬN ĐỊNH. Đây là một trong những vấn đề khó khăn nhất của Norad bởi vì hàng ngày tại Hoa kỳ và Gia Nã Đại có hơn 600 chuyến bay quốc ngoại và 200.000 chuyến bay quốc nội.

Để hoàn thành công việc này Norad chia thành nhiều vùng nhận định. Mọi phi cơ lạ bay ra ngoài các chương trình dự tính sẽ bị khu trục cơ ngăn chặn ngay để xác định xem là bạn hay thù.

NGĂN CHẶN VÀ PHÁ HỦY. — (Interception and destruction):

Tất cả các tin tức đều được đưa về những trung tâm điện tử Sage (Semi Automatic Ground Environment System) một hệ thống điện tử báo tự động bao trùm khắp Bắc Mỹ và chỉ huy mọi phi đoàn khu trục cùng phi đạn phòng không.

Mỗi trung tâm Sage là một bộ chỉ huy điều khiển các cuộc không chiến ngăn chặn địch.

Những bộ óc điện tử sẽ quyết định khi nào dùng phi đạn khi nào dùng phi cơ. Chúng sẽ hướng dẫn các khu trục cơ đến gần mục tiêu và biết phân biệt phi cơ bạn phi cơ thù để khỏi bị nhầm lẫn khi các khu trục cơ nghênh cản bạn bay vào những vùng được các phi đạn địa không bảo vệ.

Norad. Có cả thảy 6 vùng địa dư (5 tại Hoa Kỳ và một tại Gia Nã Đại) Mỗi vùng lại chia thành nhiều khu phòng thủ (sector) có ít nhất một đài chỉ huy Sage. Khu là đơn vị nhỏ nhất có thể điều khiển không chiến.

Tất cả các hoạt động đều được phối hợp tại bộ tư lệnh Norad nằm tại căn cứ «Cheyenne Mountain» sâu trong lòng núi để tránh bị bom nguyên tử tiêu diệt dễ dàng.

☐ **Thành phần các cơ quan phòng thủ.**

11 KHÔNG QUÂN PHÒNG THỦ GIA NÃ ĐẠI. — Không quân Gia Nã Đại cung cấp 14.000 nhân viên và 11 phi đoàn khu trục nghênh cản cho Norad đa số là

đề phòng vệ các thành phố đồng dân của Gia Nã Đại.

Không quân này xử dụng các khu trục nghênh cản phản lực CF-104, CF 101B «Voodoo» và CF 5A «Freedom Fighter».

Ngoài ra còn có hai phi đội hỏa tiễn phòng không Bomarc với đầu đạn nguyên tử.

BỘ TƯ LÍNH PHÒNG KHÔNG LỰC QUÂN : gồm những đơn vị phi đạn phòng không bảo vệ các thành phố lớn các trung tâm kỹ nghệ các địa điểm chiến lược quan trọng trong 30 tiểu bang.

Nhân viên điều hành gồm 30 ngàn người điều khiển 12 trung đoàn phi đoàn địa không MIM-13 «Nike-Hercules».

Một số phi đạn Nike-Hercules và hầu hết phi đoàn loại cũ Cice Ajas đã được chuyển cho vệ binh quốc gia trong mỗi tiểu bang.

KHÔNG QUÂN PHÒNG THỦ HOA KỲ (Air Defense Command) viết tắt là ADC thành phần quan trọng nhất của NORAD, đây là lực lượng phòng thủ không phận chính của Mỹ quốc luôn luôn đặt trong tình trạng báo động.

Với một số nhân lực 100.000 người không quân ADC điều hành các căn cứ ra đa, 33 phi đoàn khu trục nghênh cản (ngót 1000 khu trục cơ 6 phi đoàn hỏa tiễn địa không CIM-10 «Bomarc» (188 phi đạn) và ba phi đoàn máy bay báo động ra đa FC-121 (77 phi cơ). Ngoài ra không quân phòng thủ lại còn được thường trực tăng cường bởi 21 phi đoàn phụ trục nghênh cản (500 phi cơ) của các không lực vệ binh quốc gia : Air National Guard.



HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của

Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

□NGUYỄN-VỸ

VII.— áp dụng Y thuyết Freud vào thơ Hồ-Xuân-Hương, là sai lầm.

(tiếp theo P.T. số 215)

Hai bài thơ khóc hai ông chồng của Hồ xuân Hương chứa đựng toàn một giọng trào phúng băng quơ, thay vì giọng «thương vay khóc mướn» giả tạo của thường tình, Tình yêu cho đến cả tình nghĩa phu thê, bị cô Hồ xuân Hương liệt vào loại đồ chơi quá tầm thường, quá cổ điển không xứng đáng một cảm hứng

nghiêm chỉnh, một thương tiếc nào nùng của Văn nghệ.

Cô coi nhẹ tình cảm đến mức độ phỉ báng cả cang thương của thế tục. Cô chỉ nhìn vào khía cạnh trần truồng trơ trẽn của thực tế:

Cán cân tạo hóa rơi đầu mất,

Miệng túi cần khôn khép lại rồi.

tất cả sự kiện trọng đại của nghi lễ tập tục - dù «thiên liêng» theo quan điểm cổ kính của xã hội, đều bị cô ghép vào một tiếng cười mai mỉa.

Tiếng cười ngạo nghê, kiêu hãnh của Hồ xuân Hương bất chấp cả nhơn tình thế sự.

Với người bạn trai Phạm đình Hồ, một thi nhân hào hoa phong nhã, Hồ xuân Hương cũng chỉ thích đối đáp bằng văn thơ trào lộng. Tình yêu không thành vấn đề với cô, dù là một đôi chị tiết thân thiện hằng ngày giữa hai người, cũng chỉ làm đề tài thách đố nghịch ngợm bằng trí khôn, bằng khẩu khí. Không ai có thể ngờ rằng trong khung cảnh phong kiến Khổng giáo của thế kỷ XVIII Hồ xuân Hương đã có một thái độ rất ít «hợp thời đại», (si peu conformiste !) như thế, và rất tự

do, khoáng đạt còn hơn một cô gái tân tiến của thế hệ hôm nay! Nhưng điểm nổi bật lên trong các cuộc giao du giữa cô Nữ Thi hào Thăng long với người bạn trai, cũng như với hai người chồng lại không phải là sự ham mê dâm dăng, không phải là một hiện tượng «dồn-ép», — refoulement — của Freud.

Điều đó quá rõ rệt, bởi vì Hồ xuân Hương đã phô bày rất tự do, rất phóng khoáng những tư tưởng trực nhiên của cô, không một chút gượng-ép. không một tiếng rên-rỉ, hận-sầu, như Cung oán ngâm khúc, một trường hận-ca của thời đại.

Nếu muốn nói về «Refoulement» theo nhận xét của Freud, thì có thể chỉ vào một nàng cung nữ trong «tiêu-phòng», trong cảnh nào nề chê chán :

Muôn hồng nghìn tía đua tươi,

Chúa Xuân nhìn hải một hai bóng gần

Trong cung quế âm thầm
chiếc bóng
Đêm năm canh trông ngóng
lần lần...

Cho đến đôi :
Hang sâu chút hé mặt trời
lại dâm !

Đấy mới là mô tả rõ rệt một tâm trạng bị dồn ép trong thâm cung — un désir profond refoulé, như lời nói của Freud.

Hồ xuân Hương chưa bao giờ bị dồn vào thế kẹt đó, trái lại, cô đã chấp cánh thiên thần thoát ly ra khỏi cung oán của một chế độ, của một cơ cấu xã hội tù túng, nghiêm khắc. Hồ xuân Hương đã tự giải phóng cả tâm hồn và thể chất khỏi thành-kiến Nho giáo và độc nhất: một mình cô, ở trên cả quảng đại quần chúng thượng lưu và trung lưu.

Một tâm hồn siêu đẳng như Hồ xuân Hương còn bị dồn ép vào đâu được !

Cô đã thách ông bạn trai trơ tráo giả vờ say :

Sao anh ghẹo nguyệt giữa
ban ngày ?

Này này chị bảo cho mà
biết

Chốn ấy hang hùm chó mớ
tay !

Phê bình thơ như thế mà bảo bị «dồn ép», hoặc «lãng lơ», hoặc «dâm dục», hoặc «tục tịu», đều quá sai lầm, đều là xuyên tạc ngớ ngẩn, thô kịch. Thật là không tri kỷ với cô bạn thơ Hồ xuân Hương.

Nét đùa tao nhã của Hồ xuân Hương trong mấy câu thơ trên đây cũng như trong tất cả các bài thơ khác của cô đều không câu nệ cái thể chất (le matériel) của sự vật mà chỉ chú trọng đến cái trí chất (le spirituel) của nó mà thôi.

Tóm lại, Hồ xuân Hương không thiếu thốn tình yêu, và không tha thiết với tình yêu. Cô cũng không tha thiết với dục tình, lại còn coi nhẹ tình dục, chỉ chấp nhận nó như là một sự thể trần trường thiên nhiên, mà cô khai thác bằng trí tuệ, bằng nghệ thuật, bằng thi hứng. với một thiên tài phi thường, độc đáo, không mấy ai so sánh nổi.

b) Freud không liên quan đến Hồ xuân Hương

Tại có một đôi người «phê bình» văn-học đã dùng lý thuyết Freud để giảng giải về thơ Hồ xuân-Hương, nên tôi phải đề cập đến Freud. Chứ Freud chẳng có dính líu gì với thơ Hồ-xuân-Hương.

Đề bác bỏ hẳn quan điểm sai lầm đó một lần cuối cùng, chúng ta nên đi sâu vào Freud hơn nữa.

Sigmund Freud không phải một nhà triết học như một vài người

đã tưởng. Ông là một bác sĩ y khoa chuyên về các chứng bệnh thần-kinh-hệ. Ông sinh ở nước Autriche năm 1896, chết ở Lon don năm 1939.

Trong các tác phẩm của ông, có hai quyển trình bày các lý thuyết y học của ông mà người ta gọi chung là Freudisme : La Science des Rêves, xuất bản năm 1900 (khoa học về những giấc chiêm bao) - Trois essais sur la théorie de la sexualité, xuất bản năm 1905 (Ba khảo luận về lý thuyết Tình dục).

Trong quyển trên, ông chủ trương rằng chiêm bao (giấc mơ) là một biểu diễn vô ý-thức của một dục vọng sâu xa bị dồn ép (le rêve comme une manifestation inconsciente d'un désir profond refoulé).

Trong quyển dưới, khảo cứu về các ảo vọng của dục tình, quan trọng của dục tình của trẻ nít và

khuyh hướng tới bại dâm ô mà ông cho là căn bản trong trực tính tình dục (instinctsexuel) .

Nhiều người đã áp dụng các lý thuyết y học trên đây vào Hồ xuân Hương. Họ cho rằng Hồ xuân Hương làm thơ «dâm dục», «lãng lơ», vì cô Hồ xuân Hương bị ám ảnh về tình dục, bị «dồn ép» không được thỏa mãn về tình dục nên cô bị cái trực tính tình dục làm động cơ cho nguồn thi hứng «dâm dục» của cô.

Tôi đã bác bỏ lý luận sai lầm đó. Hồ xuân Hương hăng đàn bà «bị dồn ép», và dục tình không phải là một khao khát tâm thường về vật chất đối với cô.

Nghiên cứu về nếp sống của cô ở Thăng long, và suốt quyển «Xuân Hương thi tập» của cô,

người ta thấy rằng Hồ xuân Hương không hề bị chứng bệnh thần kinh, hoặc một tâm bệnh nào khác. Hơn nữa, sau hai đời chồng bạc phước, cô «ở vậy» không muốn «ôm đàn tỳ bà sang thuyền khác». Nghĩa là cô đâu có «ham» chuyện chồng vợ, chỉ thích sống trong hoàn cảnh của một «quả phụ vui vẻ» mà thôi.

Bài «chiếc bách» chứng tỏ tâm trạng chán chể ấy :

*Cầm lái mặc ai lăm đồ bến
Giòng lèo thây kẻ rắp xuôi
ghềnh*

*Ấy ai tham ván cam lòng
vậy*

*Ngán nổi ôm đàn những
tấp tênh*

Trong lúc những người đàn bà góa khác đều lăm le tái giá, kẻ



midol

1360/BVT/SPDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

tham ván bán thuyền, người ôm đàn lấp tênh, riêng Hồ xuân Hương sau hai đời chồng, đã ngao ngán.

Thái độ đó không phải là của một người đàn bà có khuynh hướng lãng lợ dâm dục, hoặc bị chi phối bởi trực tính tình dục bị ám ảnh về chuyện yêu đương. Trái hẳn lại, cô thích sống tự do, làm thơ tởn cợt phò trương đến táo bạo cái cá tính độc lập tự hào và tự chủ của cô. Ngay với chàng Chiêu Hồ ranh mãnh không vừa cô còn xưng «chị» :

«*Này này chị bảo cho mà biết*» tuy là đùa dấy, nhưng vẫn khí khái kiêu hãnh, tỏ ý bất phục

từng người bạn trai có thể là tình nhân.

Nói chỉ với bọn trai lãng lợ «phường lồi tới», cô khinh ra mặt
Khéo khéo đi đâu lữ ngả
ngơ ?

Lại đây cho chị dạy làm thơ !

Phách, nhưng cái khí phách của bậc tài hoa có ý thức về thiên tài của mình, chớ đừng tưởng là một gái phạm thường !

Chính cô nữ thi sĩ ưa làm những câu thơ «lộn lèo» kinh khủng ấy lại là một người đàn bà chính chuyên nhất của thời đại !

Kỳ sau ; Quan niệm dục tình của Hồ xuân Hương.

Đính Chánh

Paricham, tác giả Châm bài «Con đường Mầu-hệ» đăng trong Phở-Thông số 214, có tên Việt-Nam là Bồ-xuân-Hồ, không phải là Jaya Panrang, Lưu-quý-Tân, hiện làm việc tại Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc. Vậy xin đính chánh, và xin lỗi hai bạn nhà văn Châm.

Bạn Jaya Panrang (Lưu-quý-Tân) sẽ có bài khác đăng trong P.T. số đặc biệt Xuân sắp ra.

PHỞ-THÔNG

Đêm

giáng sinh



Chúa giáng sinh

Chúa giáng sinh

Ba tiếng như dài trong lời chuông cảnh tỉnh

Thức dục người bước tới

Hàng hàng lớp lớp

Hương về ngôi nhà thờ cao

Nói cười huyền-náo

Ta người ngoại đạo

Cũng thấy non nao

Bởi những tiếng chuông dồn dập

Bước đi lạc lõng giữa tiếng cười

Lặng buồn trong cảnh vui tươi

Hai bên đường đèn sáng

Muôn lòng tin bừng nở vô vàng
Trước nhà thờ, ta ngược lên
Tình thương Chúa ban đôi tay dang vò bờ bến.

Chúa giáng sinh

Chúa giáng sinh

Giữa cảnh đèn hoa mà ta lại vô tình
Giữa muôn người ta âm thầm tìm về vòm chúa
Tâm sự cùng Chúa
Đã bao lần Chúa giáng
Đã mấy lần dẫn sinh
Sinh linh quỳ gối chào đón đấng tối cao bằng
Lời cầu nguyện thanh bình

Đêm đã khuya

Trong những ngôi nhà kia, đèn còn sáng
Thoát ra những tiếng cười vang
Họ mở tiệc Réveillon chờ Chúa giáng

Ngoài này

Trời vô tình vẫn lạnh

Tay xỏ túi ta lẻ từng bước buồn cô quạnh



Chúa giáng sinh

Chúa giáng sinh

Ba tiếng như ngân dài trong lời chuông

dần nhỏ

Trên nền trời vài vì sao nhấp nháy

Gió lạnh vẫn vô tình

Đêm nay ta trở mình chờ Chúa

VÕ TRỌNG CU

(Noel 69)



minh ơi!

thing

new



JAZZ



MÌNH ƠI

Dạo này, không biết ông Tú bận rộn công việc gì mà không nói chuyện nhiều với bà Tú? Thấy ông Tú ít có thì giờ rảnh, bà Tú cũng không quấy rầy ông, thỉnh thoảng mới nhõng nhẽo đòi chnyện này chuyện nọ. Chiều chủ nhật vừa rồi, bà nhắc ông Tú :

— Mình còn nợ em một bản nhạc Jazz nhé.

— Jazz ? ông Tú ngạc nhiên.

— Hồi tháng trước, mình có kê lai lịch phong trào nhạc Jazz cho em nghe, nhưng đã hết đâu. Mình hẹn nói tiếp cho em hiểu về nhạc mới hiện nay, gọi là «New Thing».. Mình quên rồi ?..

— New Thing, danh từ có nghĩa là «cái mới», nhưng chả có gì là thật mới. Chỉ là Jazz biến chuyển ít nhiều từ «Swing», vào những năm 1964-65, và thịnh hành đến nay. Sang năm 1969 nó còn có thể biến chuyển nữa.

Nó đang thay đổi.

— New Thing khác với Blues như thế nào ?

— Xuất hiện lần đầu tiên vào khoảng tháng 10-1964 trên sân khấu Celler Café, New Yuk, một nhóm nhạc sĩ trẻ da đen, chưa ai biết tên tuổi, trình diễn một chương trình mà họ đặt tên là «Cách Mạng Tháng Mười của nhạc Jazz». Nhóm đó xưng là «Jazz Composer's Guild» chủ trương một lối Jazz «cách mạng»,

— cách mạng của người da đen chống lại người da trắng, nhưng người Mỹ da trắng cũng chấp nhận nhạc mới trên phương diện nghệ thuật thuần túy của nó. Yếu tố nổi bật nhất là lời nhạc hồn động, sôi động mãnh liệt và thoát ly các phép ký âm đề nhạc sĩ hoàn toàn tự do ứng khẩu (isup- rovisation) theo cảm hứng bỗng bột hăng say. New Thing không

theo một lý thuyết cổ điển nào cả, khiến thính giả cứ phải chăm chú theo dõi những nhạc khúc tân kỳ, xao động, căng thẳng đến tận độ.

Những tiên phong của New Thing, như «Marion Brown», «Pharaoh Sanders» (Saxophone), «Raschid Ali» (trống), «Romie Boykins» (contrabasse), hiện nay rất được thính giả mộ điệu say mê. Năm 1966, một nữ nhạc sĩ dương cầm, «Carla Bley», 27 tuổi, người xứ Scandinavia, gia nhập nhóm Jazz Composers Guild, và đổi tên nhóm là «Jazz Composers Orchestra» với Mik «Mantler», người nước Anhride hồi trumpet, đã tăng cường, phong trào New Thing phổ biến qua Âu Châu.

— New Thing còn giữ thể thức «Swing» không, hay chỉ nhạc hòa tấu?

— Về nhạc, chú trọng đến «improvisation», nhưng thể thức vẫn giữ «Swing», nhưng một lối swing kích động hơn, có tính cách hùng hơn. Improvisation tuy là hỗn độn, nhưng vẫn có ý thức rõ rệt về nhạc điệu, cho nên swing cũng theo hào hứng kích thích của nhạc điệu. (rhythm).

Sơ sản Jazz lúc khởi thủy ở La Nouvelle Orléans từ đầu Thế kỷ, — từ King Olivier, trải qua các phong trào «Be Bop, Jazz Cool», «Hot», — với «New Thing, Free Jazz», sự tiến bộ của nhạc «Blues» của người da đen đã vượt một mức độ rất cao, và đã tạo ra một kỷ nguyên tân nhạc quốc tế, tràn lan khắp 5 châu. Trên lĩnh vực kích động nhạc tân kỳ và bạo phát của Jazz, người da đen đã ngự trị khắp thế giới, cho đến một xứ có chế

độ chính trị độc tài khắc khổ như Nga, cũng không có sức ngăn cản nổi. Nếu không công khai thì lén lút, đa số thanh niên Nga đã ồ ạt nhào theo trào lưu lối cuốn của nhạc điệu Jazz, của Jazz Tự do (Free Jazz), của New Thing...

— Sao riêng em, em không thấy nhạc Jazz có gì lôi cuốn? Trái lại, em nghe nó man rợ làm sao ấy, có vẻ congo một cây!

— Không phải riêng em. Trên thế giới, còn có hàng triệu người không tán thưởng nhạc Jazz. Nhưng các nhạc sĩ da đen sáng tác nhạc Jazz không cần biết quảng đại thính giả khắp nơi có

thưởng thức hay không, có theo kịp cao trào Jazz kích động hay không?

Họ cứ tiến lên, tiến lên mãi. Và dù sao, họ cũng đã mở ra một kỷ nguyên mới của âm nhạc, thích hợp với các hiện tượng mới của nếp sống tinh thần của những thế hệ mới sinh trưởng sau Đệ nhị Thế Chiến, tức là Thế hệ của Nguyên tử lực, của phi thuyền liên tinh, của tia sáng laser, của... Flying Saucers!..

— Minh ơi, các môn vũ mới bây giờ có chịu ảnh hưởng của nhạc Jazz nhiều không?

— Có chứ. Ngay từ đầu Thế kỷ XX, các môn vũ cổ điển đã



dần dần nhường bước cho vũ nhạc Jazz.

Mới đầu, nhiều vũ điệu như «turkey trot», «horse. trot», «honey trot», là những bước tân kỳ, pha lẫn tính chất Swing. Năm 1924, xuất hiện vũ điệu «Charleston», mở đường cho một loạt vũ Jazz : «lindy bop» (1926) «jitterbug», «shimmy», «black bottom». «boogie» (1950), «apple jack», «be bop» (1960). Be bop, hay là Bop music, biến chuyển thành hai vũ điệu mới : «rhythm and blues, và «rock and roll». Điệu vũ sau này có từ 1955, do bọn trẻ «teenagers» Mỹ (từ 15 đến 19 tuổi) phát động nhưng phải đến khi Elvis Presley xuất

hiện, trở nên «thần tượng» của chúng, thì Rock N Roll mới thật sự được nhiệt liệt hoan nghênh trong giới «Show business». Đồng thời, điệu nhảy «twist» pha lẫn Rock N Roll» và «Boogie Woogie cũng mang nặng tính chất Jazz New thing, trở nên «man rợ» và lôi cuốn các vũ trường Thế giới, chính vì ấn tượng man rợ «hợp thời trang» ấy có sức mạnh làm điên đảo trái tim của thế hệ...

— Sức mảy làm điên đảo được em ! Bà Tú trẻ môi cười.

Diệu Huyền

Nhắn tin

NGOC-ANH, Chợ-lớn.
Cho Địa-chỉ, cần gấp bỏ.

THU-MAI

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưới hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. H
tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc
« Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống **Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập
Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3-9-5-63)

Nhà hàng Đại-La : Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31=33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giải và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin để :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T. 25.861

GIÁ : 25 đồng

Cộng sở : 40 đờn